

VĂN NGHỆ

TẠP CHÍ TRANH ĐẤU VĂN HỌC

NGHỆ THUẬT MỚI

Đông Phương

5

DOÃN QUỐC SỸ, ĐỖ QUÝ TOÀN; LÊ HUYOANH, LÊ HOÀNG
PHONG, NGUYỄN TRUNG, NGUYỄN HỮU ĐÔNG, NGUYỄN

tháng 6-1961

<i>nguyễn trung</i>	1	nghệ thuật mác-xít với chúng ta
<i>trần dạ từ</i>	6	hơi thở thời ước mong
<i>đỗ quý toàn</i>	8	lưu vong
<i>dương nghiêm mậu</i>	17	đói ! chúng ta kêu cứu
<i>ngọc dũng</i>	21	nói thầm với huế
<i>thao trường</i>	24	bên ngoài
<i>trần thy nhã ca</i>	27	tuổi xuân đời
<i>trần đức uyển</i>	28	dịch thơ tagore
<i>nguyễn hữu đồng</i>	33	trường hợp tây ban nha
<i>viên linh</i>	42	ảo tưởng của thằng nam nghèo khó
<i>nguyễn nghiệp nhượng</i>	17	vùng yên tĩnh
<i>hồ thị ngọc nữ</i>	60	dịch truyện cuba
<i>trần dạ từ</i>	70	kịch : chị em cha con và trẻ thơ
<i>lý hoàng phong</i>	81	nghĩ về một viễn ảnh văn hóa

THỜI SỰ VĂN NGHỆ : phải thành lập gấp ban nhạc đại hợp tấu cho đại
phát thanh — đoàn quốc sỹ ● phòng triển lãm mùa xuân 61 — anh oanh ●
đọc đường xa chi mấy của lan đình — ba đêm kịch một bài học — p.i.n.

VĂN NGHỆ

tạp chí tranh đấu văn học
nghệ thuật mới

chủ nhiệm :
lý hoàng phong
thư ký tòa soạn :
ngọc dũng
trị sự
phí ích nghiêm

tòa soạn và trị sự

554, trương minh

giảng, saigon

điện thoại : sg. 060

số 5

reformed by Le Tung Chau

nghệ thuật mác-xít với chúng ta

NGUYỄN TRUNG

Khi Câu-lạc-bộ Văn-hóa của anh Phạm Xuân Thái tổ chức buổi nói chuyện của viên giám đốc Trung tâm văn hóa Tây Đức, tôi có đến nghe nhưng vì trễ nên chỉ nghe được những tiếng sau cùng trong phòng vắng, trong đó có câu: "... Karl Marx không thể nghĩ rằng học thuyết của ông là sai tại hai như thế nào..."

Thưa, phần đông chúng ta, nhất là những người có máu văn nghệ, không dám nói với nhau về cái hại của học thuyết mác-xít, cái hại — hay đúng hơn, một thứ dịch đáng tởm của lịch sử nhân loại — của chủ nghĩa Cộng-Sản. Ở đâu, lúc nào vấn đề đó cũng được đề cập tới: từ những phòng trà, tiệm kem cho đến những đàm trường, những văn phòng của những nhà trí thức làm đảng, (làm đảng bề ngoài lẫn bề trong: lựa những lời cho thật kêu vừa nói vừa tẽm lại bộ tóc mượt, hay sửa lại gọng kính v.v...) Chúng ta đã chửi ầm lên, chửi Cộng-Sản, chửi nhau, và khi đứng dậy ra về, cái bản mặt giả dối đáng tởm của chúng ta lộ lộ ra. Những bản mặt giả dối đó, thật ra không biết sự sống còn là cái gì, tự do là cái gì bởi vì, trước hết, chưa biết tranh đấu với trách nhiệm, chưa ý thức được cái nhu-yếu cho cuộc sống đang bị hăm dọa thực sự, tưởng sự bằng-yên bề môn này đã đủ lắm rồi. Chúng ta nếu quả thật muốn cho cái nhu yếu của cuộc sống không bị xâm phạm, muốn cho cái tự do — vì cái nhu yếu ấy là sự tự-do — hiện tại vẫn yên ổn với chúng ta, thì lập tức ngay bây giờ, hãy gỡ tất cả những bộ mặt giả-dối, thói tha ỷ đi, để tự soi sáng lấy mình trước hết, và để ý-thức được nỗi nguy-cơ của tự do, do đó tự giác, ý thức được trách nhiệm. Và trong những cuộc gặp-gỡ để nói với nhau về nạn Cộng-Sản, chúng ta không bàn suông để rồi phải đi về nữa. Không còn thì giờ để nói dõc nữa. Không gì cần thiết bằng sự tích-cực của chúng ta trong lúc này, mỗi người ở lĩnh vực của mình. Cộng-sản đã dùng sự tích cực hành-động để diệt chúng ta, để diệt tự-do. Chúng ta cũng phải dùng sự tích cực hành-động nhưng công thêm tâm hồn của từng cá thể tự do, để bảo vệ tự-do, để bảo vệ cho những gì có

NGHỆ THUẬT MÁC XÍT VỚI CHÚNG TA

tính chất nhân loại, để giữ gìn mỗi con người chúng ta khỏi bị tạt-
nguyên, sự tạt nguyên hằng cố của văn-nghệ mác-xít. (Những con khỉ
ở gánh xiếc, muốn cho gọn gàng và đẹp mắt trong sự luyện tập và biểu
diễn, người ta bèn chặt đuôi chúng đi. Tất cả cùng có cái đuôi cụt giống
nhau. Những nghệ-sĩ mác-xít (có nên gọi vậy không? bởi vì làm gì có
một thứ nghệ thuật mác xít!) cũng chịu một thứ tạt-nguyên tương tự
như vậy, nhưng không phải ở đuôi, vì con người thì không có đuôi!
Và, khi họ diễn trước mắt chúng ta thì hẳn là ngoạn mục lắm, bởi vì
nó ăn rạp với nhau.

Xét trên phương diện nghệ thuật chủ thuyết mác xít thiếu hẳn vẻ thẩm
mỹ. Cộng sản dùng nghệ thuật vào công việc thống trị, coi nghệ thuật
như một phương tiện để quảng cáo, ở đó phải làm « mạnh thêm đạo đức
và sự đồng nhất chính trị của quần chúng » (Lénine). (Chúng ta thử
tưởng tượng, thí dụ ở lĩnh vực hội họa, một lần tranh với nội dung
đầy những lời hô hào có lợi cho bọn thống trị đó bằng những hình thức
thô sơ, vô duyên và cần cỗi. Theo họ điều quan trọng nhất là cái dễ lời,
cho nó một hình thức giản dị nhất, thông thường nhất, đẹp mạnh nhất...
Y như công thức để làm một tờ biếm chương. Khi nghệ thuật được coi
như là một phương tiện, khi cái Đẹp được xem như một lợi ích, thì
hành động ấy được coi như là một lời nguyện rửa tội tục nhất, mau rộ
nhất đối với tạo hóa, đối với con người, đối với đời sống. « Mục đích
của nghệ thuật không ngoài sự tránh xa những tượng trưng hữu ích cho
thực tế, những khái niệm và những sự thừa nhận của xã hội, sau cùng tất
cả cái gì che dấu sự thực, để đặt chúng ta giáp mặt với sự thật
(Bergson, quel est l'objet de l'art). Trái lại, Cộng sản đã lập lại, trong
những nghệ phẩm, những cái mà xã hội đã làm nên thành kiến, những
sự thực bề ngoài một cách rất thô thiển. Mục đích là để giáo dục có lợi
cho chủ nghĩa, vì như người ta tập những bày bố để đi săn cho được
việc. Tất cả chúng ta đều ý thức vào hướng dẫn trí thức cho quần chúng,
nhưng không phải đến đến bãi săn, mà dẫn tới một nơi sáng sủa hơn...
Cái hiện thực xã hội là một thứ « lãng mạng » đối trá, một thứ thừa thãi
trong nghệ thuật. Nghệ thuật mang nặng sáng tạo, nghệ thuật theo kiểu
mác xít giống như cái anh chàng hát phở trong một gánh xiếc Sơn đông
cứ lặp lại lời anh làm trò bản thuốc. Thực ra thì không có nghệ thuật
mác xít. Những người mác xít đã đặt ra những lý thuyết sao cho tiện
lợi cho việc cải hóa quần chúng theo một sự « đồng nhất chính trị », để
đề dàng máy móc hóa con người.

Sự chối nhận cá tính con người của mác xít là một thứ vô nhân đạo,
không thể chịu được. Không gì khổ não cho người nghệ sĩ bằng khi làm
việc mà vắng vắng bên tai những chỉ thị. Những chỉ thị còn nặng nề
hơn xích chó. Sống cuộc đời tự do, chúng ta đã mang nặng một xiềng

NGUYỄN TRUNG

xích rồi, xiềng xích của chính bản thân ta, xiềng xích của những thành kiến, xiềng xích của truyền thống. Trong sự giải thoát của chính bản thân, chúng ta hằng đau khổ (trừ những kẻ u mê không bao giờ đau khổ với chính mình), tự trút bỏ được chừng nào hay chừng ấy sự ràng buộc nói trên. Trong khi đó, những người mác xít, hoặc tự trông hoặc bị trông thêm vào cổ mình một vòng sắt, nặng nề hơn gấp bội.

Làm sao mà cái cảm giác có thể còn là nhân loại khi những giác quan tách rời hoàn toàn cái cảm quan nhân loại, khi cái đề tài được thấy bởi cái tri thức, không phải của tâm hồn, mà là của một thứ nguyên tắc không mang một chút gì của cá thể. Làm sao chúng ta thành thực khi sự xúc động tâm hồn của ta bị chai liệt. «... Sự cảm xúc phải hữu diện trong tác phẩm...» (Hegel). Tiếng hót của một con chim, mùi hương của một đóa hoa và hơn nữa, nghệ thuật nhân tính của một người hẳn thứ những mùi hương thoảng trong phòng kín nội tâm, những lời ru êm ái của dây lòng, những niềm an ủi êm đềm nhứt, chúng ta có đã tâm nào diệt tất cả? Còn sự dối trá nào đáng thương hại hơn sự từ bỏ những di sản hùng hữu của những gì cao cả ban cho. Chúng nó đã hủy bỏ tất cả kho tàng đó và mang vào một thứ mặt nạ ghê tởm nhất, để làm một việc phản phúc, vô ơn và vô nhân. Chúng nó đã lừa nhau một lũ.

Hẳn đó cũng là nguyên nhân của cuộc ly hương vĩnh viễn của nhà danh họa Chagall. Người họa sĩ đầy cá tính, giàu tưởng tượng, mang nhiều mơ mộng, là một nhà cách mạng trong hội họa. Nhưng, con người đó không bao giờ hưởng ứng cuộc cách mạng theo mác xít của nước Nga, sự kiện tất nhiên của những thế hệ giả. Khi được làm Ủy viên Mỹ thuật thành phố Vitebsk, nơi Chagall cho là tổ ấm của mình, chúng ta tưởng ông ta sẽ hạnh phúc lắm. Nhưng, Chagall kẻ, những nhiệt chứng đẹp đã bao giờ cũng chóng tàn. Mấy viên chức tới viếng (người ta thử mang nghệ thuật vào đời sống, trang điểm đời sống, trang trí nhà cửa, tàu điện, tàu hỏa...) đều ngạc nhiên. Những con lừa, con bò cái, không có hình của Marx, của Lênine. Mấy giáo sư, Malevitch cầm đầu, đều sùng sốt: *nghệ thuật suy đồi — nghệ thuật trường giả tàn hiện thực*. Nghệ thuật cách mạng, sự thực là một nghệ thuật điều khiển, cái bình vuông đen trên nền trắng. Đó là câu mỉa mai hay ho nhất của Chagall về cái nghệ thuật cách mạng theo mác xít. Cái thái độ chống đối của một người nghệ sĩ chân chính, dù là tiêu cực nhất cũng là một cuộc chống đối hào hùng. Bởi vì khi nghệ thuật đi đúng con đường của nó, khi chúng ta không coi rẻ nó, không mang nó làm phương tiện, mặc nhiên chúng ta làm một việc đối kháng hữu lý với chủ nghĩa mác xít.

Nhưng ở hoàn cảnh này, chúng ta không thể đối kháng chúng nó trong sự tiêu cực. Tất cả phải tự chuẩn bị để đương đầu với cuộc xâm lăng hằng đe dọa. Khi xứ sở bị chia cắt, chúng ta bùi ngùi, chúng ta thương tiếc, trong khi đó Công-sản ráo riết để có thể làm một cuộc chia cắt thứ hai, hoặc một cuộc thôn tính vĩnh viễn. Chúng nó không biết cái Đẹp là gì hết. « Nhân danh cuộc sống và con người, những người mác-xít từ bỏ cái đẹp lý-tưởng cổ-điển, nó là một thạc

NGHỆ THUẬT MẮC XÍT VỚI CHÚNG TA

loạn hết thảy... Sự thối loạn tuyệt vọng của một « thiên tài » hung ác » (H. Lefebvre). Đối với chúng, cái Đẹp không phải là những gì xon dịu lòng ta, những gì mang đến cho ta niềm « khoan khoái vô-biên » (Tagore) Sự hòa-hợp bằng cử của vũ-trụ, của tác-phẩm nhân-loại, tổng hợp của yếu tố thiên-nhiên và sự rung cảm của tâm hồn con người trước xã-hội, trước thiên nhiên ấy. Nghệ thuật của chúng không phải để an ủi con người, không phải để thưởng-ngiạn mà là để giáo-dục giai-cấp bị-trị, sao cho thành một khối duy-nhất để có thể lùa vào để dâng cái hỏa ngục đỏ. Không gì khởi hời bằng, không gì tẻ nhạt bằng khi đọc thấy Hồ-chí Minh, theo gót Mao Trạch Đông, và Mao Trạch Đông đã theo gót của Lénine, đặt ra một tiêu chuẩn về kỹ thuật viết văn, theo đó, những văn nghệ sĩ cán bộ phải thực hiện sao cho rõ ràng, giản dị, bình dân, dễ hiểu. Khi nghệ thuật đi tới cái « giản dị bình dân » thì những nghệ sĩ không cần thiết nữa. Mấy thằng « trưởng giả » đó phải đi ăn xin, vì những tên thợ viết, thợ vẽ sẽ chiếm chỗ hết. Một là, theo cái triết lý đúng đắn của Bergson, « nếu sự thực đến đánh thẳng vào giác quan chúng ta và ý thức của chúng ta, nếu chúng ta có thể thông cảm liên được với sự vật và với chính chúng ta... nghệ thuật sẽ vô ích, hay hơn nữa chúng ta sẽ là nghệ sĩ cả, bởi vì tâm hồn chúng ta sẽ rung động liên với sự hòa hợp thiên nhiên » (Bergson, quel est l'objet de l'art). Hai là, khi nghệ thuật được qui định trong một nguyên-tắc khởi hời theo kiến cộng sản, thì chúng ta không cần nghệ thuật nữa, hay nói theo Bergson, chúng ta sẽ là nghệ sĩ hết thảy. Nhưng mà nghệ-thuật không phải là điều đúng đắn của Bergson kể, cũng không phải điều khởi hời của Lénine xưng để thiết lập chủ nghĩa độc tài, để thực hiện sự đồng hóa vô nhân đạo. « Cái tự nhiên của nghệ thuật là lẫn tránh, phức tạp và khó nắm giữ » (René Huyghe — Pouvoir et magie de la couleur). Không phải là ai cũng có thể tham dự được trong sự thực hiện cái Đẹp và mục đích không phải cho một nhóm người nào, không phải phương tiện cho những quyền lực tham lam và khắc nghiệt, mà chung cho tất cả nhân loại, chung cho mọi giai cấp, chung cho mọi tâm hồn.

Theo Tchernychev viết (1853), « một vật đẹp khi nó nhắc nhở cho chúng ta cuộc sống ». Không phải như vậy. Đối với ta, một vật đẹp nó làm khoan tâm hồn mình một cách tự nhiên, theo từng cảm quan thẩm mỹ riêng biệt của cá tính, những cảm quan không giấu diếm, không đối gạt bởi một ý thức nhất định hay đúng hơn, bởi một thành kiến về cái Đẹp. Là tất nhiên người nghệ sĩ luôn luôn mang trong người một ý niệm về cuộc sống, nhưng ý niệm đó, nó thể hiện tự động, khởi có sự nhắc nhở của ý thức. Khi sự thể hiện được nhắc nhở cố ý, nghệ thuật bị lừa dối tức khắc, nghệ sĩ tự lừa dối đồng lúc ấy. Tôi thích con vật nào đó, con hồ chẳng hạn, vì nó có một vẻ thẩm mỹ nào đó xúc động cảm quan tôi, chứ không phải vì nó nhắc nhở tôi cuộc sống nông thôn, tôi người làm ruộng khổ cực. Sự nhắc nhở ấy là lão khoét, một thứ cố ý bóp chết nghệ thuật. Những nghệ-sĩ (?) theo mác-xít đã tự dối mình như vậy và cũng dối người xem như vậy. Tôi còn nhớ một anh bạn họa sĩ kẻ

NGUYỄN TRUNG

chuyện trong thời kỳ còn ở hậu phương, anh có đi xem cuộc triển lãm tranh của Văn Giáo và đồng bào được họa sĩ chú thích. Từng bức tranh một. Đại khái như, cái áo này thay vì màu xanh, lời vẽ màu đỏ để diễn tả Sức Sống... Ở người họa sĩ chân chính thì không có sự diễn tả đó. Sức sống ngấm-ngấm chuyển sang tác phẩm nhân một thần khái, như là một thứ điện, không hình thành trong ý thức, mà chìm sâu trong vô thức.

Nghệ thuật của các nước theo chủ thuyết Mác-xít nhất định là vô giá trị, ngoài cái hữu ích cho bọn thống trị. Ngoài trừ những cá nhân có chủ quan mạnh mẽ, những nhà trí thức thực sự đối kháng liên tục, (trường hợp Chagall, Boris Pasternak) bản mặt thực của nghệ thuật theo mác xít là sự hiếp đáp nghệ thuật để làm phương tiện. Khi chúng ta còn sống, khi chúng ta còn cười, khi có niềm vui, khi chúng ta còn khóc khi có nỗi buồn, khi chúng ta còn biết đứng lại giây phút trước vẻ đẹp nào đó, khi chúng ta soi gương là thấy mình hãy còn đủ cánh tay, còn đủ đôi tai, còn đủ giác quan, chúng ta như định không thể nào dung được cái bộ mặt lạnh lùng và giả dối của nghệ thuật theo mác xít. Khi nào trên mặt đất này hết đi mùi hương của cỏ hoa, mất đi tiếng hót của chim chóc, mất đi tiếng ra buồn của người mẹ, mất đi lòng thành thực, niềm tin yêu thì khi đó chủ thuyết mác xít mới thắng được, còn chúng ta thì tự tử. Nhưng không bao giờ những thứ đó mất đi hết được. Đó là cái « kho tàng vô tận » (Tagore) mà đáng cao cả đã ban cho con người. Cộng sản chối nhận sự ban cho ấy để lừa gạt nhau. Còn chúng ta, chúng ta nhận lãnh gia bảo thiêng liêng đó và thực hiện đúng theo lương tâm, đúng theo bản chất nhân linh. Chúng ta không phải là những con khỉ trong gánh xiếc.

Nghĩ tới vài anh em, nhớ tới mấy người bạn bao giờ cũng tin yêu nhau cùng một ý thức tranh đấu, tuy mỗi người có một cá tính khác biệt (cộng sản thì không có điều quý hóa đó), tôi viết những giòng này, để cùng thay phiên nhau nhắc nhở rằng, ngoài trách nhiệm nâng sao nghệ thuật của xứ sở, chúng ta còn có trách nhiệm tranh đấu cho xã hội chúng ta, một xã hội nhược tiểu mà số phận là sự kềm kẹp của Cộng sản, đế quốc, cái trách nhiệm mà lớp tuổi đi trước sắp tàn lụi mà chưa làm nên gì hết, và khi mà Cộng sản vẫn còn đặt tiêu chuẩn kẻ trên cho nghệ thuật, thì trừ bạo lực ra, chúng không làm gì được chúng ta hết.

NGUYỄN TRUNG

hơi thở thời ước mong

Những phiên mê xúng thom mãi hôn chúng ta
mùa nhân tới rong chơi ngoài phố biển
những móng tay hồng giam kín đời anh
em đừng trách chi người quên trở về
giấc mơ còn đây, đêm vô biên hay chiều căn phòng cũ.
giấc mơ còn đây anh ôm em dấu mặt hoài trong tóc
những cơn đường ấy chân xéo lên lá vàng
xiềng xích quấn vòng tay, ta bước đi.

Nhớ gì không, thành phố đỏ, ngày anh về
ném hết trên rừng hoang đau thương anh tới tìm em
nhớ gì không, thành phố đỏ, trưa mừng hai
em mang áo mưa đi với anh trong nắng vàng
em để bàn tay, những ngón tay dài, trên
bài thơ chiến tranh anh viết chiều nhà trọ
nhớ gì không, thành phố đỏ, mừng bốn
minh giận nhau, anh lang thang rồi tủi hơn
— chao, tủi hơn
chuyến đi ngang dòng nước trôi đi mãi
ngò lên cầu sắt đen
bài hát ấy nhắc anh thời yêu em.

Những phiên mê xúng thom mãi hôn chúng ta
bây giờ mùa thu, sắp mùa thu, anh hiểu rồi
tóc em đây là nghĩa trang, đời anh ngủ đỏ
môi em hồng tươi là mặt trời, tình yêu anh nuôi đỏ
và trái tim máu hồng tươi là ngày sau
ngày sau không ai lãng quên, không ai đơn đau
mỗi lần sớm mai, nụ cười mọi người san sẻ
mỗi lần hoàng hôn đất kẻ lòng mến yêu
lời ước mơ nói khẽ.

Anh sẽ về, câu chuyện mùa thanh trà
dăm ba nỗi đơn đau, đôi chút niềm hối tiếc
là tình yêu chúng ta
hai trái tim nhỏ nhoi gom lại báo động thế kỷ này

những dải dài chia cắt
còng phần ngực, nghen ngào hơi, chờ ngóng mắt
là tình yêu chúng ta
hai nỗi bi thương cộng một tiếng kêu tỏ quốc này
đòi thống nhất
hai niềm tin hẹn hẹn những giòng thơ sẽ viết
bài hát ấy nhắc anh thời có em.

Mỗi lần mùa thu mang bông tối trở về
trong cuối mái rừng sâu hoài vọng của lòng mình
giấc mơ hiện hình giữa chúng ta đắm thắm
cánh tay anh cánh khô và vai em la vàng
giấc mơ hiện hình tất cả niềm nhớ nhung
sáng heo may mang đi hết đợi chờ hôn giận
những buổi chiều những buổi trưa hôn thiết tha
chúng ta lên nam giao, về vĩ độ, cùng nhắc tên bè bạn
lời vang dội giếng sâu
những hơi thở trong đêm dài vô tận
anh kể chuyện hà nội, sơn tây hay thái bình nam định
những người thân chết đi để mình còn nhau
giấc mơ khuya bình tĩnh một vì sao lìm nhỏ.

Những phiên mê xúng thơm mãi hôn chúng ta
mỗi lần mùa thu, mỗi lần sau giấc mộng
bảy giờ loài蝶 nhỏ cử tang bảy lá úa vườn nhậu
trong đêm đen, ngoài phố xá quanh hiu
bảy giờ con lấu đã qua rừng qua biển
quá ngày vui, quá niềm tin
bao nhiêu đường về bao nhiêu đau thương anh tìm lại
làm sao nói với em điều ấy
tổ quốc đau thương, bạn bè gục ngã, thành phố hoang liêu
hãy đêm như đêm nay, những lần anh thức dậy
làm sao cất lên với em bài hát ấy
nói tình yêu chúng ta
giữa hơi thở thời ước mong thơm nức.

TRẦN DA TỬ

lưu vong

ĐỖ QUÝ TOÀN

Lúc 12 giờ trưa, Thảo mua 50 bánh mì kẹp bơ ở xe bánh mì đậu bên cạnh cột đèn gần chỗ sửa xe đạp, vào hiệu phở gọi một bát tái nạm nhiều nước, rồi vừa húp nước phở vừa gặm bánh mì, thế là xong một bữa. Gọi thêm một ly nước đá lạnh 1\$, Thảo vắt thêm chút chanh và khuấy một thìa đường nhỏ uống làm hai hơi, uống xong mở hột vớ ra trán và chẳng cũng cảm thấy ngực và lưng ướt nhẹp, Thảo đợi mả lên đầu, gọi trà liền rồi bước ra khỏi tiệm, đi theo lối con đường xe cộ rầm rập vào buổi trưa, rẽ ở một ngã tư, đi một quãng, tới nhà người bạn. Cửa tiệm bên phải là một cái tủ cao gồm nhiều ngăn bày những chai nước giải khát, nước Vĩnh hảo, dấm và xì dầu, tất cả đều âm vì bụi than. Bên trái, than cà mau, than được xếp làm hai đống cao, ở giữa là cái cân bàn và những đống than vụn. Thia trong, một cái tủ thấp, những lọ bánh, kẹo rế liền, một đũa bé con đang ngồi đọc tiểu thuyết nhật báo. Thảo đứng lại bẹo má thằng nhỏ khế một cái và ghé mắt nhìn vào trang báo, trang tiểu thuyết gồm có những chuyện « Nợ linh chưa trả », « Đổ Máu tranh hùng » và « Tiếng gọi núi rừng ». Thằng bé con ngoen đầu về một bên để phản đối cái vẹo má của Thảo, mắt vẫn không rời cái món nợ linh chưa trả. Thảo bỏ đi vào trong nhà, trèo thẳng lên căn gác gỗ, bước tới cái giường của chàng, chiếc giường con vừa chứa một người, kê ở sát vách tường tiếp với ban-công. Trên giường, chiếu không được ngay ngắn, một ít bụi than vương trong khe chiếu, chiếc quạt vút ở dưới chân giường. Đứng là bà chủ nhà lại lên đây ngồi liền chỉ thu hoặc cái ông em trai báo đời lại đến vờ tiếu, phải kéo lên đây si mắng cho một trận mất mặt mũi rồi lại xùy tiếu cho nó đây. Thảo rời áo sơ mi và quần, treo cần thận lên hai chiếc đinh ở đầu giường, chàng chột nhó ra không rõ còn mấy bộ ở tiệm giặt ủi chưa lấy về. Chàng lục moi trong túi cái giấy tiệm giặt mà không thấy. Thảo cúi xuống kéo cái va ly ở gần giường ra, mở như một lát rồi lại đây vào. Chàng cứ ngồi xồm thế mà nghĩ ngợi, lơ đãng, không nhớ rõ

còn mấy bộ. Tiệm giặt quen thuộc ra cũng không cần phải tìm lại giấy. Nhưng phải nhớ ra mà lo trước không thì có bữa hết cả áo quần mà mặc. Đứng đây, chàng lại nhớ là còn cái áo sơ mi trong va ly, ừ rồi những mà dứt khuy, chiều nay phải mang về đằng kia cho vợ định cho rồi đưa nàng giặt luôn mấy cái quần áo trong nữa.

Hôm tháng trước đây Thảo còn làm cho một phái bộ viên trợ về kinh tế của Mỹ, công việc của chàng là coi kho hàng và đôi khi lái xe. Nhưng họ bỗng bỏ việc, cho chàng thôi sau khi trả bồi thường mấy tháng lương. Bây giờ Thảo đang chờ lấy cái bằng lái xe vận tải hạng nặng để xin làm cho công tác dự án đập Đa Nhím, chàng có người bạn làm ở đó có hứa sẽ giúp cho. Hơn một tháng nay Thảo phải để cho vợ con ở nhờ nhà ông chủ, còn chàng thì lang thang nhờ vả các bạn bè, nay ăn chỗ này mai ngủ chỗ khác. Vợ chàng giục tìm lấy một cái nhà nào mà ở tạm mấy trăm một tháng cũng được, nhưng chàng vẫn cứ nấn ná. Chàng nói đùa: mình là người di cư vào đây, có cái miếng ăn cho vào miệng đã là tốt chun rồi lại còn đòi nhà ở nữa, sao mà làm thử thử? Ấy cứ ở lại xem có chết đói không mà lại còn đòi chỗ ở nữa? Nể chồng nên Thuần cũng không giục nữa gì, tuy chính nàng vẫn cố đi tìm. Vợ chồng trở mà cứ ở xa nhau mãi thế ai mà chẳng khó chịu?

Thảo bước xuống cầu thang trông thấy người đàn bà đang dọn cơm trên một miếng ván ép hình vuông dùng làm mâm. Thảo hỏi như đã quen miệng:

— Kia, bác gái, chưa về soi cơm à?

— Dạ, bố cháu chưa về, tý nữa là về bảy giờ đấy. Bác rửa mặt cho mát rồi soi cơm luôn thể? Hay là tắm đi, tắm cho nó mát mẻ một cái rồi ăn cho nó ngon bác ạ. Thảo vội vã:

— Ấy, tôi lại vô phép bác, ừ đằng kia mát rồi.

— Ở đâu? Bác lại nói thế? — Người đàn bà vẫn không dừng tay đang nhanh nhẩu dọn cơm và thổi bếp.

— Dạ, đằng nhà bà thím. Chả là hôm nay ông bà ấy thổi cơm mấy người khách thành ra cứ giữ tôi ở lại mãi, chả nhẽ...

Thảo đắp chiếc khăn mặt vào nước áp lên mặt cái ngang câu nói. Cái lối nói bỏ lửng ấy cũng quen đi rồi. Chàng vừa cọ mạnh khăn vào cổ và thái dương vừa khịt khịt mũi thật mạnh. Chàng chợt nghĩ ra là đáng lẽ ăn cơm khách thì chàng phải về nhà muộn hơn nữa chứ sao lại về sớm thế. Nhưng người đàn bà chắc cũng không để ý hoặc lơ chuyện ấy đi. Từ hôm chàng bắt gặp bà ta đang đấm dúi cho tiền thắng em ruột thì bỗng nhiên giữa hai người có một khoảng cách kinh trọng mà cả hai đồng ý là không nên xâm phạm. Người đàn bà không còn giữ cái thói xía xoi vào việc riêng của chàng nữa và chàng cũng bớt phải đeo mặt nạ quá nhiều đề mà tung hứng những câu chuyện cà kê. Vào Nam được đến sáu bảy năm nay mà chàng vẫn thấy mình chả thay đổi được tý gì cái lối khách sáo cũ. Chơi với các bạn Nam thì chàng rất dễ dàng thích ứng ngay với họ, nói năng đối xử mọi cách thiệt tình. Nhưng riêng với những người đồng hương đồng cảnh, dầu là bạn hữu hoặc anh em họ hàng,

chàng vẫn không bỏ được cái lối khách sáo, giả dối ra mặt mà vẫn làm bộ thanh thiết.

Ở trong sở chàng làm trước có mấy người cả dân di cư lẫn dân sinh trưởng trong này. Khi họ gặp gỡ nhau có đủ cả thì họ cũng thiết tình với nhau lắm. Nhưng khi chỉ mấy người di cư gặp nhau thôi, nhất là khi giờ ngày tết, thì tất cả lại mang cái bộ tịch hoa hộc hoa sỏi, bóng bẩy khách sáo. Không kể đến những người già cả, ít giao thiệp, lại bảo thủ, thì tất mọi cử chỉ ngôn ngữ của họ gần như chẳng đổi thay gì cả. Thành ra trong đám người ngụ cư, vẫn có một cái nền nếp, truyền thống mà không hiểu đến bao giờ mới thay đổi được.

Thảo vắt khăn mặt lên giây, xong ngẫm nghĩ chàng lại kéo xuống định mang treo ngay ở chỗ giường nằm. Làm thế thì kẻ cũng hơi nhỏ nhặt nhưng để đây thì rồi trẻ con nó cứ tiện lấy lau mặt nó rồi để đây cũng khó chịu lắm. Chàng đành làm bộ cầm cái khăn ở tay quay ra nói với bà chủ nhà mấy câu :

— Gớm mấy hôm nay trời nóng quá nhỉ ?

— Vâng, nhưng oi thế này là lại sắp mưa đấy bác ạ. Tôi đoán chỉ chừng chiều hay mai là mưa thôi đấy. Lạy ông mưa xuống cho chúng con mát mẻ một chút. Cái cứ này ở ngoài mình là bắt đầu nắng to đấy bác nhỉ !

— Dạ nắng to.

— Ở vùng bác cỡ này đã bắt đầu gặt chưa nhỉ ?

— Vâng. À, tôi cũng chẳng nhớ nữa, cái ngày ấy thì mình cũng bé đâu nhớ được.

— Ấy, ở vùng tôi là bắt đầu rồi đấy. Ai cấy sớm là bây giờ sắp sửa gặt rồi. Ở ngoài mình phải làm quần quật quanh năm ấy...

Thảo cầm chiếc khăn bước lên thang gác, lên đến trên rồi mới giả vờ kêu lên :

— Ở kia ! quên thế nào mà lại mang cả khăn lên đây nữa ! Rõ thật là...

Chàng ngáp ngừng rồi đi thẳng luôn về giường, vắt cái khăn lên đầu giường. Thế là xong, từ mai chàng cứ coi như là đã quen và cứ việc mang khăn lên vắt ở đây.

Thảo nằm xuống giường. Ở nhà dưới chàng nghe thấy tiếng người vợ đang léo xéo gọi lấy thau nước cho chồng rửa mặt. Chàng lại hơi ân hận là kẻ mình cũng hẹp hòi, giữ gìn làm gì đến cả cái khăn mặt, nhờ người ta biết lại cười cho là buồn xỉn. Cái khăn ướt nhỏ một vài giọt nước xuống đầu làm cho Thảo lại cảm thấy bất tiện. Thôi để chiều chàng mang cái khăn xuống rửa mặt rồi lại vắt lại chỗ cũ. Chàng sẽ làm thế nào để nhắc khéo cho cả nhà biết là ai phải dùng riêng khăn của người ấy cho vệ sinh. Như vậy chắc người dân bà cũng hiểu mà cảm ơn. Dầu sao thì hai vợ chồng người bạn đối với chàng cũng tốt. Đang thời buổi này, có một chỗ mà về nghỉ chân thế này đã là khá rồi, còn hơn là thuê một cái phòng méng ra mỗi tháng cũng năm sáu trăm bạc đâu đâu ra. Người bạn mỗi ngày đi làm hai buổi, thường chàng chỉ gặp vào buổi tối. Thỉnh thoảng hẳn lại mời chàng đi chơi, đi ăn uống và chàng không

ĐỒ QUÝ TOÀN

phải nghĩ gì đến chuyện trả nợ. Người vợ, tuy tình tình không hợp nhưng chàng cũng không thấy khó chịu gì lắm.

Thảo nằm ngủ một giấc cho đến chiều khi một cơn gió mát thổi vào tận chỗ nằm. Trời đang trở cơn sắp mưa lớn nên không khí bỗng lạnh lẽo. Giấc ngủ chưa người cơn, thân thể bàng hoàng một nhọc, Thảo cố mở mắt ra mà hai mí vẫn rấp lại. Mỗi lần chớp được mắt chàng lại trông thấy những chiếc sà ngang và những viên ngói trên mái, nhưng chỉ một thoáng chàng lại thấy tối om và một màu đỏ nóng vẫn dục lên. Mấy bữa hình lại từ xi nê và một bức bản đồ in màu treo trên tường cứ mỗi lần nằm xuống giường là chàng lại phải ngấm đến phát chán đi mà không thể nào tránh tầm mắt mình khỏi chạm tới chúng được. Ngay mấy cái hình lờ lợc kỳ cục ấy cũng đủ khiến giấc ngủ trưa là một sự mệt nhọc, Thảo phải ráng chịu đựng nhất là nếu đặt mình nằm xuống chàng không ngủ được ngay thỉnh thoảng lại phải mở mắt một cách bàng quơ vì nhấm mũi cũng mỏi, mà động mở mắt là lại thấy chúng; hoặc khi chàng tỉnh dậy chưa kịp định thần thì chúng đã hiện ra ngay trên mắt mình một cách đơ dảng và trêu trọc. Thảo cố banh hai mí ra mấy lần mà không nổi, trong mấy cái chớp mắt mờ mờ có cả ánh sáng trắng bạch và màu đỏ lờ loang chung quanh, lại mấy bức hình với chiếc bản đồ chồng chất lên nhau. Trong cơn mê man Thảo cũng thấy mình phải nghiêng đầu về bên trái để lần sau có chớp mắt ra thì khỏi phải nhìn thấy chúng. Gió mát thổi trên vai và chạy ngang ngực cũng không làm cho Thảo tỉnh ngủ hơn. Chàng lại thiếp đi như quá mệt sức vào một cơn mê sảng với cái điệu nằm nghiêng lưng biếng và chệnh vênh và một nỗi mỏi mệt nín lấy toàn thân một cách thoải mái. Bên ngoài bắt đầu bắn xuống những hạt mưa lớn, mạnh và rời rạc càng lúc càng mau dần. Những hạt nước to vạch những tia song song sáng chói trong bóng nắng còn gay gắt. Mưa càng mạnh và mau hơn, trời dịu lại rồi xám dần, gió thổi tung tất cả những rác bụi ở ngoài đường. Thảo hết hoảng tỉnh dậy vì nước mưa tung từ cửa sổ rơi ướt một giọt lên má, lẫn với mồ hôi tạo thành một cảm giác nhớp nháp khó chịu. Trống ngực đập thình thịch làm cho Thảo lảo đảo không thể ngồi dậy được và hai mắt tối xăm lại. Chàng cố nín chân song đứng dậy kéo hai cánh cửa sổ sắp lại. Nước mưa theo mấy dòng chảy xuống tới chân tường. Thảo lại ngồi xuống dựa lưng hai tay vòng ôm lấy hai đầu gối, mắt dim dim để hưởng thêm những cảm giác êm êm và tẻ lái mà giấc ngủ vẫn lưu lại trên thân thể chàng. Một phần, cả chân chìm nặng như kéo hai vại tre xuống và đầu gối duỗi ra, trong khi đầu chàng cũng nặng nề muốn gục xuống vai và hai thái dương dần dật vừa khoan khoái vừa mệt nhọc. Cơn mưa lớn đập xuống bên ngoài làm cho căn gác oi nóng như đầy hơi nước.

Thảo thiếp đi lúc nào không rõ, khi chàng mở mắt ra thì cơn mưa ngoài đường như đã tạnh. Thảo cầm cái khăn mặt ở đầu giường, cái khăn lại khiến chàng khó chịu, dùng dằng dứng lặng. Chàng nghĩ tới vợ và định sẽ đến thăm nàng ngay, không hiểu trong lúc này đưa con chàng có đang ngủ không. Cơn mưa vừa rồi thì Thuận lại tha hồ mà hùng

nước, cái ông chủ vẫn có cái lối thích uống trà tàu đun bằng nước mưa và nhất định cho là nước mưa trong này pha không ngon bằng nước mưa ở ngoài mình (lại ngoài mình!) và ông ta vẫn còn nuôi mãi cái ý định bao giờ yên hàn trở lại ngoài ấy để được uống nước ngon hơn.

Thảo bước xuống nhà dưới, không ai có ở trong sân. Chàng rửa mặt một cách tự nhiên, vắt chiếc khăn lên giấy, nhìn cái khăn rộng, dày và sạch mẽ rất vừa ý chàng lại thấy tiếc rẻ, nhưng nhất định không rút đi nữa. Chàng lên vội trên gác, mặc quần áo, chải đầu ở trước gương, ngắm nghía mình trong gương, lâu lắm chàng chưa đi chơi với vợ con, có lẽ hôm nay chàng sẽ đến dắt vợ đi dạo phố một mẻ.

Bước qua cửa hàng Thảo vội vã hỏi trước :

— Kìa bác trai đã đi làm rồi à ?

Lúc đó đã tới bốn giờ chiều. Người đàn bà đón lời :

— Vâng. Bác đi chơi. Chiều bác nhớ về sớm sớm cơm nhé.

— Vâng, để tôi xem đã à.

Trận mưa để lại những vũng nước dài hai bên mặt đường.

Thành phố mát mẻ sau cơn mưa chớp nhoáng trở nên tấp nập và tươi vui hơn. Thảo bước men theo những vũng nước và nhìn từng chiếc xe đi qua, trông những nét mặt của mọi người lái xe ngược chiều vui tới rồi đi khỏi. Thảo đáp chuyến xe buýt lên Sài Gòn. Nước mưa đã khô dần khắp cả thành phố, chỉ còn ở trên trời những đám mây rộng và bừa bãi giữ ánh sáng dịu cho buổi chiều. Trên những trùn lá cây, nước mưa đã bay hơi hết chỉ còn để vết lại là màu lá xanh tươi mát mẻ.

Thảo lên chuyến xe chạy đường Gia-Định. Thành phố lúc nào cũng mới mẻ và với vàng, kể cả chuyến xe buýt nặng nề kênh càng luôn luôn có cái dáng muốn phăng phăng chạy mỗi lần đổ lại hăm hực số nhào cả những người đứng trên. Thảo thử gọi lại và thấy không thể tưởng tượng được cái cảm giác khi đi trên một chuyến xe điện, khi chàng còn ở Hà Nội. Chàng chỉ nhớ là nó dịu dàng hơn, và tiếng hành xe lăn trên đường sắt, tiếng cọ của chiếc xe trên dây điện, nghe tương đối êm ái không mệt tai như tiếng máy nổ này. Cũng như nhiều thứ khác, chàng cảm thấy càng ngày càng xa dần những kỷ niệm của thành phố cũ, của quê hương. Chàng không thể nhớ lại cái vòng cổ ngọc quanh bờ hồ chỗ nào rộng chỗ nào hẹp. Cũng không thể nhớ lại từ chợ Hôm đi tới ở Đồng Mác phải qua những con đường nào... Có lần Thảo đã ngồi cùng vợ, khi đó hai người chưa lấy nhau và yêu nhau nên cũng nhớ quê hương nồng nàn, hai người cũng thử vẽ lại bản đồ của thành phố cũ, cố chấp những con đường lại với nhau, nhưng cuối cùng tấm bản đồ cũng vẫn còn những quãng trống không thể diễn vào, và những trung tâm không nối với nhau bằng con đường nào. Thảo lấy làm hối hận khi ra đi đã không mang theo được một tấm bản đồ Hà Nội, để bây giờ treo lên tường thỉnh thoảng đứng nhìn vào cho đỡ nhớ.

Năm đầu tiên tới đây, nỗi hăng hái của chàng, nỗi tung bừng được tới một mảnh đất mới thuộc về mình cũng với nỗi nhớ nhung đau đớn vắng đời trong lòng chàng như cơn say sóng biển vào chưa tan. Tất cả

mọi người cùng tung bừng hy vọng và khi nhớ tới quê hương, vẫn còn tưởng tượng như tất cả vẫn ở gần tầm tay mình. Chẳng nhớ lại, không hiểu khi đó có ai nghĩ tới vấn đề sẽ lập nghiệp ở hẳn lại đây hay chỉ ở đây chờ đợi một khi sẽ trở về nơi mảnh đất, làng xóm, phố phường ngày xưa. Chính chàng cũng chẳng nghĩ đến điều đó, vì hình như mọi sự đã đi nhiều quá, với lại đời sống mới mẻ ngọt và đầy hy vọng buộc chàng phải bắt tay vào những công việc rần rần tới ngay, không thấy cần phải nghĩ tới điều đó.

Một lần Thảo tới thăm người thím dâu, chú chàng đã chết non khi thím còn rất trẻ chỉ có một mụn con gái, hiện giờ lại ở ngoài. Bước vào căn nhà, cái không khí trang nghiêm và bình thản làm náo chí chàng

Người thím ngồi trên chiếc giường trải chiếu hoa, loại chiếu giầy, và rộng rãi, nét vẽ đậm và công phu mà thừa nhỏ chàng vẫn trông thấy trong gian nhà thờ nhà bác cả. Chung quanh bà, âu đông sáng cheang, cơi trầu, hộp thuốc lá, ống nhổ bằng nhôm, cối giã trầu, ấm trà, hộp trà lâu, bộ lược chén nhỏ, chiếc quạt giấy, và những đồ lặt vặt trông đến tội mắt. Thảo cúi đầu chào thím và cố thử hình dung ra chú chàng mà không được vì ông chú đã chết từ khi chàng chưa ra đời. Bà bảo chàng ngồi xuống bên giường và cái giọng đều đặn, kiểu cách, kẻ lẽ về công danh của mấy đứa cháu ruột của bà. Thằng này đã đỗ bác sĩ, sắp mở phòng bệnh. Thằng khác làm ở nha Quân cụ, rất to. Một đứa nữa đang học bên Tây, vừa mới gửi thư về kêu là lạnh lắm,

— Thưa thím, có nhận được bưu thiếp của em Thiện cháu? Bà lặng yên rồi chậm chạp trả lời:

— Cũng đến ba bốn tháng rồi không nhận được gì hết, Ấy, hử cứ không nhận được thì lại quên đi, chứ mà mỗi lần nhận được thiếp của nó là thím khóc thương nó mất đến mấy đêm. Không hiểu ở ngoài ấy chúng nó có khổ lắm không, đọc thiếp nó thì thím lại cho là nó viết dối viết dá cho mình yên tâm thôi mà, tin thế nào được.

— Thưa thím cũng chẳng biết thế nào được ạ.

Bà lặng lẽ nghĩ ngợi một lúc lâu rồi tiếp:

— Thôi thím thì chắc là không còn trông có ngày về đến quê cha đất tổ nữa. Nhưng mà như anh với các anh nó nhà này thì thế nào cũng còn về được. Ồi dào Ồi nhưng mà có về thì các anh cũng còn nhớ gì đây mà quê với quán. Đẽ thương mộ cụ với mộ ông nhà bây giờ cũng chả còn ai nhớ nữa nhỉ?

Chàng lễ phép ngập ngừng:

— Dạ, có lẽ chú Năm cháu cũng còn nhớ chứ ạ.

Bà thím cầm cái ống nhổ, nhổ ngậm quét trầu rồi đặt xuống. Bà đỡ tay cầm cái bĩ trầu cắn giữa hai hàm răng, đưa ra trước mặt nhìn qua rồi mới vứt vào trong ống nhổ. Thảo nhận thấy trong các đồ dùng đồ bên cạnh bà thì cái ống nhổ là có vẻ làm thương và bị rẻ rúng hơn cả, có lẽ vì nó bằng nhôm và được mua ở trong này chứ không phải là gia bảo như mấy thứ kia.

Bà thím lại hỏi:

LƯU VONG

— Anh Thảo đã gặm đảm nào chưa nhỉ?

— Dạ cháu cũng chưa đâu ạ.

— Anh phải lo liệu nhanh nhanh đi chứ. Không có thì thím chết đi rồi cũng vẫn chưa được ăn trầu của anh nữa — Bà cười nhạt nhẽo tiếp theo câu nói, Thoa cũng phải mỉm cười, nụ cười gương gao chàng thấy đau lòng, bà lại tiếp giọng kể lể — Ở trong này bây giờ cũng chỉ còn có mình anh hương khói cho thấy đồ anh rồi mấy năm nữa thím chết thì ngày giỗ chú cũng là về anh làm chứ còn ai. Thôi thì bao giờ về Bắc thì anh lại giao trả cho anh Cả Liệu, còn bây giờ thì anh hãy tạm thay cho anh ấy chứ, ở ngoài ấy ai biết đâu đến nữa.

— Vâng, thưa thím cháu cũng nghĩ là cháu phải lo chuyện ấy thay cho anh-cháu,

— Ở thì việc lo mình cũng cứ phải lo chứ. Mình thì lo cho họ chứ biết đâu là họ có còn nghĩ gì đến mình. Hay là họ lại đang rửa mình đi vào đây, họ tưởng là mình khổ lắm chứ có biết đâu.

Thảo vừa nhấm một câu kiểu từ toan dùng dằng dằng thì bà thím đã gọi một đứa trẻ mang ra phích nước nóng. Bà tráng ấm chuyên pha một ấm trà mới để mời chàng. Hơi nước với mùi thơm của trà phủ vào mặt chàng nóng lên rồi lại lạnh giá ngay. Căn một trầu trù, bà nói tiếp.

— Bao giờ mình về được Bắc, tôi lại bảo anh cả anh ấy dọn cái hồ bán nguyệt của cụ nhà mà thả sen mới được. Nhưng mà sen nào mà sống được với cái lũ trẻ nhà này, cái lũ trẻ nhà anh đốc. Khán này nó lông lăm cơ anh ạ, gồm trẻ con bây giờ sao nó khó dạy thế!

Thảo nghĩ là chắc bà thím chàng dự định sẽ mang tất cả tụi con trẻ đó về để chơi quanh cái hồ sen đó, chạy nhảy trong cái sân gạch mà xưa kia chàng vẫn nô đùa, và chúng lại sống tiếp tục cuộc đời của ông chúng ngày xưa trên mảnh đất kế truyền nơi làng xóm. Nếu bây giờ chàng nói với bà ý định của chàng là lập nghiệp ở đây, ở Gò Công hay là Bến Tre, hay là Đà Lạt, Qui Nhơn gì cũng được, không có về Bắc nữa đâu nước nhà có thống nhất, thì chắc bà sẽ ngạc nhiên hết sức. Nhưng quả thực, chính chàng cũng không có ý hẳn như vậy. Cũng như bao nhiêu người khác chàng vẫn tưởng như mới làm một cuộc đi xa, rất xa và rất lâu, nhưng rồi chàng sẽ mong được trở về. Thủ tướng tượng gán một triệu người làm một cuộc đi lánh nạn nơi xa, và có thể lâu đến cả một đời người, nhưng vẫn mong ngóng ngày trở về, với tư cách của một kẻ phục thù, cuộc phục thù để cướp lại, và sống tiếp tục với mảnh đất, nơi chôn giầu cất rốc của mình, đây là một điều khó mà nghĩ tới, nhưng chàng vẫn tin là có thật.

Thảo hỏi bà thím địa chỉ của vợ chồng đứa em gái. Bà tiếp tục ngồi than thở thương xót cho đứa con ở xa, không biết bây giờ thế nào, bà lại trở về với ý nghĩ tha thiết của bà! Mong được quay về quê hương, gặp những anh em họ hàng quen biết cũ, và luôn luôn bà nghĩ là sẽ giúp đỡ họ. Khi tiễn Thảo ra cửa, bà nói:

— Lúc nào rồi rồi anh lại chơi thím nhé. Ấy có anh là thím lại nhớ quá.

ĐỒ QUÝ TOÀN

Sau buổi đến thăm bà thím đó, một ý tưởng theo đuổi mãi trong lòng Thảo, khi chàng đặt những dự định cho tương lai. Chàng không biết mình nên tính toán phải lập hẳn một cuộc đời mới ở đây, vĩnh viễn, cho cả con cháu chàng, hay là chàng chỉ nên coi đây là một cuộc đời tạm bợ, trong khi chờ đợi ngày trở về làm chủ lại quê hương. Nhưng rồi sau đó, những công việc hàng ngày lại giúp Thảo khuấy đi, và cả khi cười vợ, chàng cũng không đem ý nghĩ ấy ra bàn với vợ. Nhiều khi những trật tự quen sẵn của sự vật giúp cho người ta khỏi phải lựa chọn gì nữa.

Thảo xuống xe buýt, đi bộ một quãng đường tới nhà chú, nơi vợ con chàng ở nhờ. Vào tới cửa, chàng đã vấp phải bộ mặt nặng nề của thím chàng ngồi ở bộ ghế giữa nhà, và cô Oanh, cô gái già của cái gia đình đó. Cũng như những cô gái già khác, cô này rất khinh khỉnh và cong cớn một cách vụng về ngu dốt trước mặt những người đàn ông trong đám thân thích gần mình. Vừa thấy Thảo, cô ta đã kêu lên !

— A anh Thảo ! Sao mấy hôm nay anh không xuống chơi ? Ồ, giấy anh làm cả rồi, thôi bỏ ra ngay em lau cho đi.

Cô ta vừa lằng xằng đứng dậy thì quay nhìn thấy vẻ mặt lãnh đạm từ đờ của mẹ, vội dừng lại, rồi dơ tay vẫy Thảo :

— Thôi, anh vào trong này đi, đừng đứng lại đó nữa, bữa nhà, nhà nó vừa lau xong.

Thuận đang cúi khom ở bể nước ngẩng lên nhìn thấy chồng đi lên Oanh, vẫn giữ vẻ mặt lạnh lùng.

Một lúc sau nàng ra hiệu cho chồng theo mình vào trong bếp. Thảo đoán là nàng muốn nói một điều quan trọng gì, mà chắc là lại kể xấu bà thím và cô Oanh với chàng.

— Con đâu ?

— Nó chơi ở trên gác.

— Em làm cơm sớm thế ?

Thuận không đáp. Nàng nhìn chung quanh rồi ghé tai nói nhỏ với chồng :

— Em đã tìm được rồi. Nhà chị Hạnh ở còn rộng, mình có thể dọn tới được. Mình dọn ngay.

Thảo nhún mắt :

— Nhưng mà...

— Anh đừng lo, chị ấy không cần tiền. Bao giờ mình có thì trả, chỉ độ ba trăm một tháng là cùng.

Thảo suy nghĩ một lát :

— Ngay hôm nay ?

— Ừ, ngay hôm nay, anh lên nói với ông bà ấy rồi về lấy đồ, để em về địa chỉ cho anh.

Thảo vẫn thấy vợ chàng có cái vẻ dăm dăm y như mẹ chàng hồi trước. Chàng nhìn lên mặt vợ, hai mắt vợ đang nhìn thẳng vào chàng, tóc búi ngược, chiếc cổ tròn, cao và trắng trẻo mịn màng. Chàng hỏi :

— Mình có một phòng riêng chứ ?



THUYỀN — Sơn Dầu 46x38

đến tên ông không còn là điều mới lạ đối với mọi người. Ông thường có mặt trên một vài tạp chí và tuần báo ở đây và là một trong bộ ba Duy Thanh, Ngọ: Dũng, Thái Tuấn. Năm 1954 ông triển lãm lần thứ nhất tại Hanoi với Duy Thanh và L.K.H. Năm 1956 với Duy Thanh tại Saigon và thỉnh thoảng tham dự những triển lãm khác.

Đây là lần đầu Ngọ-Dũng trưng bày một mình gồm trên 50 tác phẩm phần lớn là sơn dầu. Ông ưa sử dụng loại kỹ thuật này và là một họa sĩ có xu hướng Hội Họa mới. Những tác phẩm in dưới đây là một trong những tiêu biểu của nghệ thuật ông bây giờ.

Tạp chí Văn Nghệ vinh dự giữ phần tổ chức và giới thiệu cuộc triển lãm này.

tạp chí VĂN NGHỆ

ĐOẢN VĂN

DƯƠNG NGHIỆM MẬU. ĐÓI ! CHÚNG TA KÈU CỨU !

Ở đó thành trong mấy ngày vừa qua có nhiều tấm bích chương làm mọi người chú ý, đó là bích chương phát động phong trào cứu nạn đói tại miền Bắc. Vào một buổi chiều, chiều thứ bảy ở Sài Gòn mọi người mặc quần áo đi ra đường, tôi tìm một người quen ở Ban cơ nhưng không gặp, trong lúc về tôi đã đọc những bích chương đó. Tờ đầu là hình vẽ một người gầy yếu, chân tay dài ngoẵng mặc một chiếc quần ngắn rách nát, miệng há hốc như kêu gào ngấm nhấm một bát cơm nằm trong lưỡi liềm Cộng Sản, hình ảnh con người đó làm nhớ đến anh Vị Ý, họa sĩ và thi sĩ chống cộng — một người mà ngay thân hình cũng đủ tượng trưng cho nỗi đau khổ của thời đại chúng ta. Tấm bích chương thứ hai là một ít hình ảnh tài liệu về tình trạng đói tại miền Bắc. Bỗng nhiên cái tin thời sự đó, qua mấy tấm bích chương như bất cứ bích chương nào khác, đã làm tôi xúc động, nổi xúc động nghĩ về quê hương làng xóm ở miền Bắc, nơi mà ông nội tôi, chú bác, họ hàng, bạn hữu, anh em và 12 triệu đồng bào chúng ta đang phải sống trong chỗ độ Cộng Sản, điều mà từ lâu nay mãi mà sống tôi đã không có thì giờ nghĩ đến. Miền bắc đói ! Câu nói ngắn ngủi, mấy chữ ít ỏi đó bỗng hiện hiện như một sự thực. Tại sao từ bao lâu nay tôi không biết điều đó ? Hay bởi tôi đói thương trực, và chỉ còn đủ thì giờ để nghĩ đến cái thân nhỏ mọn của mình ?

Cộng Sản, đúng là chúng nó đang đe dọa đời sống chúng ta. Chúng nó đang làm nhân loại đói, đang làm bà con họ hàng tôi đói ở quê hương, chẳng cần gì những hình ảnh, tài liệu tôi cũng có thể tưởng tượng ra — một sự tưởng tượng có thực — hoàn cảnh miền Bắc như những ai đã sống, đã ăn cơm, ăn cháo hay nhìn đói hỏi năm Dậu đều thấy đó, dù là mười lăm năm chiến tranh đã giết hại hàng triệu sinh mạng, vẫn không thể nào quên được cảnh đói khổ đã giết hại hàng bao nhiêu con người.

Riêng thời thơ ấu của tôi, tôi đã sống những ngày đói chẳng thể quên, năm ấy tôi sống chần trằn cái cổ ở nhà quê, tuy rằng tôi thuộc thành phần trung lưu. Độ đó vào tháng tám thì phải, tôi nhớ trong vụ chiêm lụt ở vùng Thái Bình (tôi ở Hà Đông ven sông Đáy), mùa khoai bãi

đã chỉ thu về được một ít những củ khoai lớn nhất là bằng ngón chân cái, những củ khoai mà trong các vụ khác người ta cho là rễ phải vứt cho lợn hay trâu bò ăn, thì trái lại năm đó ông nội tôi rất cẩn thận bỏ vào chum đầy miệng bằng hai viên gạch Bát Tràng lớn — những găm giường trống trơn không có một củ khoai nhỏ nào. Thóc lúa nhà nào cũng chỉ còn chút ít, vụ chiêm thu về toàn rơm dạ nát mục vì ngập nước cùng một ít thóc mọc mầm và hạt lép. Khi mới chớm đói, trước mùa chiêm, gia đình tôi với 14 miệng ăn, chỉ mới phải ăn một bữa cháo. Nhưng sau đó chỉ còn một bữa cháo mỗi ngày một loãng hơn, còn một bữa thì có thể ăn bất cứ cái gì cho đầy bụng, các thứ rau tập tàng, củ chuối, cả đến thứ khoai môn rất ngứa — thứ khoai ông tôi bảo cho lợn ăn nhờ ngứa sẽ chóng lớn — dọc thì nấu canh, củ nấu lẫn với cháo, có mà ăn như thế đã phúc lắm. Bởi vì trong khi đó nhiều người không có gì để ăn — những thứ chỉ cần nhai cho có và đầy bụng. Người ta ăn cháo cám, về sau lại còn buôn đem trộn thêm một cưa vào lẫn — thứ mà ngựa ăn còn xưng dạ dày mà chết — bán cho người ăn. Những đường rãnh, tha ma cỏ không mọc lên được vì vết chân người kẻ tiếp nhau đi nhặt rau má, rau thái lái (thứ này mọc ở trên phần chó thì tốt lắm), rau rệu, rau sam, rau chua me... hay những bà già trẻ con vác cần câu đi câu nhái, ếch ương ở hàng rào, bụi rậm. Trong dịp này làng tôi phát giác ra nhiều thứ có thể ăn được nhờ đói mà thí nghiệm, như rắn lươn (ở Nam gọi là rắn mối) cả những mai gầm, hổ mang cũng ăn được cả. Chuyện chú Nhe, bắt rắn về chẳng lột da chặt đầu gi bỏ vào nồi đất đun lên, rắn còn sống rẩy vờ cả nồi bỏ ra còn cần chết đưa con năm tuổi. Người ta ăn cả thịt mèo và nói là thơm như thịt gà, người ta còn bắt cả đĩa ở ao lên ăn thử nhưng đắng quá không sao nuốt được. Làng xóm tan hoang, dậu đỗ không ai muốn dựng, những gia súc bị giết dần, mèo hoang, ếch nhái chẳng còn để kêu, rắn rít chừng như cũng chạy đâu hết. Cái năm tai ác đó chỉ có đậu tương, tức đậu nành lại được mùa nhưng ăn nhiều hóa bụng và bị rắn gặm không làm gì được. Người ta mang cả hoành phi, câu đối, bàn thờ, hương án, bài vị ra chợ bán. Ông tôi tép miệng than: « Các cụ không có chỗ ở, nhưng chắc cũng biết con cháu đói mà lượng cho, rồi nó lại sắm được chữ gì? » Bao nhiêu những gia bảo, vật quý nếu đổi được chút gạo người ta đều đổi hết — người ta sống lịch kỷ, nhỏ nhen, trong nhà có một chút cái gì ăn cũng phải giữ chừng. Ở chợ Huyện Phùng tôi nhìn thấy một người bán hàng vác gậy đuổi đánh kẻ cướp giật, để ra đường để móc lấy một nửa củ khoai ở trong miệng. Tôi cũng nhìn thấy cảnh một mù kẻ Gối quấy phân nhai nuốt một quả bí đao sống mà mù đã ăn cắp ấn vào thùng phân cho bán để người ta khỏi đói lại, cảnh những người gầy khô, da xám, mắt vàng, tóc rối cầm chiếc tấm ướt nước bọt chấm những hạt vừng, chút bánh đa mà một đứa trẻ con đang ăn vụng về để rơi xuống đất bột, trong chút vụn nhỏ ít hơn đất bột đó được chừng bao nhiêu cần thiết cho dạ dày những kẻ đói khát. Những bụi chuối bị phá tan hết cả cây lẫn củ. Người ta bỏ làng khoác bị gậy đi ăn xin, ăn cắp, ăn trộm và chết

ở làng khác trong vòng luân lưu khổ nạn đó. Người chết chợ, chết đường lúc nào cũng có và người ta ngó ngang đứng đứng như cái chết đến với họ bất cứ lúc nào. Người ta nói đến chuyện những quán cơm có bán thịt người mà bằng chứng là những đốt ngón tay, ngón chân sót lại. Biết đâu thịt người lại chẳng có thể ăn được? Thịt trẻ con thì ngon hơn, có kẻ nói chắc chắn với tôi như thế. Tôi có bà cô làm vú em ở Hà Nội bị chủ đuổi về kẻ đến tại Tàu phủ ăn quýt, người chết ở đường mà mỗi sáng sớm có xe rác đi qua nhặt vứt lên, có kẻ còn thở và đủ sức kêu—«Tôi chưa chết»—nhưng cũng được mang đi luôn cho tiện dịp. Trong trận đói này đã bao nhiêu người phải bỏ cha mẹ làng xóm để đi Tân Thế Giới, hoặc miền Nam làm cao su, hay trở thành cướp đường, cướp chợ. Năm Dậu, năm đói mà chúng ta chẳng thể quên! Cái bằng chứng của tội phát xít Nhật đã đốt bỏ thóc gạo, của tội thực dân Pháp đã ngăn giữ thóc gạo ở miền Nam, của tội Tàu phủ đã cướp thóc gạo để nuôi quân lính chết đói. Cái chết thảm thương của đồng bào chúng ta là tội ác của ngoại bang mà chúng ta chẳng thể quên được.

Bằng chứng còn đó, như vậy hiện nay làm sao miền Bắc không đói?

Thóc gạo, lúa mì là những thứ thiết yếu cho loài người. Ở trên cùng khắp thế giới vấn đề đó là một điều liên khởi, miền Bắc đói chẳng phải chỉ riêng như thế. Hãy ngó sang sáu trăm triệu người ở lục địa Trung Hoa, bốn trăm triệu người ở Ấn Độ, cùng với bao nhiêu triệu người khác ở Nam-Phi, Bắc Phi, ở những miền Đông Âu hay những hang cùng ngõ hẻm ở Paris, Madrid, Le Caire, Đông Kinh, New York... Ở những vùng tuyết lạnh Tây Bá Lợi Á, Volga hay Ai Nhĩ Lan. Nhân loại đang đói! Sự đói khát làm con người gần như thú vật, mất cả lương tri. Khi đói người ta thấy ai cũng là kẻ thù phê phỡn, dù kẻ đó cũng đang đói. Nhân vật đói của Charlie Chaplin khi đi tìm vàng đã ăn cả đế giày — nhìn người bạn thiết hóa một con gà và định bắn để có thể vật lòng mà bỏ vào nồi làm một bữa, như tội giàu có vẫn gọi bồi bày biện ra bàn theo thực đơn hàng chục món. Khi cơn đói đến người ta chẳng còn giữ một cái gì kể cả nhân phẩm, tư cách. Như một người bạn tôi đã kể lại, một lần đánh lừa nhỏ hai ba tuổi để cướp lấy miếng bánh mì mà chạy, hay một hồi tôi đã hít bã mía ở góc đường để về sau nói cho một đứa em nghe nhân khi đi qua một chỗ người ta đun bã mía rằng: «Bạn có thấy mùi mật cháy không? ở trong bã mía còn chất đường đó».

Vấn minh mỗi ngày một tiến bộ, người ta đang đi tìm những vùng đất đai mới trong không gian, trong khi đó những sự thực về đời sống con người từ xưa tới nay vẫn còn nguyên, và chẳng thể hết.

Những thảm thương về đời sống vật chất vẫn gần khít, nhưng đó không phải là vấn đề chính, cơm áo không phải là cái duy nhất để nuôi nổi con người. «Bánh mì chưa đủ» một nhà văn đã phải kêu thét thanh lên như thế, đời sống nhân loại còn đòi nhiều thứ về tinh thần như tình thương yêu, tin ngưỡng, tự do... những thứ để phân biệt chúng ta với thú vật.

ĐOÀN VĂN

Trong lúc tôi viết những hàng này thì hàng bao nhiêu hội nghị chính trị đang mở ở Genève, ở Balé, ở Bonne... bao nhiêu hội nghị kín, hội nghị mở, những cuộc nổi dậy đang diễn ra ở Nam Phi, chiến tranh ở Algérie, Cuba, nổi loạn ở Tây Tạng. Đảo chánh ở Đại Hàn... Cộng Sản xâm nhập Lào Quốc, cộng Phi khủng bố ở miền Nam. Đời sống con người đang ở trong một cơn bất trắc thảm khốc. Những thế thảm diễn ra trên đất nước từ 80 năm nô lệ, 15 năm chiến tranh, bao nhiêu vùng cần khổ mà nghìn địa rộng hơn ruộng lúa, đi qua hai ba bãi tha ma mới có một vài gia đình, và những mồ chôn chung là giếng sâu, là cả một một con phố Nhi chạy từ đường Hai Bà Trưng sang dốc Hàng Kèn bên hông trường kỹ nghệ ở Hà nội. Cha chết con, vợ chết chồng, bao nhiêu nước mắt của những bà mẹ, người chị, người tình giổ ra trong 15 năm nay. những năm đầy dọa khốc lửa, chết không kịp kêu. Chúng nó, loài súc vật đã giết người như gạch ngói. Chúng nó, lũ lang sói đã chia cách con người với con người. Chia cắt đất đai. Chia cách chủng tộc. Chúng nó là đế quốc, là Cộng sản là phát xít, là thực dân, là độc tài...

Làm sao chúng ta không biết hết những nhục nhã này. Trong hơn hai mươi năm nay tôi đã sống qua và biết thế nào là đói, tôi đã nhủ thầm : chính cái đói đã làm tôi còn đủ can đảm sống đến hôm nay. Những lúc hồi tưởng lại vụ đói năm Dậu, tôi nhớ đến ông tôi thương ngày hiền từ thương yêu các cháu, đến năm đói ông bỗng trở nên chất chiu, khó tính có lẽ bởi ông mãi bận tâm giữ gìn những củ khoai trong chum mà chúng tôi đã lên lấy trộm ăn sống. Chính năm Dậu đó, bác ruột tôi đã lê thân từ Lạng Sơn về để chết vì kiệt lực, cơm không có ăn, nói gì thuốc men cứu sống. Bác tôi đã được chôn vào cỏ ván thoi — thứ quan tài đã chôn một lần rồi, thứ mà người ta tiếc rẻ chỉ có thể dùng bậc cầu. Tôi còn nhớ như in khuôn mặt hốc hác, tóc rụng không còn một cái, cả cái thân hình khốn khổ đó nằm trong chiếc quan tài đen bản mục nát — dù sao cũng còn hơn bao nhiêu người phải chết trần truồng, nhiều khi không được vùi nong một nắm mà phải phơi thây giữa trời cho dân qua đen rĩa xĩa.

Làm sao tôi lại không viết những cảnh đau khổ này ra, lịch sử mai sau, con cháu mai sau sẽ còn thấy được gì, điều này tôi chẳng mấy quan tâm đến, nhưng bây giờ tôi muốn bày tỏ cùng những người hiện thời — chẳng phải chỉ có những cái đã qua đó — mà chính bây giờ miền Bắc đang đói ! Thế giới đang đói ! cơm gạo không có ăn, áo quần không có mặc, không khí không có thở, bị tước đoạt tự do, bị đầy dọa đe nhục, con người đang dở sống dở chết. Đói thống nhất ! đói tự do ! đói tin người ! đói tình yêu thương ! nhân loại đang đói một đời sống toàn vẹn. Các bác ông bà, chú bác, của cháu... tất cả mọi người yêu dấu của tôi lại miền Bắc, làm sao những giọng chữ này được tới tay các người. Nhìn thảm khốc này, tôi cũng bằng hữu, cùng những chiến sĩ sẽ chẳng bao giờ ngừng nghỉ tranh đấu bằng bất cứ phương tiện nào để lập lấy tương lai mỗi ngày một sáng sủa hơn cho đời sống chúng ta. Hồi thế giới huynh đệ ! Ở đây những anh em Việt Nam chẳng bao giờ

quên sát cánh cùng mọi dân tộc trong cuộc tranh đấu lâu dài cho đời sống nhân loại, một đời sống không đói, một đời sống hoàn thiện thêm mãi. Đói ! Chúng ta kêu cứu ! Có nghe chàng liếng kêu đó ở miền Bắc, ở cùng khắp thế giới đang vọng lên !

dươnghiemmanu

NGỌC DŨNG NÓI THÊM VỚI HUẾ

Cây ngải ngơ, người cũng ng, ầu ngơ. Mẹ già chắc cũng hẳn thờ nhớ con. Tiếng hò bồng sông lại, giống sông cũng chẳng đổi thay gì. Một chiếc lá rơi nhẹ xuống, nghiêng vào lòng tay. Giọt nước chảy đều và bình thản trên lớp da tay màu rạng đồng của mặt trời. Tôi nghĩ đến hình ảnh một giọt nước mắt lăn chậm — bất cứ lúc nào — trên khuôn mặt người con gái. Nó khởi đầu từ tiếng hát trầm và buồn vô hạn. Huế đây.

Đó chỉ là tên người con gái sinh trưởng và lớn lên ở đây có cái tên trùng khít tình cờ. Bởi như thế tôi dễ nhớ hơn về Huế, còn lại trong ý nghĩ tôi nhiều Huế hơn. Nó không phải là tất cả lòng Huế nhưng tôi muốn khởi đi bằng nhận xét này, bằng một phần Huế bé nhỏ thực sự và chủ quan.

Sự di chuyển nào cũng mang những mới lạ rõ rệt từ phút đầu đặt chân đến (chưa quan hệ) Giữ lại những cảm tình, những quyến luyến phải bắt đầu bằng con người, nếp sống khác biệt của mỗi nơi.

Thường thì Huế được nhìn bằng những lăng tẩm, tên đặt cho từng khu vực. Người ta nhắc đến lăng Gia Long, lăng Tự Đức, đồi Vọng cảnh chùa Thiên Mụ, Bến Ngự, Gia Hội, bến Vĩ Dạ, côm Âm phủ, đường Nam Giao, miếu Âm hồn... Người nghe sẽ thêm khát tới đây, được nếm qua để biết về Huế. Tôi đã tới thăm những nơi đó, biết qua những thư đó, nhưng trở về cuối cùng là sự đứng đưng. Tôi có thể kể chuyện cho một người nào chưa đến Huế nghe cái hồ sen trước lăng Tự Đức : những chiếc lá xòe rộng ra ôm lấy búp hoa, mặt nước in trong veo hình một tòa nhà ba gian bên kia hồ có rêu phủ. Một vài chiếc lá rơi ngang trên không trung lặng lẽ và gió mát. Thế thôi. Huế vẫn chưa được nói đến thực sự, mới chỉ là những thứ chung quanh và người nào cũng có thể kể tương tự về Huế như vậy được. Không phải chỉ có thế.

Sự thực những lăng tẩm, tên đường phố, tên từng khu vực chưa đại

diện hết được cho Huế. Nhắc lên những tên đó chỉ có giá trị nhắc đến một di tích lịch sử. Nó chỉ là những cục gạch cũ xếp lại và còn đấy. Nếu đem đổi cái tên Huế đi thì những di tích đó cũng vẫn còn đấy, vẫn ở đấy (thuộc phạm vi thích thú của các nhà khảo cổ). Những khác lạ về phong cảnh về tiếng nói, về những di tích lịch sử ấy mới chỉ dẫn dắt người vào và nhắc với người biết rằng mình đang làm sự có mặt ở đó. Giống như người ta đọc mà chỉ nhớ tên cuốn sách, tên các nhân vật; còn sự biểu diễn của nhân vật, phần bố cục cốt truyện bị mất đi cùng với lần gấp sách lại. (nếu thế thì thật là thừa thãi và vô ích) Huế thực sự sẽ không được nhắc bằng những thứ đó.

Lần đầu tiên tôi tới Huế. Hành lý mang theo trong tưởng tượng dọc đường là những nếp sống cổ kính, chất phác, là những mái tóc ngắn của những cô gái miền này, phần trang điểm rõ là đúng cho Huế bây giờ. Chỉ mới có một góc của Huế rất chủ quan. Tuy nhiên mỗi người có một nhận xét khác biệt. Nhưng ở chuyến đi này Huế của tôi là như thế đó, tôi muốn viết nhân một cảm giác bất gặp trước nhất khi gặp mặt Huế, ở lại với Huế. Sự thay đổi về sau này còn khác nữa, bây giờ tôi không thể biết được.

Phủ Trường Phú Bài nằm cô đơn giữa khoảng bao bọc của dãy Trường Sơn. Trên con đường dẫn về thành phố đẳng đặc. Chưa thấy Huế đâu cả. Những con đường nhỏ ngóng ngóeo chạy qua từng thửa ruộng hút vào tận xóm xa, một vài ngôi nhà không được chỉnh lắm về kiến trúc. Có thể nghĩ đến bất cứ một miền quê nào đó cũng được.

Tôi về nhà một người quen ở Bến Ngự. Chỗ này thuộc ngoại ô thành phố (nối với Huế là những chuyến buýt đầu rụt thừa thớt). Căn nhà có lâu, nhìn ra sông, sát ngay bên con đường nhỏ chạy ngang trước mặt nhà (con đường tôi nhớ như) Đó là gia đình của Hoàng, người bạn cùng một chuyến về với tôi. Căn nhà hẹp nhưng mát và ấm cúng, trang hoàng sơ sài: một bộ bàn ghế khảm sà cừ, chân ghế tiện tròn từng nấc thon nhỏ, vững chãi nằm sát tường bên trái khi bước vào. Mấy chiếc xe đạp dựng ở góc nhà gần cửa lớn, chiếc xập gù dày và một bàn học kê tít ở góc trong, chồng sách học trò gọn gàng cũng xếp trên mặt bàn đó.

Tôi nhận được cảm giác êm dịu như trở về gia đình mình thực sự, bởi ngay từ phút đầu những người trong gia đình Hoàng cho phép tôi nghĩ thế. Tuy là mới gặp mặt nhưng Hoàng thường nói với tôi đến những người trong gia đình anh luôn. Chúng tôi bắt đầu nhận với nhau sự thân mật cần thiết và quý mến đó.

Buổi sớm tôi trở dậy cùng mặt trời, liếc qua vào cột báo có đăng tin chiến sự Lào. Quân Hoàng Gia đang phản công một cách chậm chạp. Năng đã lên đầy trên giòng sông phía trước. Một thuyền nhỏ trôi lặng lẽ, cần cù, hai bên bờ sông cỏ tươi mát. Những tiếng ồn ào của động cơ vắng hẳn ở khu này. Thiên nhiên đang lớn dần từng khúc

trầm lắng và kín đáo lạ lùng. Huế thực dậy tình khôn hẳn lên, diễm đạm, quyến rũ như nét mặt thiếu phụ khả kính. Tôi bỗng muốn mang cái so sánh với một chút của Saigon : sự ồn ào, những vội vàng tha thiết của cuộc sống bày ra bên ngoài. Năng thì chơi chạng hừng hực. Tuy nhiên cuộc sống hoạt động cần gắn liền với nó. Ít nhiều tha thiết phải dành cho Sài gòn. Có thể sự sinh hoạt này phức tạp và khó chịu, mà lời không thể từ chối, phải nhận nó như ruột thịt. Bởi nó đã trở thành một thứ quê hương.

Tôi thêm vào sự liên tưởng về một căn nhà lá bé nhỏ được dựng lên ngoài vùng châu thành, thu gọn sự hẻo lánh vào bên trong. Những căn nhà gạch chung quanh trời ra muốn lấn át hóp méo nó, về tiền tụy của một phần mặt hiên ngoài rách nát nhưng thật dễ thương và thân yêu. Cành bông gòn mọc thẳng vút lên trời xanh rờn, cứ mỗi lần trăng, ánh xuống từng vệt dài dọc theo thân cây đến tận gốc, mà khoảng trời đêm hẳn rõ ở phía sau. Càng về khuya sân trăng càng đầy lên mãi. Tôi nghĩ đến lúc trở về nhìn thấy nó, cái không khí thân yêu quen thuộc của mình... Rồi sợ hãi, vì cuộc sống lặng lẽ thường ngày lại phải bắt đầu lại hết mà lẽ ra trước đây tôi đã quen thuộc. Như một người vừa vượt qua một đoạn đường khó khăn, nhìn lại phía sau là những núi rừng hiểm trở đầy đặc tiếp nối. Không khí yên vui của gia đình Hoàng đưa tôi trở về với quê hương trong tưởng tượng thường trực. Một bà mẹ cần cù và nhẫn nại với nước da màu nâu (một màu nâu khô và chịu đựng). Suốt cả đời người như không giám ước mong lấy một lần nhân rồi cho chính mình. Mỗi lần có một cơ để so sánh mình với sự đồng đức là một lần nếp sống bị đảo lộn. Tuy nhiên cuộc sống cần có những đổi thay tế nhị ấy để tự gìn giữ lấy mình, làm động lực cho những khám phá mới mẻ. Cũng cần có những cảm giác cùng đề mê và chưa xót thực sự biểu diễn liên tục. Tôi nghĩ đến sự đề mê, chưa xót ấy sẽ còn xuất hiện nhiều lần nữa trong một đời người, rồi thì cũng qua đi, lại dừng đọng. Đời sống lại bám vào hiện tại nhộn nhịp. Một cơn giông chẳng có lý để kéo dài hàng thế kỷ được. Nó sẽ phải tụt lại với chuỗi kỷ niệm lu mờ dần.

Rồi nghĩ về Huế cũng chỉ còn là một con đường, chỗ ngồi gần nhất một giọng sông chẳng hạn. Một tiếng hát hay một khuôn mặt dễ thương của người con gái ấy. Gạn lọc hay tìm kiếm mãi thì cuối cùng sự quyến rũ đặc biệt về một miền nào đó vẫn chỉ còn lại trong tâm hồn người một mối tình (một mối tình có thể rất tưởng tượng). Hãy nhận lấy phần vinh dự đó.

Khi mặt trời Huế lên cao thì nhịp đập của Huế lắng xuống trông thấy. Không phải sự mệt mỏi, đó là sự bình thản vô tư. Bà cụ bán chè đậu xanh hột ngày nào đi qua cũng đứng vào giờ đó. Đôi guốc cũn vệt hết một bên. Màu da chân và màu guốc cũ như nhau. Hình như bà cụ cũng không ý thức được rằng mình đang đi guốc. Cũng như chiếc áo dài được trang điểm cho mọi người đàn bà vùng này khi ra khỏi nhà, kể cả những lúc gánh nước, bán kem: giặt rũ. Có những chiếc áo không còn biết và thêm vào chỗ nào, có chiếc rách xẻ xuống lưng chừng vạt trước, hở cả vú,

ĐOÀN VĂN

hở cả giày lưng. Đời sống vật chất cực nhọc biểu diễn bằng những thứ đồ hay những khổn khổ bám lấy đời sống họ không buông tha? Tôi nghĩ thêm đến sự mâu thuẫn cố định từ một mẫu thuốc cuốn sản kén phi phèo rất bình thản trên đôi môi kia với phần trang sức của Huế lao động ấy. Tại sao?

Chẳng phải họ hài lòng với cuộc sống hiện (tôi tôi chắc thế) khuôn mặt khắc khổ của họ cũng tỏ cáo như vậy. Cũng chẳng phải số phận của từng người đã định sẵn (nếu thế Thượng đế đã có lý với họ). Cũng chẳng phải họ muốn kéo dài cuộc sống buồn nản đó (tôi không tin). Họ chỉ là chịu đựng với phần sức lực còn thế, cố gắng chỉ được thế. Họ đang chiến đấu âm thầm với cuộc sống hết mình để làm vật hy sinh cho người khác, những phần hy vọng to lớn hơn của họ sau này: những đứa con và những đàn cháu lớn khôn. Không còn gì có thể Việt Nam hơn nữa. Tôi như thấy một phần bà mẹ tôi cũng có ở đây.

Tôi sẽ kể chuyện này với mọi người, ngay cả với Huế nữa, trước hết mọi chuyện và sẽ nói thêm với Huế như thế đó.

ngocdfling
tháng tư 1991

THAO TRƯỞNG, BÈN NGOÀI

Em yêu dấu,

Mặc dù thường ngày anh rất ít viết thư, rất ghét kể lể. Mặc dù em vẫn bảo anh là khó khăn, kém đảm đảm. Hôm nay anh cũng viết một thư cho em. Một thư ngắn về tình yêu của chúng ta. Nghĩa là một thư rất tình cảm, rất tốt...

Anh có ý nghĩ viết thư này cho em sau khi anh đã xong một tác phẩm ngắn. Một chuyện của đời đã được cuộc lên. Anh nhìn vào cái gương nhỏ để trước mặt, trên bàn. Gương này thường ngày em vẫn soi vào đấy. Bây giờ anh thấy trong gương có anh. Đôi mắt anh đại hân đi, nét mặt hốc hác, sau gần trọn một đêm thao thức vì tác phẩm. Con người anh sau mỗi lần làm việc bao đêm đều để lại trong gương một hình ảnh khổn khổ như vậy. Nhiều lần, anh muốn hét lên thật to, đập nát tấm gương cho vỡ tan hình hài mình. Cũng có lần anh chộp lấy bình trà em đã pha cho anh mỗi buổi tối, nốc nốt chỗ còn lại. Hoặc một điếu thuốc được đốt lên. Hoặc ngồi thư nhàn sắp giấy lem nhem, đập xóa, chẳng chặt, gai góc, gãy đổ...

Tóm lại là đã xảy ra nhiều thái độ sau mỗi khi anh hoàn tất những truyện. Lần này anh để riêng nói với em.

THAO TRƯỜNG

Em yêu dấu,

Có những bữa cơm chung gia đình. Món ăn rất ngon. Có canh cá rô củ-củ chẳng lựa. Em hân hoan với những hương vị đặc biệt của mâm cơm do chính tay em tạo thành bằng tất cả tâm hồn. Em nhìn anh gấp, em nhìn anh ăn. Em chờ đợi một sự thỏa mãn tỏa ra từ ánh mắt của người thưởng thức đối diện.

Trong khi ấy thì người thưởng thức đối diện lơ đãng gắp, lơ đãng ăn, vì đang suy luận rất sôi nổi tới một tác phẩm sắp thành hình nào đó, tới một nhân vật đang sống dậy nào đó, một người con gái nào đó có thể. Nghĩa là anh đang nghĩ tới truyện. Truyện của ngoại cảnh. Của cuộc đời. Truyện không phải của em, của anh hay của chúng ta. Em và anh không hiện diện trong đó. Tình yêu của chúng ta không thể là truyện được. Người yêu của anh không thể đem vào trong truyện được, không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả dùng điệu, âm thanh cũng như tình cảm của em. Người yêu của anh là của riêng anh, không có mặt trong bất cứ truyện nào của anh. Vì thế em chỉ là một trong muôn vàn của cuộc đời, nhưng là muôn vàn trong một anh. Em không phải như một tác phẩm in ra thật nhiều cho mọi người tôn thờ. Em chỉ là một cái gì đó, nằm gọn trong tâm tưởng anh mà suốt đời không bao giờ anh có thể diễn tả ra được bằng một ngôn ngữ. Anh chỉ viết được những truyện của người đời.

Anh ngồi đối diện em, với những món ăn chưa đựng cả một tấm lòng của em, để nghĩ tới người khác. Để có thể là nói trong ý thức một câu như thế này «tôi-yêu-có-vô-cùng». Anh nói là anh nói hộ nhân vật anh, nói cho người đời. Vì thế «cô» đây không phải là em và «tôi» đây cũng không phải là anh. Chúng là những kẻ đang khóc mếu bơ vơ giữa trần đời vì không biết yêu nhau. Anh suy luận và viết để khuyến cáo họ trao đổi những điều đó.

Em yêu dấu,

Anh thú nhận rằng những lúc đó em không còn là gì đối với anh cả; dù em ngay bên cạnh cũng không còn hiện diện trong anh nữa, không còn là thần tượng của anh nữa. Và điều đó làm cho anh không ghen tuông lúc này, bởi vì cái linh hồn anh lúc ấy có phải là anh đâu.

Em nằm ngủ mềm mại như một chiếc lá trên giường đêm trăng. Mớ tóc trải chan hòa trên chiếc gối đỏ. Anh thì rưng rức quần quai với những ý nghĩ đang hình thành. Anh nằm co quắp ở một góc giường. Chợt trở mình. Chợt bứt tóc, gãi đầu.

Em như một cánh chim in trên nền trời mây bạc. Anh như một mớ chữ, gầy đơ, nát vụn, kẽm gai trên trang giấy bần thảo. Chữ và giấy chứa đựng bầu trời mây trắng và cánh chim mong manh thấp thoáng mềm mại.

Anh nằm bên em nhưng anh không nghĩ tới em. Anh đang sống trong

ĐOÀN VĂN

một thế giới riêng biệt. Đơn độc và cay đắng.

Rồi chợt một lúc nào đó ánh vầng ngồi dậy, bỏ mặc em với giường và gối. Anh ra ngồi bàn viết. Ngọn đèn nhỏ bật lên. Anh sáng vờ dù thu gọn trên trang giấy. Cây bút. Ấm nước. Bình trà. Và gói thuốc. Nhưng anh quên mất em. Quên mất bàn tay đã sắp sẵn cho anh những thứ ấy hồi chập tối.

Anh quên em bởi vì trong anh nó đã có một cái gì vừa ập tới. Đang tràn lên. Chấm dứt. Nhiệt liệt. Phản kháng. Sôi nổi, một cách mơ hồ và hình như sắp nổ tung ra.

Em vẫn nằm trên giường im lặng. Em vẫn ngủ hoặc là em vẫn vờ ngủ để cho anh làm được những điều mà em thường cười nói đề cho thiên hạ.

Em mềm mại trên giường trắng mênh mông. Cảnh chim ghim trên nền trời mây bạc bao la. Có đơn quá phải không? Biết có mơ gì chứ? Hay là chỉ phụng phịu, nhỏ nhỏ, khẽ gợn lên như một làn sóng âm thanh mỏng manh cái cung bậc tuyệt diệu: « anh bế bé ».

Trong khi đó thì anh đang viết nhiệt thành như một gã tiểu phu đốn cây, nhún nạy như một người kéo cửa xê gỗ và tỉ mỉ như một bác thợ mộc đẽo, gọt, dựng nhà.

Để cho thiên hạ.

Em yêu dấu,

Như thế là anh làm văn nghệ. Và văn nghệ là tự do nỗ lực dùng các phương tiện, ngôn ngữ, âm thanh, đường nét và màu sắc để mời gọi người đời yêu thương nhau. Riêng chúng ta, tình yêu của chúng ta, ở ngoài văn nghệ, bên trên văn nghệ.

Rồi sau những lúc kết thúc truyện. Anh nhón vào tấm gương nhỏ trước mặt để tìm lại cái hình hài của chính mình, làm một cử chỉ thường làm, liếc bút, tắt đèn.

Anh lòn giường nằm ôm em vào lòng, cho nền trời hết mênh mông, cho em trở về với anh.

Không !

Không phải là em trở về mà là em hiện ra với anh. Em không đi đâu xa cả. Em không bao giờ rời anh cả. Em không bao giờ ở bên ngoài anh cả. Em vẫn ở trong anh. Em vẫn ở tận trong cùng tâm hồn anh. Em ngự trị nghiêm trang trong đó.

Những lúc anh không nghĩ tới em, mà chỉ nghĩ tới văn nghệ, không phải là em đã ra khỏi anh, không phải là trong anh không có em. Chính những lúc đó em đã ở trong anh đậm thắm hơn hết. Em chỉ lánh mặt ở trong ấy, để mà nhìn anh làm văn nghệ rồi đợi đến lúc câu truyện ngừng

THAO TRƯỜNG

lại, em mới *hiện ra*, mềm mại và sáng lạng.

Và chỉ có những tình cảm, hình ảnh, ý nghĩ của truyện chúng mới là tìm đến anh. Chỉ những *dụng cụ* của văn nghệ mới là từ bên ngoài vào, anh dùng tâm-hồn mình bỏ chúng lại. Và *quảng* ra cho người đời.

Em yêu dấu,

Như thế, anh tin rằng, không bao giờ làm hỗn chúng ta lạc lõng. Tình của chúng ta gối đầu lên nhau để tìm về giấc ngủ.

Trong mơ màng của đêm thâu, anh hôn trán em, tay anh đặt lên chỗ trũng ngực em. Em khẽ trở mình quay lại, hai bàn tay nhỏ ôm lấy hai bàn tay gân guốc như sợ nó lại đi vào văn nghệ. Và anh thì thầm với em rằng: *"Hỡi người gét, hãy thương nhau trọn vẹn."*

thao trường

tuổi xuân đời

Thôi đi đừng níu đôi viên cửa
Sao sáng trời đêm về người
Ngay xin đừng bắt nhau buồn nữa
Đôi nếp ưu phiền phơi trên tôi.

TRẦN THY NHÃ CA

thi hào rabindranath tagore

Rabindranath thakur Tagore sinh ngày 6 tháng 5 năm 1861 tại xứ Bengal Ấn Độ, là người Châu Á đầu tiên được giải thưởng Nobel 1913. Tuy làm thơ từ năm bảy tuổi nhưng mãi đến năm 1911 Tagore mới bắt đầu dịch thơ ra tiếng Anh và mới được thế giới đón nhận rộng rãi. Năm 1915 Anh hoàng phong tặng Huân tước để tỏ lòng khâm phục, nhưng Tagore không nhận. Cũng năm này trường đại học Calcutta trao tặng ông bằng văn khoa tiến sỹ danh dự. Năm 1924 Tagore sang Việt Nam để diễn thuyết về những vấn đề giáo dục. Rabindranath Tagore chết vào tháng tám 1941 thọ 81 tuổi. Số tác phẩm ông để lại có trên 30 cuốn thuộc nhiều loại: thi ca (khoảng 10 cuốn), tiểu thuyết, triết luận, giáo dục, kinh sách, sử ký.... Những bài thơ dưới đây chúng tôi trích dịch qua tuyển tập thơ Poems lần đầu do nhà Visva Bharati ở Calcutta xuất bản (1942). Và tái bản 1943 lần thứ 1946. Và tập Fruit gathering tái bản năm 1943, 1945, 1948, 1951, 1957. Năm nay, tháng 5-1961, tổ chức văn hóa Liên Hiệp Quốc đã chuẩn bị khá lâu để làm kỷ niệm một trăm năm sinh nhật Tagore. Kỷ niệm Tagore, nhắc nhở đến đời sống, đến tư tưởng, đến tác phẩm của Tagore thật cần thiết. Sự nghiệp của Tagore không những chỉ gói tròn ở những tác phẩm Tagore đã viết và để lại đó — nhưng là tư tưởng và chính đời Tagore đã dành lại cho nhân loại. Tác phẩm của Tagore thể hiện đầy đủ nếp sống cũng như linh thần dân tộc Ấn Độ, sự tranh đấu dành độc lập tự chủ, nỗi khổn khó của tổ quốc Tagore. Cũng như Tagore đã nói lên những khát khao của con người, những tình yêu thương, những hy sinh cao cả — cũng như những hy vọng tiến tới tương lai. Trong cuộc tranh đấu gian khổ oai hùng của thánh Gandhi, cho dân tộc Ấn Độ, một lần tuyệt thực gần chết, Tagore đã tới bên đọc thơ cho Gandhi nghe, để Thánh giữ tinh thần. Đến bây giờ tôi vẫn thấy rằng tác phẩm của Tagore nhất là thi ca sẽ còn sống mãi trong tâm hồn nhân loại đang chiến đấu cho một thế giới đại đồng. Chúng ta phải lấy làm vinh dự được nhắc đến Tagore, không những chỉ bây giờ mà còn về mai hậu nữa.

Con chim buổi sáng hát ca.

Vì đâu nó cất tiếng hát về buổi sáng trước khi buổi sáng vỡ oà
và khi con rồng đêm còn cuốn lấy bầu trời đen lạnh

Hãy kể cho ta, con chim buổi sáng. tại sao qua hai lần đêm
lối của bầu trời và những chiếc lá nó đã tìm thấy đường vào
giấc mơ con, kể đưa tin ngoài phương đông ?

Thế giới không tin tưởng nơi mây kén : « Mặt trời trên lối đi của
nó, ban đêm cũng hơn gì ».

Ô, người ngủ thức dậy đi !

Vàng trán trần của người đang chờ sự ban ơn đầu tiên của ánh
sáng và hát lên với con chim buổi sáng trong niềm tin vui.

Khi em thắp ngọn đèn trên bầu trời thì ánh sáng chiếu trên
mặt tôi và bóng tôi phủ đầy em.

Khi tôi thắp ngọn đèn tình yêu trong trái tim thì ánh sáng rơi
đầy trên em và tôi đang đứng bên trái phía sau bóng tôi.

Tôi không thể nhớ rõ mẹ tôi chỉ đời khi giữa cuộc chơi hòa hợp
như qua lại trên những đồ chơi, sự nhịp nhàng của mọi vạt
khúc ca mà người thường cất tiếng ru trong khi người đưa
nhẹ chiếc nôi

Tôi không thể nhớ anh tôi, nhưng trong một sáng thu sớm ngủ
những bông hoa Shiuli lay động trong khi trời, mùi hương của

buổi mai thường trực trong đèn bay tới nơi tới như mùi thơm của anh tôi.
Tôi không thể nhớ mẹ tôi chỉ khi từ cửa sổ của buồng ngủ, tôi đưa mắt nhìn màu xanh của bầu trời xa xăm.
Tôi cảm thấy sự yên lặng mơ màng mẹ tôi nhìn vào mặt tôi lan rộng cả bầu trời.

74

Nàng để lại cho tôi những bông hoa của nụ cười và lấy đi từ tôi những trái cây đau khổ.
Nàng vỗ tay và nói: nàng đã thắng.
Buổi trưa có những cơn mưa phi lý khát khô diên đại trên bầu trời.
Tôi mở chiếc lẵng hoa và nhìn xuống thấy bông hoa héo rũ.

22

Những ai ở gần anh không biết rằng em luôn luôn gần anh hơn họ.
Những ai nói cho anh nghe không biết rằng trái tim anh đầy những lời em không thốt ra.
Những ai chen chúc trên lối anh đi không biết rằng anh đang lui thủi một mình với em.
Những ai yêu anh không hiểu rằng tình yêu của họ chỉ mang em vào lòng anh.

43

Lạy trời cho đất và nước, không khí và trái cây của xứ sở con được thơm ngọt.
Lạy trời cho những nhà cửa chợ búa rừng cây và cánh đồng của xứ sở con được tràn đầy.
Lạy trời cho những nguyện ước những hy vọng những hạnh phúc và việc làm của xứ sở con được lương thiện.

20

Lạy trời cho đời sống và trái tim của những đứa con trai và
những đứa gái của xứ sở con được như thế.

XXXV

Chiếc trompette nằm im trong lớp bụi! A, mọi ngày. xấu!

Gió thì mệt và ánh sáng ủa.

Hãy đến, hỡi những kẻ chiến đấu, mang những lá cờ luồn trủ và
những người ca sĩ với khúc hùng ca,

Hãy đến, hỡi những du khách thánng ba, vội lên, trong cuộc
hành trình của anh.

Chiếc trompette nằm im trong lớp bụi đang chờ chúng ta.

Ta đang ở trên đường dẫn tới đền thờ với những lễ dâng buổi
chiều, tìm một chỗ ngồi cho sự nghỉ ngơi, sau phiên mỗi của
ngày : hy vọng vết thương ta sẽ được bình thường và những
vết bẩn trên quần áo được tẩy sạch, khi ta tìm thấy chiếc
trompette của mây đang trở mình trong lớp bụi.

Hỡi sao hôm yêu dấu, làm cho ta sáng lên một giờ được không?

Đêm có hát những bài ru nó tới những vì sao?

Trong mây máu đỏ sôi lên, những bóng phù dung của giấc ngủ
đã phai nhạt và khô héo.

Ta đã rõ những sự vắn vơ ở trên và những món nợ hoàn toàn
trả xong khi thỉnh linh ta đến lúc chiếc trompette của mây trở
mình trong lớp bụi.

Hãy đập lên trái tim mỗi mệt ta với niềm hoan hỷ của tuổi
thanh niên mây.

Cho ta sung sướng giữa cuộc đời bùng lên trong ngọn lửa
Cho những mũi tên của sự thức tỉnh bay xuyên trái tim đêm và
sự rung động của nỗi lo âu lay chuyển sự mù quáng và tê liệt.
Ta đã đến nhắc lên chiếc trompette của mây từ lớp bụi.

Giấc ngủ chẳng hơn gì cho ta, ta sẽ đi bộ qua những trận mưa
lên đó.
Vải mũi sẽ bay khỏi những căn nhà của chúng và đến bên ta,
vải mũi sẽ rũ xuống.
Vải mũi trên những chiếc giường của chúng sẽ tung lên và rên
rĩ trong những cơn ác mộng.
Đề đêm nay chiếc trompette của mây sẽ được thổi lên.
Từ nền bòa bình ta đòi hỏi chỉ tìm thấy niềm vui thẹn.
Bây giờ ta đứng trước mây. Hãy giúp ta mặc áo giáp,
Cho những cơn gió mạnh đập lửa vào cuộc đời ta.
Cho trái tim ta đánh nhịp trong sự đau đớn, tiếng trống sự
đắc thắng của mây.
Hàn tay ta sẽ hoàn toàn trống trơn như chiếc trompette của
mây lên

TRẦN ĐỨC UYÊN

dịch

NGƯỜI NGỒI Sơn Dầu 23 X 33



H. D. 161

reformed by Le Tung Chau



THIỆU NỮ
Sơn Dầu 46 X 38

reformed by Le Tung Chau

tinh thần thế giới văn học hôm nay (1)

trường hợp tây ban nha

NGUYỄN HỮU ĐÔNG

1 930. Tây ban nha là một nước quân chủ lập hiến. Vua Alphonse XIII — ôi con số 13 xui xẻo — trị vì, nhưng mọi quyền bính nằm trong tay thủ tướng Primo de Rivera, một con người của chế độ cũ, nặng đầu óc độc tài chuyên chế. Cuộc bầu cử dân biểu năm 1931 lại đem đến một thắng lợi vẻ vang cho phe dân chủ. Cảm thấy tinh thần đã ngã chiều hẳn, nhà vua thoái vị. Một chính thể Lân chủ cộng hòa đầu tiên được thiết lập với vị tổng thống đầu tiên là Alcalá Zamora. Một thành phần khuyếch tả, thiên cảm nhiều với cộng sản quốc tế bắt đầu được tổ chức và hoạt động. Những vụ về chính trị và xã hội, những thất bại kinh tế và ngoại giao làm cho chính quyền cộng hòa mất uy tín, và gây không khí thuận tiện cho lòng ngưỡng vọng nhà vua. Quân đội, trừ thủy quân ra, và đa số dân chúng theo Thiên chúa giáo đều có khuynh hướng bảo hoàng. Cuộc khởi nghĩa ngày 19 tháng 7 năm 1936 xảy ra ở hai nơi, một trong nội địa, một trong đoàn quân trấn đóng ở Maroc dưới quyền tướng Franco, chỉ là kết quả tất nhiên của tất cả những nguyên nhân nêu lên trên kia. Nội chiến xảy ra ác liệt giữa hai phe bảo hoàng và dân chủ, hay đúng hơn giữa hai phe quốc xã và cộng sản.

Ngày nay không một biến cố nào lại có thể diễn ra cô lập, ngoài những ảnh hưởng quốc tế phức tạp. Nội chiến Tây ban nha dần dà mất tính cách nội chiến mà trở nên một cuộc xung đột giữa hai phe quốc xã và cộng sản thế giới. Phe quốc xã lúc bấy giờ có Đức và Ý. Phe cộng sản còn khoác danh nghĩa dân chủ tự do, và còn rất uyển chuyển mềm dẻo, chỉ gửi sang Tây ban nha một số cán bộ chỉ huy, và một số chủ nguyện quân hỗn tạp, thiếu kỷ luật, thiếu huấn luyện, thiếu tổ chức. Tây ban nha đương nhiên trở nên một đất thí nghiệm lý tưởng để đôi bên thử thách những vũ khí và những chiến lược mới lạ nhất. Nạn nhân tất nhiên là dân chúng Tây ban nha. Nhưng không có ai có thể gọi là kẻ

(1) đọc Văn Nghệ số 1

TRƯỜNG HỢP TÂY BAN NHA

chiến thắng và thủ lợi trong vụ này. Năm 1939 phe quốc xã thắng lợi hoàn toàn, chiếm đóng Tolède, rồi kinh đô Madrid. Chính phủ dân chủ thiên cộng bỏn đảo, một phần chạy sang Nga, một phần chạy sang những thuộc địa cũ của Tây ban nha ở Nam Mỹ.

Những sự kiện lịch sử này thoát trông thất lắm thường, nhỏ bé, so với những biến động sắp xảy ra lúc bây giờ và hôm nay. Nhưng nó đã chiếm một địa vị vô cùng quan trọng trong văn học hiện đại. Chúng ta có thể tự hỏi bởi đâu một biến cố chính trị và những cuộc đụng độ quân sự có thể ảnh hưởng lớn đến văn học thế giới?

Tây ban nha là một bán đảo nằm giữa những luồng giao tuyến tinh thần quan trọng : nó là nơi gặp gỡ của rất nhiều nền văn minh kỷ cựu : Phénicien, Hy Lạp, La mã, Thiên chúa giáo, Hồi giáo. Đất đai cằn cỗi, tài nguyên khan hiếm, nhưng con người ở đó sống táo bạo, liều lạt, cuồng nhiệt, chân thành. Những bi trường đấu bỏ mòng đặc biệt của xứ Tây ban nha không phải là một sự kiện ngẫu nhiên : nó đại diện và tượng trưng cho đất nước và dân tộc Tây ban nha. Tất cả những va chạm giữa người và người, hay giữa người và thiên nhiên ở đây diễn ra minh bạch, chân thật, mãnh liệt. Cái xấu và cái tốt lên đến cao độ tuyệt đối của nó.

Sự gặp gỡ giữa hai khuynh hướng quan trọng nhất đang phân chia thế giới lúc bấy giờ, quốc xã và cộng sản, là một cơ hội hiếm có để đào thải nhau hay để tìm một sự giàn xếp. Không bên nào có thiện chí tìm một lối giàn xếp êm đẹp và chân thành, mà chỉ tìm mọi cách đào thải nhau. Ở hiệp đấu phe quốc xã thắng, nhưng cái thắng bấp bênh, mơ hồ, không đối tượng. Phe cộng tuy phải tạm thời lãnh mặt khỏi đất Tây ban nha, nhưng không mất mát gì đáng kể, trái lại hai bên đã chịu trách nhiệm trong việc làm cho đất nước và dân chúng Tây ban nha nghèo đói điều lnh thêm. Những vấn đề kinh tế xã hội, nhân sinh không thể giải quyết đơn giản bằng cách thay đổi một ngôi chủ tử, một danh hiệu triều đại gán lên một chế độ tự trung giống nhau ở kết quả và thực chất : độc tài.

Âu châu đã say sưa và thiện cảm theo dõi những biến cố Tây ban nha. Phần đông ngã sang phe dân chủ thiên cộng. Mà thực ra khi đó, trong biến cố ấy, cộng sản chưa có dịp làm cộng sản, mà còn cần hóa trang chân tướng của nó dưới áo khoác tự do, dân chủ xã hội. Vì thế phe dân chủ thiên cộng được rất nhiều thiện cảm của các dân tộc Âu châu, nhưng than ôi, chỉ là những thiện cảm suông đầu cửa miệng, mà không cụ thể hóa bằng những đạo quân hùng mạnh hay bằng những vũ khí có sức tàn phá lớn lao. Một thứ thiện cảm thừa thãi. Người dân Âu châu còn mong rằng những biến cố Tây ban nha, tuy có rất nhiều yếu tính quốc tế, cũng có thể giới hạn lâu dài trong khuôn khổ Tây ban nha, mà không lan rộng khắp thế giới một cách quá nhanh chóng đến thế. Con người trước cái chết, tuy biết mình chết vẫn không thể nào tin được, và vẫn nuôi rất nhiều hy vọng hảo huyền : may ra .. Nhưng chiến cuộc Tây ban

nhà vừa ngã ngũ, thì chiến cuộc thế giới bắt đầu. Tấn bi hài kịch Tây ban nha được diễn lại không sót một màn chính nào, với những diễn viên mới, trên một sân khấu mới, khác một điều không có khán giả, vì diễn viên là tất cả nhân loại, và sân khấu là địa cầu, không thể còn chỗ cho một hạng vé trên lầu nào nữa?

Những bậc thức giả thế giới, và nhất là Âu châu thời bấy giờ, những người làm văn hóa lúc bấy giờ ý thức được giá trị tiên tri, giá trị kiểu mẫu của chiến cuộc Tây ban nha, nên chẳng những đã say sưa theo dõi, mà còn say sưa tham dự, hay tham gia trực tiếp. Phần đông họ ngã sang phe dân chủ thiên cộng. Ngã sang chỉ là một cách nói; đứng vào hàng ngũ đó vì không biết chỗ đứng nào khác xứng đáng và thích hợp hơn. Nhưng khi đã đứng vào đó, họ bật ngửa: không còn đâu là phải trái, tất cả chỉ là một sự nhầm lẫn ngu xuẩn lỗ bịch, nhầm lẫn quan niệm, nhầm lẫn quan điểm. Vì những danh từ, vì một màu cờ mà con người tiêu diệt lẫn nhau không nới tay, tuy bên nào cũng tự hào rằng mình chiến đấu để bảo vệ những giá trị lớn và chính đáng của văn minh. Và cảm tưởng cuối cùng: sự phi lý của đời người, của hành động con người, của tổ chức xã hội. Phi lý và lỗ bịch, buồn cười đến nôn ruột, nhưng là tiếng cười chưa xót mĩa mai.

Do những yếu tố ấy, ngày nay có một phong trào văn chương rất hợp thời, rất phần thịnh xung quanh nội chiến Tây ban nha. Những tên tuổi lớn nhỏ, như một Sartre, một Malraux, một Hemingway, một Koestler, một Murciaux, và vô số những người cầm bút khác, phần đông những người ngoại cuộc, nhưng cũng có những người dân Tây ban nha, đã sáng tác văn phẩm trên biến cố Tây ban nha. Và tất cả những văn thi phẩm ấy có một không khí chung: sự buồn nản, mệt mỏi, chán chường, ngờ vực, phi lý, lỗ bịch. Con người trước thực trạng chiến tranh khốc liệt như bừng tỉnh khỏi một giấc ngủ trong đó đã nuôi rất nhiều mộng đẹp, bây giờ mở mắt thấy rằng tất cả những giấc mộng của mình tan biến mất cả. Những thứ mà người Tây phương gọi là những giá trị Tây phương (valeurs occidentales) đề chỉ những cái như dân chủ, tự do, bình đẳng, bình quyền... cũng trở nên vô nghĩa, bịp bợm, gian trá. Sự thực còn lại duy nhất: con người và sự sống của nó. Sự sống đó nhỏ mọn, hèn hạ, bạc bẽo, đau đớn, nhưng là sự thực sống động, mật thiết, gần gũi. Ở đầu một cuốn sách viết về chiến cuộc Tây ban nha, « Un Testament Espagnol », Koestler trích một câu của Malraux trong « Les conquérants »: « Một cuộc sống không đáng gì cả, nhưng không có gì đáng giá một cuộc sống » (Une vie ne vaut rien, mais rien ne vaut une vie).

Khám phá thứ hai: có những người khác đang sống với mình, bên mình, có thể có những liên hệ đến mình. Đây là một đoạn tường thuật của Koestler trong cuốn sách nói trên: « Tôi ngồi xuống nền nhà trước mặt hắn ta (một phạm nhân vừa bị tra tấn, sắp bị xử bắn nay mai được dẫn vào phòng giam của tác giả) và nắm lấy hai bàn tay của hắn. Sau một lúc, hắn rút tay ra. Hắn thận trọng luồn bàn tay xuống dưới lần lưng

TRƯỜNG HỢP TÂY BAN NHA

quần và kéo ra hai mẫu thuốc lá. Tôi cầm lấy và ngậm vào môi một ; mẫu thuốc quá ngắn, tôi phải ngửa mặt lên trời để đốt thuốc cho lửa khỏi sém môi và mũi. Kẻ tàn phế kia (đã bị đánh gãy quai hàm) hơi mỉm cười trong đôi mắt và ra dấu cho tôi giữ lấy mẫu thuốc còn lại, vì hẳn không thể dùng đến nữa. Tôi ngồi yên trước mặt hắn mấy phút, không dám nói gì, cảm thấy tất cả những lời an ủi lúc này đều trở con và trái cựa...

Cả những kẻ đang ở trong hàng ngũ kẻ tra tấn và giết chết mình cũng là những con người đáng thương. « Trong lúc người ta tra tấn ở phòng kế cận, thì chúng nó quan sát tôi kỹ lưỡng để xem tôi phản ứng thế nào, và có lẽ cũng có đôi chút thương hại. Khi bọn chúng diu nạn nhân thứ ba ra, đã chết hay ngất xỉu, thì người lính lớn tuổi hơn trong hai người quay nhìn tôi, nhún vai, bằng một cử chỉ hàm chứa một ý xin miễn tội vô tình. Trong cử chỉ đó có cả một quan niệm về vũ trụ nhân sinh của một tên lính cảnh sát già, có một quá khứ phục vụ ba mươi năm trong một xứ cổ lỗ, và có một người vợ, nhiều con cái, và... một nai, thờ ơ, lạnh lùng: « Vũ trụ này đã được tạo thành như thế đó, tôi cũng như ông, chúng ta không làm sao thay đổi được ». Cử chỉ nhún vai của người cảnh sát già ghi sâu vào đầu óc tôi hơn là những tiếng hét của những kẻ bị tra tấn ».

Và trường hợp thứ hai : Carlos, một sĩ quan trong quân đội quốc xã bị bắt vì một tội thường phạm được giam chung với tác giả (phạm nhân chính trị). Carlos vốn đã được nhồi sọ bằng những quan niệm chế tạo sẵn : kẻ thù là những kẻ mọi rợ, độc ác... Được tiếp xúc với những kẻ thù trong một hoàn cảnh chung, hẳn bờ ngũ nhận ra mình đã nhầm.

Khám phá thứ ba : tình yêu, dưới tất cả mọi khía cạnh của nó là mọi khía cạnh của nó là một tài sản quý báu nhất của con người. Hemingway đã nhấn mạnh đến tình yêu, một thứ tình yêu nhẹ dục chân thành và dễ dãi. Murclaux đòi hỏi một tình yêu cao thượng hơn, thánh hóa và siêu thoát con người : tình yêu giữa người và Thiên chúa, giữa người và những thần thánh. Một tình yêu mong chiếm đoạt tuyệt đối : « Đối với hắn, đó là một ngõ tối không dẫn đến đâu được, vẫn không đến đâu được, mãi không đến đâu được, và lần này nữa cũng không đến đâu được, và đời đời không dẫn đến đâu được. Hai tay chống lên mặt đất để mà chẳng bắt được gì, ngõ tối không cùng, lơ lửng muốn đời ở khoảng hư không chẳng còn một lối thoát nào, lần này và lần này nữa, mãi vẫn không được gì bây giờ đây, ồ, dường ra đời thêm một lần nữa để chẳng được gì, và bây giờ, vượt trên những cái gì con người chịu đựng được, vươn lên cao hơn, cao hơn nữa, cao thêm. Đột nhiên chói lòa, sáng khoáng, tất cả những gì tối tăm và hư không biến mất, thời gian hoàn toàn bất động ; hai đứa ở đó, thời gian ngưng trệ, và hắn cảm thấy mặt đất chuyển mình và biến mất dưới hai thân thể của hai đứa » (Pour qui sonne le glas, Hemingway). Con người đi tìm tuyệt đối bằng tình yêu, tìm chiếm đoạt trọn vẹn bằng tình yêu, dù cái chết có đe dọa

gần kề, và có khi chính cái chết gần kề làm cho cuộc mạo hiểm đi tìm tình yêu, và tìm tuyệt đối trọn vẹn bằng tình yêu cấp bách và cần thiết hơn. Bao giờ con người cũng còn lại một tài sản duy nhất quan trọng: tình yêu. Và một tình yêu mãnh liệt, đơn giản, không nhiều trắc ẩn, không vương mặc cảm tội lỗi vãn vơ, tình yêu hồn nhiên của những con người đầu tiên khám phá ra chân lý quan trọng duy nhất của cuộc sống: yêu thương. «Vậy nếu may yêu người con gái ấy như mây tự bão, thì tốt hơn hết mây hãy yêu mãnh liệt hơn đi, và như thế lấy cường độ của tình yêu bù trừ cho sự thiếu thốn sự lâu dài và liên tục. May hiểu không? Trước đây người ta để dành cả một cuộc đời cho tình yêu. Và bây giờ mây đã tìm thấy nó, nếu mây có được hai đêm là mây có thể tự hỏi đời đâu mây có được cái may mắn ấy. Hai đêm. Hai đêm để yêu dương kinh mẩn, và ầu yếm. Trong lúc may và lúc rủi. Trong lúc bệnh hoạn và khi chết chóc. Không, tôi nhầm; trong lúc bệnh hoạn và lúc mạnh khỏe. Cho đến lúc cái chết đến phản rỗi hai đứa...» (Pour qui sonne le glas, Hemingway).

Tình yêu giữa hai người nam nữ tuy thật là làm thương, hèn mọn, nhưng làm cho cuộc đời có một chút ý nghĩa, ý nghĩa ấy có thể cũng làm thương, cũng hèn mọn, nhưng ít ra là chèo thành, gần gũi, sống động, mà không mơ hồ như những thứ ý nghĩa vay mượn ở những thần tượng bên ngoài con người, bên ngoài cuộc đời. Tình yêu đã làm cho Robert Jordan, nhân vật chính trong tác phẩm của Hemingway tự nói với mình trước khi chết: «Mỗi người làm việc theo khả năng của mình. Mây không thể làm gì cho chính mây, nhưng có lẽ mây có thể làm được một việc gì cho một kẻ khác...» Khi biết mình chắc phải chết trong mấy phút, mấy giây nữa, mà có thể nghĩ đến người khác, có thể đem lại cho hành động cuối cùng của mình một ý nghĩa to đẹp lên cả cuộc đời, còn gì bằng, và tình yêu đã làm được việc ấy. Sự hy sinh của Robert Jordan tưởng chừng vô ích, nhờ tình yêu bỗng nhiên có một ý nghĩa, một ích lợi, ít ra đó là làm cho Robert Jordan hãnh diện về đời sống và hành động của mình. Và tình yêu ấy, nếu nằm trong một tình yêu rộng lớn hơn có thể quân bình được lực lượng của những tội ác xui dục con người chém giết lẫn nhau.

Và khám phá quan trọng thứ tư nhân chiến cuộc Tây ban nha: những hứa hẹn tốt đẹp của cộng sản chỉ là chuyện viển vông. Cộng sản bất lực trong việc tổ chức đời sống cho dân chúng của họ, cũng như bất lực và thiếu thiện chí trong việc cứu giúp các dân tộc khác. Tây ban nha đã trồng cây rất nhiều vào các đồng chí Mạc tư khoa, nhưng kết quả là khi khó khăn và thất bại dồn dập tràn đến thì đồng chí ấy rút lui trước tiên để mặc dân tộc Tây ban nha dẫn vật với khó khăn thất bại của họ. Tưởng rằng ít ra những kẻ đã sống chết với quốc xã, không còn một chỗ nấp ẩn nào trên khắp Âu châu lúc bấy giờ chịu sự khống chế của quốc xã, sẽ được các đồng chí Nga sơ đón tiếp niềm nở. Nào ngờ. Phải, nào ngờ họ bị bực đãi đến phải khăn gói gió đưa một lần nữa. Đó là trường hợp một tướng lãnh của phe dân chủ thiên cộng Tây ban nha, được văn

TRƯỜNG HỢP TÂY BAN NHA

sĩ José-Luis de Vilallonga tường thuật trong tác phẩm bằng Pháp văn : « L'Homme de sang ». Nhân vật là một tướng lãnh Tây ban nha nổi tiếng, đã tham gia tất cả những thăng trầm của chế độ dân chủ phủ dụ. Buổi thăng thì chẳng ai cần đến gã, đến buổi trầm thì người ta khoác lên vai gã một chức vụ và một trách nhiệm : trung đoàn trưởng một trung đoàn chưa thành lập, hay đúng hơn chỉ có trên trí tưởng tượng của các nhân vật quan trọng; trên thực tế thì trung đoàn ấy gồm mấy trăm thắng nửa người nửa ngòm nửa dười uoi, áo quần cũng thiếu thốn, còn nói gì đến súng đạn? Tuy với những phương tiện thật là chật hẹp như thế nhưng tướng Francesco Pizarro cũng say sưa chiến đấu cho đến giờ phút cuối cùng, cho đến khi Tolède, Teruel, Madrid lần lượt rơi vào tay quân quốc xã. Tướng nhà ta cũng chạy trốn sang Mạc tư khoa với những ông quan thầy cố vấn và ủy viên Nga. Sau một thời gian chờ đợi dưới mưa tuyết một quyết định không bao giờ có, tướng phải cầm chổi đi quét xe điện hầm... và cho đến khi không chịu được nữa thì tướng chạy trốn lần thứ hai, 1956, lần này đến một kinh đô tự do : Ba lê. Ở đây vị tướng ngày xưa có dịp gặp lại những đồng chí, những đồng bạn, nhưng than ôi năm tháng, và có lẽ tiền bạc của chế độ Franco đã có hiệu lực làm cho những chiến sĩ băng máu thừa nào trở nên những con chiên non ngoan ngoan sống rất an phận với mấy thâu kẹo trong một tiệm chap phô vùng ngoại ô Ba lê... và mĩa mai, thịnh thoắng nhắc lại thời oanh liệt ngày xưa nay còn đâu. Danh dự, vinh quang, bốn phần... ôi những danh từ lớn rất đẹp, ngày nay chỉ còn lại âm thanh lợm cợn và khàn khàn thoát ra khỏi cửa miệng còn mắc nhai kẹo cao su một cách khó khăn. Tướng thất vọng và đã tự mình chọn lấy cái chết cho mình để khỏi phải nhìn mãi những cảnh chương tãi gai mắt ấy phơi bày ra hàng ngày.

Trường hợp của tướng Francesco Pizarro không đơn lẻ hiếm hoi, mà chính là một trường hợp điển hình, đại diện cho muôn vàn trường hợp thông thường, tối tăm, và nhỏ bé hơn, những chiến sĩ võ mộng đẹp vì va chạm với chính mình, và vì va chạm với thực tại khách quan.

Cái mộng chiến sĩ ấy, cái mộng làm anh hùng ấy, một nhân vật của John Dos Passos cũng đã từng nếm mùi : Glenn Spotswood trong « A-venture d'un jeune homme ». Nhưng nhân vật này tự mình lựa chọn và định đoạt lấy đời sống và hành động của mình thì ít mà đã để cho hoàn cảnh đưa đẩy thì nhiều. Dù sao thì hắn cũng đã từng làm một chiến sĩ nghiệp đoàn hăng hái, rồi đã làm đảng viên cộng sản cũng khá hăng hái, hăng hái đến cái độ đi vào một hành vi phản động nặng nhất : tôn thờ cá nhân. Và hắn bị khai trừ. Chiến tranh Tây ban nha tướng có thể là một dịp để hắn làm người hùng, trước mắt hắn, trước mắt một số đàn bà, và may ra trước mắt cả đảng ta. Nhưng hắn nhắm lớn. Đảng không tha thứ cái tội phản động và nặng đầu óc trưởng giả của hắn. Hắn vừa đặt chân lên Tây ban nha, thì hồ sơ tội lỗi của hắn cũng đã đến trước rồi. Hắn không được quyền chiến đấu, không được cả cái quyền lái một chiếc xe, cũng không được quyền nói lời của hắn.

giải ra tòa án quân sự và bị tống giam. Một buổi sáng người ta mở cửa phòng giam hắn, và gọi hắn ra, không phải để xử bắn như thường lệ đối với phần đông các tội nhân, mà là để giao cho hắn một nhiệm vụ lớn lao và vinh quang vô cùng: mang mấy chục ký lô nước uống cho một đội quân nhà bị bao vây. Hắn đã hiểu, hai lần đạn, một lần đạn nhà, và một lần đạn của quân địch, thế nào chẳng có vài viên ghim vào thân thể hắn, và giúp cho đảng tiết kiệm được mấy viên đạn đáng lý dành cho hắn? Thế nhưng hắn không từ chối, thờ ơ nhận lãnh nhiệm vụ ấy, và thờ ơ treo lên, biết mình đang đi vào chỗ chết. Đợi ai mà không có một kết thúc, kết thúc thế này chẳng hơn sao?

Sự phản bội những hứa hẹn không phải chỉ nằm về một bên, còn bên kia thì dành cho những lỗ phải. Không. Bên nào thì sau một lớp binh phong lý tưởng đẹp đẽ cũng đầy đầy những thói tha. Một cựu đảng viên khá trung thành và hăng hái và đặc lực của phe Franco chợt nhận thấy xung quanh mình đầy đầy những tệ đoan, những bí ối, những xấu xa. Và đau đớn nhất: người ta hầu như không muốn, không cần làm gì để giảm bớt những thứ ấy. Camilo José Cela, một đảng viên chiến đấu kỳ cựu của chế độ Franco trong « Les Ruches » đã tố cáo những mặt trong đen tối mờ ám của chế độ: dân chúng đói rách, những kẻ lưu manh phê phởn, những sự buôn bán bí ối trên sự sống còn của đất nước Tây ban nha. Hai mươi năm. Bao nhiêu hứa hẹn. Bao nhiêu nguyện vọng. Hôm nay đất nước Tây ban nha có gì, cần gì, thiếu thốn những gì? Đời sống của người dân nơi thôn quê và trong ngõ hẻm thành thị vẫn không hơn gì trước, nếu không nói là tệ hơn. Đó là kết quả của bao nhiêu hy sinh sao? Người chiến sĩ nhìn lại kết quả tự hỏi như thế và không thể nào trả lời được. Dù là người chiến sĩ đứng về phe nào đi nữa.

Tất cả là những cơ hội bỏ lỡ, những chiến thắng không biết tạo lấy, những chiến công không biết chụp lấy, chiến cuộc Tây ban nha là tất cả những thứ đó. Và Louis Guilloux đã hiểu rõ như thế trong một tác phẩm khảo luận mang nhan đề rất tiêu biểu: Les batailles perdues, những trận đánh chịu mất; phải, chịu mất vì sự ngu xuẩn, câu nệ, ích kỷ, uơ hèn của những người có trách nhiệm. Nhưng cũng vì sự vô ý thức và câu thả, thờ ơ, bất cần của quần chúng. Con người đã tự dẫn mình vào thế bí, vào ngõ cụt không lối thoát.

Chiến cuộc Tây ban nha là triệu chứng cho những biến loạn lớn hơn lấy thế giới và nhân loại làm sân khấu. Nhưng nhân loại và thế giới không cần để ý đến những điểm báo trước rõ ràng minh bạch ấy, vì còn mãi say sưa cuồng nhiệt chạy theo những bả mồi lý tưởng điên rồ, những âm thanh đẹp và rộn ràng. Chiến cuộc Tây ban nha đã trở nên một sự kiện văn học, sau khi đã là một sự kiện lịch sử khá quan trọng vì tính cách tượng trưng của nó. Đó thực sự là một tấn bi hài kịch đầy đủ nhất mà nhân loại có thể chứng kiến và thưởng thức cùng rút ra những bài học bổ ích. Nhưng nhân loại đã không muốn thế, nhân loại không biết rút ra những bài học kịp thời, nên đã phải bỏ ngỡ khi tấn

TRƯỜNG HỢP TÂY BAN NHA

bi hài kịch ấy tái diễn trên một sân khấu khác vĩ đại hơn, với những hậu quả kinh hoàng hơn, với những nạn nhân và những diễn viên đông đảo hơn.

Vì đó chúng ta nói trường hợp Tây ban nha, một trường hợp điển hình không những có thể liên báo thế chiến thứ hai 1939-1945, mà còn có thể liên báo những biến cố quan trọng hơn sau này: sự va chạm giữa hai phe — bây giờ tên hiệu đã thay đổi — giữa hai khuynh hướng lớn trên thế giới không thể kết thúc chừng bằng một tình trạng lơ mơ hôm nay được. Chiến cuộc Tây ban nha, cũng như chiến cuộc thế giới chỉ mới xong một đoạn đầu, tuy quan trọng nhưng chưa hoàn toàn có giá trị quyết định tối hậu. Những vấn đề được đặt ra do sự gặp gỡ xung đột giữa các quan niệm sống và tổ chức đời sống cá nhân hay cộng đồng chưa hề được giải quyết dứt khoát, êm đẹp, và ổn thỏa. Những vấn đề mà kỹ thuật canh tác cũng như kỹ thuật tàn phá, kỹ thuật chiến tranh gây nên vẫn chưa hề được giải quyết. Hầu hết những nhân vật nạn nhân trong các văn phẩm xây dựng quanh chiến cuộc Tây ban nha, và có thể nói là tất cả các nhân vật nạn nhân trong hầu hết các văn phẩm hiện đại đều nói lên một lời nói tương tự dưới nhiều hình thức khác nhau: trước máy móc con người không còn đáng giá gì nữa. Con người bị nghiền nát, bị đè bẹp, bị đi sát xuống hố đen nhục của mình. Và điều quan hệ là con người ý thức được điều ấy. Ý thức được nhưng không đủ can đảm, đủ sáng suốt để phản kháng và đối phó. Có một chút cảm uất phẫn nộ lồi lõm ở đáy lòng thì đã bị nỗi khiếp hãi lo sợ làm cho mất hết những sức mạnh phản kháng.

Vấn đề được đặt ra gay go và cấp bách một phần nhân dịp chiến cuộc Tây ban nha và đã được ý thức qua những văn phẩm hiện đại văn nguyên vẹn. Tuy đã được nhắc nhở đến càng lúc càng nhiều mà vẫn chưa có giải pháp ổn thỏa nào. Vấn đề đó, hay những vấn đề đó có thể tóm tắt ở một vài công thức uyển chuyển: giá trị và hiệu lực của những nền tảng tinh thần hiện đại, những dân chủ, những bình đẳng, những bình quyền, những nhân quyền..., tất cả những thức ăn tinh thần và đạo đức của nền văn minh Tây phương thoát thai từ nguồn gốc Hy Lạp; căn bản của những liên hệ, của những tương quan giữa người và người, giữa người và tổ chức xã hội, giữa người và tổ chức sinh hoạt kinh tế hôm nay không còn có thể như hôm qua, và ngày mai không thể như hôm nay; tính chất biến chuyển và tiến hóa đó làm cho việc thiết lập những căn bản cho những tương quan và liên hệ kia thêm khó khăn và đòi hỏi nhiều điều kiện, chẳng hạn vừa có giá trị vĩnh cửu, vừa có khả năng biến chuyển, mềm dẻo, những căn bản đạo đức dựa trên một đức tin má quáng, một sự chấp nhận chủ quan, một sự gia nhập cuồng nhiệt ngày nay đã bị phá đổ, và thực tại rõ ràng nhất còn lại sau những đổ nát ấy là con người; với con người, và những lỗi lầm, những yếu hèn, những nỗ lực của nó, có thể làm gì cho cuộc sống khá hơn chăng?.... Chúng ta thấy rằng vấn đề gay go nhất được đặt ra nhân chiến cuộc Tây ban nha trước hết là vấn đề giá trị và hiệu lực của văn minh Tây

NGUYỄN HỮU ĐỒNG

phương, và của những nền tảng ấy xem chừng lung lay nhiều lắm rồi, người ta đang gắng gổ chống đỡ bằng bao nhiêu cột trụ tư bề, nhưng vẫn không giữ vững được. Vì tai họa đến không phải bởi gió bão bên ngoài, mà do những hư hỏng bên trong, những mâu thuẫn nội tại. Thuyết tự hủy diệt của một lực lượng, một sự sống (lực lượng và sự sống đó có thể là một sinh vật, một con người, một chủng loại, hay một tổ chức hay một chế độ, hay một văn minh) mà Tây phương đã khám phá và chứng nghiệm trên rất nhiều thực tại không phải là một thuyết hão huyền. Và nếu nó đúng thì tất nó cũng đúng cho trường hợp văn minh Tây phương. Câu hỏi hôm nay không phải là : văn minh Tây phương sẽ bị hủy diệt hay tồn tại ; mà phải là một câu hỏi phiền phức hơn : sau văn minh Tây phương này, sẽ có gì ? Văn minh Tây phương này dẫn nhân loại đến đâu ? Văn minh Tây phương tự nó có thể làm một cuộc cách mạng lớn để biến chuyển cho thích ứng với những hoàn cảnh, những điều kiện sinh sống hiện thời và ngày mai, hay sẽ ù lì, ngưng đọng và chết trong tình trạng ù lì ngưng đọng tại bại nhưng rất thông thường đã xảy ra cho rất nhiều nền văn minh thượng và trung cổ ? Và để cho trọn câu hỏi về số phận nhân loại sau sự tan rã hay biến chuyển của văn minh Tây phương chúng ta có thể thêm : trong một trật tự tương lai những giá trị, những căn bản, những nền móng, những nguyên vọng Đông phương sẽ chiếm một vị trí như thế nào ?

NGUYỄN HỮU ĐỒNG

SỐ SAU : Tinh thần thế giới văn học hôm nay : Trường hợp Á châu

ảo tưởng của thằng nam nghèo khó

Tel un souffre sans secours
Mourtri par l'air et mis à mort,
Fuit la jeunesse, ô frère fleur...
RICARDO PASEYRO

Ở đây có một con ngựa
người xa ích đã dong xe một mình và chẳng về
thiên đường là trí nhớ em
bạn chúng gieo hoang thuyết vào thiếu thời mình

không có âm thanh cho lời chẳng còn
em hãy nghe và đừng khóc, đừng khóc
em kiki ngoan ngoan của chàng

bạn chúng nhảy nhua, trong máu huyết
thân thể này là lỗi về

em ơi người ta đã tới miền nào của trời
rồi cũng sống

ở đây là bóng cây sên căn nhà sàn
vùng con kinh nước rút

ở đây em gấp lại cách thức của anh
gỗ đá trong lòng chàng

chân dung em buồn thắm
và đời ta quên mộng huyền bí kia

tiếng rên la trong đêm vọng và đứt
hơi thở trên con đường sông

em hãy nghe và đừng khóc, đừng khóc
em kiki ngoan ngoan của chàng.

Trong rạp hát anh ngồi với bạn bè
chúng nó nói gì thì nói

một người đàn ông say sưa múa may trên sân khấu
miệng chửi rủa một người đàn bà đẹp

nàng ôm mình lắng nghe chăm chú
rồi dơ tay làm điệu phần nân

khán giả bất đồng đứng dậy đánh nhau
sen đỏ bắt đầu khi các diễn viên
ngồi xuống xem họ sống trước mặt mình

ở đây không có lối về
căn phần của thằng Nam còn lặng lẽ
bầu trời xanh cao một vệt đen treo
và sự tình cờ rơi vào lòng chàng
một sợi dây vừa đủ cho mình, đừng khóc, đừng khóc
em kiki ngoan ngoãn của chàng.

Bây giờ em
thời kỷ lãng mạn đã chấm dứt
chúng nó trở về trên đường đã đi
song con ngựa thì què và người xà ích tóc đã trắng
ngồi lăm bằm chửi rủa nó
chiếc xe thì bỏ không chiếc trục mòn
quay hoài ở dưới đất.

Ở đây có một người đàn ông
ngồi kề gần thiên đường khóc lóc
hăm ba năm đó đã làm gì
ví dụ, con ?

Căn nhà đã bốc cháy
cuộc đời cho rồi cây cối xanh
mọc lên và khô như than
ngày y hối tiếc trở về
bài thơ tôi làm cùng tình huyết

chẳng phải cho ai
đồ khốn nạn

em hãy nghe và đừng khóc, đừng khóc
em kiki ngoan ngoan của chàng

Ở đây bọn chúng làm xong chiếc trống mặt da
và gọi mỗi buổi chiều
đàn voi trong núi kêu than thán thối đã mất
oi đây hồ sâu và cung điện của đời

phục hưng làm gì, con.

Nàng ra đi với hân
trời thì mưa đêm thì sâu
anh thì xanh xao và mệt mỏi
trong các đường gân con đĩa lờn thối rữa
cuối cùng là lịch sử
bọn chúng biết chỗ gì

ở đây có một bài ca
không có âm thanh cho lời của chàng

định mệnh thì xanh như trái cây
chờ rụng chờ rụng
dù sao sau này nó rơi
ở vườn địa đàng nơi anh chẳng chút khôn ngoan

và niềm yên lặng còn đó
không gian cao và sâu
người đàn ông điên rồ nàng đứng đây phân vân
sen này, liếp tục khi các vai trò ngó xuống

em hãy nghe và đừng khóc đừng khóc
em kiki ngoan ngoan của chàng.

VIÊN LINH

vùng yên tĩnh

NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG

Cuối đông, người khách từ già chị em Soạn. Anh ta đến ở được sáu tuần lễ, Soạn nhớ hôm đó bỗng đứng mưa to và chàng nhận ra có người gọi cửa trước tiên (không phải Soạn thỉnh tai, nhưng lúc đó chàng đang chú ý tới tiếng nổ của một chiếc mobylette cũ. Tiếng nổ trong mưa, nghe ọc ọc có vẻ một mối hay như tiếng nước chảy vào ống tháo của cái lavabo. Hình như chiếc xe ngừng lại đầu dãy ngoài đường. Dừng lúc ấy có tiếng gọi. Tiếng gọi của người khách). Thuận đỡ cái áo mưa cho anh ta và nói với Soạn: « Chú tỉnh thật ». Bấy giờ thì anh ta đã đi khỏi cổng và Soạn đứng trên hè nhìn ra. Buổi sáng đông, nắng lạnh lẽo và như bốc lên từ mặt đất. Dẫu vậy, Soạn vẫn thấy chói chang và tay chàng như gợn lên những mũi nhọn buồn buồn. Soạn cười khế đi vào nhà. Lối đi trải thảm đá kêu lạo sạo và Soạn nhớ chàng đi chân không. Thuận đang soạn sửa những đồ vải để giặt. Soạn thấy một thau đầy (màn, áo quần, mấy cái khăn lớn). Chỗ giặt dĩa là một khoảng nền ciment trơn, đen lánh, vài chỗ đọng vết xà phòng. Cạnh đó là nhà tắm và hồ nước. Nhà bếp cũng trong khoảng đó. Soạn đứng lại một chút đi chân xuống nền ciment chờ đợi. Chàng cho là Thuận sẽ hỏi một câu gì đó. Về anh ta. Nhưng đợi mãi chẳng thấy gì. Thuận đang cúi xuống múc nước ở hồ lớn bằng một cái ống sắt tây còn mới và đổ vào thau. Nàng làm chậm rãi, không ngừng lên, cái lon thỉnh thoảng hắt ánh nắng vào mắt Soạn. Chàng nhìn cái thau lớn, rồi nhìn cái lon trong tay Thuận, hơi bực mình. Buổi sáng nắng như đứng yên. Một chân Thuận trong nếp quần mỏng để lên bực xây của cái hồ. Lưng nàng đều và thon. Soạn nhìn xuống chân, co ngón cái búng một hạt sỏi trên nền ciment. Hạt sỏi văng mất. Soạn thở mạnh ngừng lên thấy khoan khoái dễ chịu. Chàng bước lại vòi nước, gắn cái ống cao su vào cần một đầu kéo đi. Cái ống đồ, mềm eo. Soạn nói một mình trong tiếng thở ra: « Phải trời đây », chàng cao giọng hơn: « mở ra, mở vòi giùm, chị Thuận ».

Soạn bắt đầu tưới cho mấy chậu cây. Rồi đến mấy cây chuối. Chàng

VÙNG YÊN TĨNH

nhé lá chuối xịt nước vào, tiếng kêu rào rào như mưa. Máy tàu lá chuối có nước, xanh ánh lên, trông thật đẹp. Soạn xịt mãi. Tiếng Thuận: «Vừa chứ, nó sưng». Soạn bẻ cụp cái vôi lại quay nhìn nàng. Thuận đang cầm cái chà xà phòng vào một cái áo trắng, không ngừng lên. Soạn nhún vai. Thốt chàng nhớ đến anh ta cũng có tật nhún vai như thế. Hay mình bắt chước hẳn đó? Soạn tự hỏi vậy. Trí óc chàng lại lơ mơ nghĩ về người khác. Anh ta hơi cao, nước da trắng, tay có những đường gân xanh nổi lên. Anh ta nói giọng Bắc, nhưng hơi ngược. Suốt ngày anh ta đi đầu, Soạn không biết, tối về ngủ. Mấy hôm gần đây, anh ta bỏ thói quen đó. Nhưng Soạn lại bận công chuyện nên cũng không mấy khi ở nhà. Hai người chỉ gặp nhau luồn quẩn vào mỗi buổi chạp choạng. Soạn, sau đó, đi ra hiên và ngồi cho đến tối mịt, còn anh ta thì đi ngủ ở một cái phòng riêng (phòng không rộng lắm, vừa một người, cách hẳn chỗ chỉ em Soạn—đó là một cái nhà chứa đồ đạc dọn dẹp lại). Anh ta là bạn làm ăn của Dung, chồng Thuận. Nhưng Dung không gặp anh ta trong suốt sáu tuần lễ. Dung đi xa, bảo anh ta đợi, nhưng đợi không được. Thuận cũng không. Soạn đã quen với sự bất tin tức của Dung, không ngạc nhiên. Mà Soạn cũng không muốn ngạc nhiên. Tuy là hai anh em, nhưng Soạn không thích Dung. Hắn keo bần thô kệch. Hắn nghĩ đến một đồng sắt vun còn tha thiết hơn khi nhìn một cảnh đẹp của trời đất. Vậy nhưng các cử chỉ của hắn lại nhảm lẹ và nhẹ nhàng. Đôi khi Soạn ngồi ở hiên và tuy biết hắn đã đi rồi, chàng vẫn tưởng như hắn đang tiến tới sau lưng chàng. Như một con mèo, (chàng càng cúi tiết hẳn, và càng thấy hắn không hợp với chàng tý nào). Soạn nghĩ lơ mơ như thế, tay vẫn cầm vôi nước, miệng huyết sáo lúc nào không hay. Khi chàng chợt nhận ra, chàng tự hỏi tại sao chàng huyết sáo trong lúc này. Ô hay! Thế ra chàng vẫn thấy buồn đó sao? Soạn mỉm cười thôi không huyết sáo nữa và thả vôi nước. Nước buổi sáng chảy mạnh. Khu này dùng nước công cộng. Trưa họ khóa lại. Soạn xịt nước tứ tung, cả chỗ trải dăm dĩa cả cho những cây đại mộc ven bờ rào. Tiếng Thuận: «Chú Soạn, chú Soạn... (Soạn quay lại)... Chú còn gì giặt không?» Soạn đáp: «Không», chàng tiếp tục tưới cây, vòng ra trước nhà. Nhà không rộng, nhưng có một khu vườn. Hai bên là những cây chuối, ở giữa có một khoảng đất thẳm vắng bằng gạch xây sấp nghiêng chỗ đó trước có hoa, nhưng nó chết tiệt. Lửa thừa trên lối đi có những hòn sỏi trắng, thứ sỏi này đựng trong một cái bồn lớn đã vỡ nên văng ra tứ tung như thế. Chỗ cái bồn sỏi vẫn còn nhiều, và trải dày hơn, càng xa càng ít, nom như một giọt nước lớn rớt từ cao xuống. Góc vườn, về phía trong, có một bức tượng khóa thân. Bức tượng đã gãy đầu và mẻ một bên vú, phía dưới bị bôi đen nhiều chỗ (Soạn đã dùng dao cạo đi cho đỡ bẩn, nhưng cũng vì thế chàng thấy bức tượng càng nhảm nhở kỳ cục). Bên cạnh đó là một cái ghế vắng vẻ. Trong cùng là một đồng sắt vun. Mọi thứ này mang một vẻ im lặng rất xô lá. Như là chúng chỉ cụp lại trong một thời gian thôi. Soạn có cảm tưởng như chúng là những con chó giả vờ phủ phục nhưng mắt lão liên nhia chủ, hở ra là rủa nhau cút mất. Nàng vẫn đều đặn và

lãnh đạm. Ngoài đường vẫn ít tiếng xe cộ, ở xa thì vọng lại nghe 1 âm. Nhưng dầu thế, Soạn vẫn thấy có cái gì khang khác. Chàng nhìn quanh và dừng mắt trên một khoảng tường quét vôi vàng. Khoảng tường có nắng nên chói chang. Tuy nhiên, Soạn tự nhủ, đó chỉ là một khoảng tường thôi. Quái lạ, mình đang nghĩ đến chuyện gì vậy kia? chàng bỏ cup cái vôi nước đứng im một chốc rồi quăng nó xuống đất, kêu: «chị Thuận, đóng nước lại, đóng lại đi», xong chàng bỏ đấy đi ra cổng. Chàng lăm lăm nhắc lại ý nghĩ lúc nãy: kỳ cục thật! mình nhìn cái khoảng tường đó như là nhìn một con vật lạ lùng lắm vậy. Chàng thử nhớ lại. Xem nào, có những gì nào. À, cái bức tường mình nhìn vào đấy chói mắt vô lý, chỉ chừng ấy. Một lần, khi vừa ngủ dậy, giấc mơ còn lảng vảng trong đầu những chuyện vớ vẩn khó tin nhưng rất khủng khiếp, Soạn đi ra ngoài đường thế này. Lần đó chàng cũng đã đứng khựng lại trước một cục đá. Chàng nhìn nó chằm chằm như chác chắn rằng nó chính là sự xui xẻo trong ngày liền hình lên. (Cả ngày hôm đó Soạn nhớ chàng ăn đúng hai bữa cơm, buổi trưa chị Thuận gọi đi cine, buổi chiều gặp một cô bạn). Vậy mà suốt buổi sáng, Soạn cứ phải loay hoay sợ sệt về cái cục đá khủng khiếp. Bây giờ cũng vậy, chàng đang thấy ngái ngái khoảng tường chói nắng kia. Chàng đang bị cái gì ám ảnh đây? Soạn dơ tay lên trời. Trí óc mình lại bầy bọ mất rồi.

Vừa khi đó Soạn nhớ chàng đang vịn tay vào thành cổng. Chàng bực mình bỏ tay xuống tìm xem chàng nhìn gì ở trước mặt. Mình có thấy hẳn không đấy? Soạn tự nhủ. Cái người và xe đạp đang ngồi đọc báo trên một miếng gỗ vuông ở lề bên kia. Nếu quả thực từ nãy giờ hẳn ngồi đấy mà chàng không nhận ra thì thật là đáng ngại. Có thể lắm. Soạn chợt nhớ tới người khách. Anh ta như một con cáo già. Soạn không thể hiểu anh ta được. Một lần anh ta gặp Soạn đang ngồi một mình ở hiên, lúc đó đã nhả nhem. Soạn đang thử người búng khế móng tay dưới gan bàn chân cười khúc khích vì nhột. Anh ta đến một bên hỏi: «Chú cười cái gì đó?» Nghe hỏi, Soạn ngồi lại ngay ngay ngắn: «Không, có gì đâu». Anh ta nói một câu làm Soạn phát lạnh người: «Như thế không tốt, phải hoạt động».

Bây giờ anh ta đi rồi. Sự xoi mói nơi anh ta cũng mất theo. Soạn biết chắc vậy. Những ngày có mặt anh ta trong cái nhà này, Soạn không thích lý nào cả. Hoặc là chàng tránh anh ta, hoặc chính anh ta tránh chàng. Dầu sao chàng cũng không muốn anh ta biết chàng đối với anh ta như thế nào, cho nên chàng cũng cứ trả lời hoặc nói chuyện với anh ta. Điều đó đâu có khó khăn mấy. Dầu vậy, cho đến bây giờ, Soạn vẫn thấy anh ta giống như một con cáo. Hẳn biết rõ mình hết, vậy mà mình mà tịt về hẳn. Soạn muốn phát câu về cái ý nghĩ ấy. Chàng mở cánh cổng bước ra ngoài. Ít ra thì mình cũng phải làm một chuyện gì trong buổi sáng này. Cho đỡ bực bội. Chàng bước lại gõ chuyện với người chữa xe đạp. Nhưng hẳn chỉ hé tờ báo một chút rồi lại tiếp tục xem. Hẳn biết chàng không ăn nhập gì với hẳn cả. Soạn nhún vai bỏ đi. Chàng vẫn chân không. Lẽ đương văng vể, ngoài cái người chữa xe

VÙNG YÊN TĨNH

đạp và chàng thì không còn ai nữa. Soạn đi chậm chạp dọc theo những ô gạch, dưới những bóng nắng lớn. Dầu xa cây khít thành vòm, ngó hơi tối và yên lặng. Soạn quay trở lại. Chàng không có thói quen bách bộ xa cho lắm. Hơn nữa chàng không giầy dép trong khi mặc pyjama có vẻ lung tung không đúng cách. Soạn bước sang lễ, đẩy cổng bước vào và đến hàng hiên. Chàng lưỡng lự một chút, vòng ra phía hông, theo bậc gạch bước lên. Cái ghế đầu vẫn ở chỗ cũ. Soạn ngồi xuống đó.

Nắng đã cao hơn, nhưng chỗ Soạn ngồi không bao giờ sáng cả. Mặt trời mọc từ sau, buổi sáng hiên mát lạnh. Buổi chiều, chỉ có một lúc là nắng chiếu vào đến nửa thềm. Sau đó vì mắc những hàng cây ở trước đường nên chỉ một vài tia nắng lọt đến. Hàng hiên vì thế đối với Soạn là một chỗ dễ chịu. Ngồi ở đây nhìn ra, hai đầu là những cây xanh. Một phía, chéo góc, là cây măng cầu trụi lá. Phía trước là cảnh vườn nhỏ. Một bên là bậc cấp. Hiên cao hơn mặt đất đến hai thước, vì căn nhà được xây theo một kiến trúc kỷ quái. Nhà dài, trước ít cửa, ra vào theo ngõ sau. Thật là một chỗ ở ít ra thì cũng thú vị. Soạn nghĩ thế và không hiểu ngay vì sao. Một chập chàng mới nhớ đến. Ồ, có gì, sao mình lại quá quan tâm đến thế, Soạn co một chân lên ghế, nghĩ vậy. (Tuy chàng bắt đầu tay máy nghịch những ngón chân nhưng chàng không biết tới). Soạn nhớ những ngày rất xa, hồi đó chàng chưa ở đây, và những người đã đến với chàng. Những người này bây giờ đều bắt đầu từ, Soạn không rõ họ làm gì, mà chàng cũng không muốn biết. Sao tự dưng mình nhớ họ vậy? Soạn mỉm cười. Họ như những khối đá lớn nằm ở đằng trước một luống nắng. Soạn không trông rõ mặt họ nữa. Phải, bây giờ, đối với họ, mình có còn dính dáng gì nữa đâu. Mình chóng quên và bạc bẽo thực. Soạn tự rửa thềm như vậy. Nhưng còn họ? Chắc họ cũng như chàng thôi. Soạn nghĩ vậy nhưng vẫn không an tâm. Có một người nào đó làm chàng khó tin được điều chàng toan gán ghép để tự an ủi. Trí óc Soạn lang thang vào những miền nắng, cố tìm người đó. Hình như là một gã con trai. Soạn nhớ rồi. Lần ấy về chơi một chỗ cũ, Soạn cũng một người bạn thân nắm tay nhau lên lối giữa đám đồng. Thành phố của tỉnh nhỏ rất dễ chạm mặt người quen. Cách chục bước là đã thấy một người từ năm, bảy năm trước. Rất nhiều người chào Soạn, bắt tay Soạn. Họ nói: «Ồ bạn, chào bạn!» và Soạn dơ tay chào lại, cũng nói: «Chào bạn, bạn mạnh chứ?» Thật ra thì những ông bạn ấy Soạn không nhớ tên nữa. Mà có lẽ họ cũng chỉ nhớ mặt chàng. Họ cũng gọi chàng bằng cái tiếng bạn để thương như chàng gọi họ vậy. Mỗi lần bắt tay xong một người, Soạn mỉm cười với họ, lăm lăm trong họng: «Ông bạn ơi! Thế là chúng mình đều đã già cả!» Và Soạn lại đi, bực tức vì không thể nhớ tên lấy một người mà không dám hỏi. Lại cũng không ai tự xưng tên ra cho chàng hay. Ồ, họ cũng khó nghĩ như mình thôi mà. Nén câu chuyện chỉ có thế, Soạn đã không ấy này. Nhưng sau đó chàng đã gặp một người. Anh này trông thấy Soạn từ đằng xa đã mỉm cười và chạy ngay lại. Soạn dơ một cánh

tay ra. Anh ta vồn vã : « À, Soạn, Soạn ! Lâu thực. Cậu nhớ tôi không ? Bên đây mà. Bên PT đây mà... » Soạn bắt tay anh ta rất chặt, hỏi thăm lung tung. Anh bạn trước khi từ già còn cố đứng lại ngấm chàng từ đầu đến chân và nói : « Cậu già lắm. Mà bộp lại. Chả bù với dạo ấy còn đẹp trai dào dạt », anh ta cười, bỏ đi. Lần ấy Soạn suýt soa mãi với người bên cạnh : « Hân ta thật nhớ dai và lịch sự ». Soạn thốt cười lên một tiếng : không hiểu tay chàng chạm vào chỗ nào của bàn chân làm nó nhột. Soạn cúi xuống nhìn, trong khi tay vẫn táy máy rờ rẫm. Mấy ngón chân của chàng co rút loạn xạ vô trật tự, cả bàn chân chàng cũng giật giật làm chàng khó chịu vì cái cảm giác lúc lắc đó. Thật quái, vậy mà thỉnh thoảng chúng lại lý ra. Soạn lim dim mắt cố đưa thật nhẹ mấy ngón tay trên gan bàn chân nhưng vẫn không thấy nhột gì nữa. Ngón tay chàng như đang rờ phải một cục gỗ. Vậy mà để yên chốc nữa nó lại nhột không chừng. Đùng là một lũ ruồi nhặng khó tính. Minh chú ý quá đến chúng mất rồi. Phải đứng lên thôi, đứng lên và đi ra ngoài, hay vào trong nhà. Ngồi lâu quá mình lại nghĩ bậy bạ mất. Soạn đứng dậy, xuống bậc gạch, ra chỗ cái tượng khỏa thân ngồi xuống đó. Ghế đá mát gây cho chàng một cảm tưởng dễ chịu nơi cánh tay. Soạn vẫn vờ nhìn những viên sỏi, những cành cây nhỏ xung quanh. Nhưng chàng biết là chàng không chú ý đến chúng : chàng đang nhìn màu nâu của khoảng đất ven tường. Khoảng đất mới được dính một chút nước nên lỗ chỗ đậm nhạt không đều. Một vài thứ cây dại mọc ở đấy, cành nhỏ mà lá cũng nhỏ. Soạn tự hỏi chúng ăn được gì trên cái thứ đất ấy, mỏng và hẹp (ở dưới còn là nền ciment của móng tường, đất ấy chỉ là những thứ đất bụi lâu ngày). Vậy mà chúng cứ sống. Cạnh đó là một vài que rác, ít cái bã mía đã mùn, mấy viên giấy vo tròn với ít cục sỏi. Soạn nhìn vào đó, hoa cả mắt, mỗi lúc mỗi thấy khoảng đất to hơn lên và có nhiều hạt cát tròn một cách kỳ quái ở trong đó. Thật kỳ, thật kỳ, Soạn lim bầm như vậy. Lúc chàng sắp đề ý tới những vết nhám nhỏ nơi bức tượng khỏa thân thì chàng đứng lên. Chàng lại nhột cái vôi nước cầm tay vừa đi vừa cuộn vòng nó lại. Soạn tự bảo sẽ chú ý làm một công việc thôi. Minh hay lơ mơ như thế sẽ nhảm cả người mà không làm được gì cho nên thân cả. Từ đó Soạn bước chậm rãi. Khi vào đến sân giặt, cái ống cao su đỏ đã cuộn thành vòng trong tay Soạn. Chàng móc nó vào một sợi dây thép uốn cong treo ở tường ngoài nhà tắm. Thuận đang vắt một cái áo. Nước rót xuống chậu đã trong. Có lẽ nàng giặt hết rồi. Soạn không nhìn gì nữa, đi vào nhà tìm nước uống một ngụm. Dẫu chưa ăn gì Soạn cũng uống nước lạnh. Soạn tin tưởng uống thế này sẽ trị được chứng kéo mở nơi da bụng. Trông rất khó chịu. Cái hình ảnh này chàng đã trông thấy ở đâu kia ? Soạn tự hỏi thế nhưng không tìm ra được là ai. Soạn im một chốc và nói thầm : nhưng chắc không phải Thuận. Nàng ít ra thì cũng đã đẻ một lần. Chỉ những người đàn bà có chồng nhưng sợ đẻ mới phát mở như thế (Thuận đã đẻ nhưng không nuôi được). Soạn cầm cái ly nước, dốc hết chỗ còn thừa vào miệng rồi dẩy nút chai lại.

VÙNG YÊN TĨNH

Soạn đến giường nằm. Căn nhà dài, không có vách ngăn. Giường Soạn kê ở ngoài. Phía trong là chỗ của Thuận và Dung. Nhớ đến người anh, Soạn thấy bực mình. Hắn chịu được những cái chằng cho là gai mắt. Tỷ như cái răng vàng của hắn. Đó là một cục vàng thi đúng hơn (điều đó có thể bỏ qua được, vì người ta có quyền đeo vàng nơi cổ hay để trong miệng tùy ý thích) nhưng lại cái Dung thích màu sắc nên hắn đã bịt một cái răng khác, bằng bạc, ở giữa có đệm một miếng nhựa màu xanh. Mỗi lần hắn toác miệng cười, nội hai hàm răng cũng đủ cho một đứa trẻ học về màu sắc phải lấy làm dễ nhớ). Rồi đến những thứ khác. Bao giờ Dung cũng thích những sự lộn xộn về màu sắc làm Soạn cáu tiết. Vậy mà Thuận chịu được. Hôm Dung làm cái răng bạc về, đứng nhẹ răng trước gương ngắm nghía rồi cười khoái chí, hỏi Thuận: «Đẹp không?» Nàng cũng cười với chồng (phần Soạn khi thấy thế vội lủi mất, sợ đứng đó nói bậy mất lòng Thuận. Soạn vẫn cố tránh điều đó). Ngay cả cách bày biện trong nhà, Thuận cũng không muốn thêm bớt gì khi Dung đã làm. Căn phòng suôn suốt, hai cái giường của vợ chồng Thuận và Soạn tuy kê xa nhau nhưng không có gì để ngăn đôi (có một cái màn sọc, nhưng ít khi kéo lại). Soạn tự hỏi Dung không thấy khó chịu sao? Làm sao hắn ái ân với nàng cho rộng rãi được? ít ra cũng phải kín đáo một chút chứ. (Điều này Soạn không chắc chắn lắm vì tuy thế, Soạn không mấy khi thấy hắn ôm Thuận) Dầu vậy, Soạn cũng vẫn thấy bực bội khó chịu gùm Thuận, và bao giờ cũng vậy, khi nghĩ về nàng, Soạn cũng thấy đó là một người đàn bà sạch sẽ và thuận tiện (có lẽ nàng không biết những điều đó — đúng hơn là có lẽ nàng không cần biết — vì Soạn chưa bao giờ thấy nàng tỏ vẻ không bằng lòng về cái thẳng anh sạch sẽ của chàng). Soạn nghĩ lẩn man, chán chàng eo lại và bàn tay thò xuống táy máy lúc nào không hay. Lúc Soạn biết vậy, chàng vội vớ lấy một tờ báo xem. Được vài hàng chàng lại vội quăng đi vì trong báo cũng quá nhiều những hình ảnh hoa mắt.

Soạn ngồi dậy với cái áo thay rồi tìm xe đạp dắt ra cửa. Thuận đang phơi đồ giặt. Soạn hăm thử lớp xe, nói: «Tôi đi lại đằng này tý, chỉ Thuận» Thuận cười: «Chú ăn mặc gì lạ vậy?» Soạn đun cái xe xuống: «Ờ, nhưng tôi chỉ đi gần thôi mà. Đi cho đỡ buồn». Nói xong chàng nhảy lên xe đạp ra cổng. Dám đá kêu lạo sạo. Chàng tưởng như trí óc cũng lặn theo bánh xe đó. Ra đến đường, Soạn nhìn xung quanh nhưng không thấy ai. Người thợ sửa xe đạp vẫn còn ngồi xem báo. Chàng đạp xe ngược lên mạn vắng vẻ, theo con đường nhỏ rồi đến vùng ngoài ô. Ở đây có những căn nhà mới xây của ngoại kiều, những bờ rào mới trồng còn thưa, trong vườn có cây nhỏ. Lũ trẻ đã chán chơi đùa, nhưng thích thoảng, trên giấy điện. Soạn còn thấy vài cái đuôi giấy mắc ở đó. Gió buổi sáng thổi nhẹ nhẹ. Soạn đạp loảng quảng vào những con đường có vú sữa rậm ở hai bên. Bỗng lúc khoảng trời trên đầu Soạn bỗng như mở lớn. Bỗng trời chói sáng, những thứ nước có ánh đèn đỏ ập xuống. Tiếng một chiếc máy bay rền rền ở phía xa. Soạn đưa mắt tìm khi thấy một khoảng trời trống nhưng chiếc máy bay vẫn chỉ là cái tiếng

động lư dừ ở đầu đó. Nếu mình có trông thấy nó, Soạn nghĩ, hay là có trông thấy được một cái gì để tin là nó đã phát ra tiếng kêu đó, mình cũng chẳng được thêm chút gì hết. Cớ sao mình băn khoăn về những chuyện đó? Soạn không muốn nghĩ thêm nữa. Chàng vòng xe trở lại. Chàng sợ phải lẩn quẩn trong những điều biếng nhác lổ chổ. Nó không đem đến cho chàng một chút thoải mái nào cả. Vậy thì hạnh phúc? Soạn nhón bàn đạp gõ lưng xuống. Hạnh phúc há hời thảng bớ? Ai đã nói với chàng câu đó? Soạn nhìn xuống đường, chàng đạp xe mau và con đường hút chạy thành những sợi dài khó tin. Ồ, không phải. Mình đâu có đi tự tử, chính thế. Soạn sợ nhớ là đã lâu lắm chàng không lại thăm ông Liệu. Ông Liệu và chàng đã quen nhau trên một chuyến tàu suốt, đã lâu lắm. Hình như là từ ngày có người khách đến, Soạn quên khuấy ông Liệu. Mới có sáu tuần lễ. Sáu tuần lễ. Ai chứ ông Liệu có thể đã chết lắm (ông yếu tim, người gầy ốm nhưng rất vui vẻ). Soạn cho là bây giờ đến thăm ông rất phải lúc. Chàng đạp xe về chỗ mà chàng đã đi qua lúc nãy. Ông Liệu đang nằm ở ghế vải xem báo. Soạn dựng cái xe ngoài lề đường, đi vào. Nghe động, ông Liệu ngẩng lên. Soạn cất tiếng chào trước. Ông Liệu vui vẻ dơ một tay vẫy vẫy ra hiệu chào Soạn. Buổi sáng nắng đã cao, chỗ hè ông Liệu ngồi có một cây lớn mọc gần nên nhím mắt. Soạn bước đến. Ông Liệu bắt tay chàng và nói: «Soạn, lâu lắm rồi. Bây giờ ở đâu?» Soạn không đáp, nhìn xuống chân ông, ông chợt hiểu: «À, không có gì đâu. Nhưng phải nằm cho khỏe hẳn lại.» — «Ông bị gì?» ông Liệu kéo cái ghế thấp ra hiệu cho Soạn: «Đứng xe, nhưng không sao»; Ông cười, tiếp, tay chỉ vào ngực: «Vầy mà vẫn tốt. Nói về chuyện của ông đi. Bây giờ ở đâu?» Ông lại cười, những đường nhăn ở trán lộ rõ. Soạn nhìn bàn tay, ngực của ông, trả lời: «Tôi vẫn ở chỗ cũ; không đến ông là vì có vài chuyện ở nhà». Ông Liệu dơ một tay lên: «Ồ, ờ, tốt lắm». Soạn hiểu ông định nói gì rồi, chàng đỏ mặt: «Không phải đâu, tôi chưa có vợ» — ông Liệu: «Té ra tôi nhầm. Giả như tôi nghe đến hai chữ chuyện nhà là nghĩ ngay đến vợ con», ông đưa mắt cho Soạn: «nước uống gần cái bình hoa, sau cánh cửa vào lấy giùm». Soạn vui vẻ đứng lên nhưng hơi ngạc nhiên. Khi chàng bưng ấm chén ra để xuống bệ gạch, ông Liệu với lấy rót và nói: «Thằng Xín còn đi chợ. Tôi mới nuôi nó. Uống đi, ông Soạn. À, tôi quên chưa báo cho ông hay là tôi đã gả cháu Thanh. Tôi muốn báo ông biết tin đến uống rượu nhưng không làm sao được (ông không có địa chỉ của Soạn). Bây giờ nó theo chồng ra Nha trang rồi. Thành ra tôi một mình quá buồn». Thoạt nghe ông Liệu nói, Soạn hơi ngạc nhiên. Cách mấy tháng trước Soạn có đến thăm nhưng không nghe ông Liệu nói về chuyện của Thanh. Chàng không hiểu tại sao, nhưng cũng không muốn hỏi. Soạn bưng ly nước lên tay, nhìn ra ngoài. Ông Liệu vẫn không có chi thay đổi, trừ cái chân. Biết đâu ông không què hẳn nhưng muốn giấu. Soạn từ từ quay lại, giữ vẻ thân nhiên ngắm kỹ chân ông. Có lẽ chàng đoán lầm. Soạn ngẩng lên và bắt gặp, ông Liệu đang nhìn chàng. Ông chợt cười lớn và nói: «Nhìn gì thế, chú bé? Tôi nói thật

VÙNG YÊN TĨNH

mà». Ông nhồm người lấy ly nước: «Uống đi thôi chứ. Tôi mới bảo nó pha nhưng quên chưa bảo nó mang hộ ra đây thì nó đi chợ mất. Giá ông không đến, có lẽ tôi còn phải chờ cho nó về rồi mới được uống. Thơm đấy chứ? Của nhà giai đem biếu hôm cưới. Chồng thật», ông chộp miệng uống một ngụm trà, hớp lửng. Soạn nói: «Cô Thanh đi lấy chồng, vậy mà tôi không hay đề thỉnh thoảng đến nói truyện với ông cho vui». Ông Liệu cười: «Từ nay sẽ đến cũng không muộn. Hồi này tôi tưởng ông đã lấy vợ vì cứ đinh ninh rằng cũng chả lâu lắc gì. Con Thanh cũng vậy. Mới đi hồi được non tháng, tôi cho cưới quách, (thoảng một chút Soạn nghĩ về cái đám cưới bất thành hồi ấy, nhưng chàng vội xua đuổi ngay đi) ờ, thì cũng có kẻ sẽ tha hồ mà... Nhưng tôi mắc kẹ. Đợi bây giờ...»

Ông Liệu thôi nói, đưa ly nước lên uống. Căn nhà ông Liệu làm bằng những thứ rẻ tiền, có một khoảng sân nhỏ ở đằng trước. Một bên trái nhà có cửa sổ mở ngay ra cây ổi nhỏ. Cây ổi độ ba năm nữa mới ra trái được. Soạn đã một lần thấy ông Liệu xới gốc nó bằng một thanh sắt. Bên cạnh cái cây đó, ông Liệu thực không có nghĩa gì cả — và ông Liệu sẽ không được vun xới nó nữa. Soạn nhớ hôm đó đang xới đất, thấy chàng đến, ông Liệu chào rồi chỉ cái cây, mỉm cười: «Đã gần có trái. Giống tốt lắm, rất đơn». Cây ổi bây giờ đã ra thêm mấy cành, đa bông và có những vẩy khô bong ra. Nó lớn trông thấy. Nó có thể sắp ổi thật tốt, nhưng có lẽ ông không vun gốc cho nó được thường», ông Liệu cười: «Rồi tôi sẽ vun nó. Giao cho thằng Xin mình không an tâm được (Soạn nghĩ thầm: quả tim, quả tim). Nó chỉ làm qua quít. Bất chợt Soạn hỏi: «Thế còn bức tranh? Bức tranh của ông? Nó có làm cho ông phiền không?» Ông Liệu im một chốc, đoạn cười lớn:

«— Tôi đã vẽ xong. Nhưng bởi một lượt sơn nữa lên rồi. Tôi vẽ cái khác». Bức tranh mà Soạn hỏi là một nghi ngờ của chàng về cái chân của ông. Ông vẫn có vẻ không muốn cho chàng biết rõ. Nghĩ thế, Soạn toan nói nhưng ông Liệu đã tiếp: «Tôi để nó trong nhà. Tôi đang định vẽ một cái... ờ, ông tính lắm, thật ra thì nó vẫn chưa thêm được tí gì cả», ông cười: «Ông bán khoản về mấy cái xương của tôi sao? đây này», ông cúi xuống đỡ miếng vải lên: «thấy không? (chả có gì mà. Ông sợ tôi cụt sao? Ờ nhưng sao mình lại cứ luẩn quẩn về nó mãi thế chứ» Soạn cười ngượng ngịu: «Tối... tôi muốn nói là», ông Liệu gạt đi: «Thôi, thôi đừng nói về nó nữa. Ông không định an ủi tôi đó chứ? Tôi sẽ vẽ mà, sẽ vẽ cho xong. Dù sao thì cái việc con con đồ tôi cũng đã nghĩ tới rồi». Ông ngừng lại và uống nước, mắt nhìn Soạn đăm đăm. Ông Liệu là một người thích hội họa. Cái khung vải mà ông nói đến là một câu chuyện đáng nhớ về ông. Lần ấy trên tàu suốt, qua Đại Lãnh Soạn đang lui cui xếp lại mấy cái giỏ thì ông ở đầu đi đến. Ông làm quen với Soạn trước. Soạn chỉ cái giá vẽ, ông bảo: «Tôi muốn vẽ, nhưng kỳ quá». Hai người ngồi nói chuyện ông Liệu trả lời Soạn: «Hồi

sáng đến giờ tôi ngồi trước một cây thông định vẽ nhưng óc cứ nghĩ về một điều khác. Việc đó thường xảy ra chứ». Hai người cùng cười vui vẻ. Soạn cất tiếng hỏi ông Liệu : « Hôm đó không vẽ được cây thông thế ông nghĩ về cái gì? Ông Liệu : « Cái bằm. Và một con chim. Nó bay luẩn quẩn mãi. Tôi phát cáu nhưng thấy thích thú lạ thường ». Soạn cười : « Tôi cứ bần khoăn mãi về điều ấy như đã nghĩ về cái chân của ông. Lạ quá tôi đang náo nức muốn biết vì sao ông nghĩ về cái bằm và một con chim. Tôi đang bị ông lời cuốn đây » (Soạn nghĩ thầm bao giờ chàng chẳng bị lời cuốn bởi những vật xung quanh. Minh như một thứ trục xoay, phía nào cũng muốn hướng đến cả, vậy mà rút cuộc mình không thấy hoặc tìm ra cái gì hết. Thật đáng giận). Ông Liệu nói với Soạn : « Ông có vẽ bổi rồi. Việc gì đó? » Soạn chợt tỉnh trong chút lửng quền vâng về vừa đi qua, cất tiếng : « Ông bảo gì? » Ông Liệu thông thả nhắc lại, giọng bình thường nhưng Soạn thấy thân mật gần như âu yếm, chàng trả lời : « Có, có một vài việc, nhưng chính tôi cũng không hiểu được nó ». Soạn uống hết ly nước, nghiêng nó cho giọt mấy giọt cuối xuống chân, nói thêm : « Tỷ như khi tôi vừa đứng cổng lại, tôi muốn trở vào không đi nữa, tôi không hiểu... » Ông Liệu nói : « Không hiểu tại sao ông lại muốn thế? » Soạn : « Không phải, không phải tôi nghĩ vậy. Tôi muốn bảo tôi không hiểu tại sao tôi tưởng là đã biết chắc tôi sẽ đi... Ờ, tôi vẫn lù mù. Thật khó chịu ». Ông Liệu : « Ông tính cứ sống như thế độ bao lâu nữa? » Soạn cúi thấp xuống đặt cái ly vào khay : « Có lẽ ông nghĩ phải. Tôi phải chấm dứt cái trò hề đó ». Ông Liệu không nói gì. Soạn vẫn cúi xuống mặt hè. Một chập chàng nghe ông Liệu đặt tay lên vai chàng. Tiếng ông Liệu bình thản : « Ông phải đổi chỗ ở (Soạn ngẩng lên) phải đổi chỗ ở, điều đó có ích lắm (mắt ông Liệu như nhìn suốt gáy Soạn) ông vẫn ở chỗ cũ đó chứ? (Soạn đáp : phải vẫn chỗ cũ). Thế à? Vậy tôi không hiểu tại sao nữa. Tôi nhớ ông đã tả chỗ ông ở cho tôi nghe rồi mà. Tôi đang tính hôm nào sẽ lại xem bức tượng khỏa thân trong vườn ông ». Soạn không nói gì. Chàng vừa chợt nhớ đến một đêm đến thăm người bạn và ngủ lại. Anh ta ở trên cao, trong một cái phòng vừa phải của building cho thuê. Thoạt đầu Soạn tưởng chàng nên đến ở một chỗ như thế. Nhưng một lúc Soạn biết chàng nghĩ lầm. Ban đêm ở trên cao, người bạn đã ngủ, mặt úp một cuốn sách mỏng, hấp thở nhẹ nhẹ. Soạn đứng trong cửa sổ. Trước mặt là mái nhà của những căn lầu đối diện. Soạn đếm được năm cánh cửa sổ mở nhưng không có ánh đèn. Lờ mờ trên bầu trời thăm, có những cột giây ăng-ten và những ống khói nhà bếp có chớp nhợp. Hôm đó trời nhiều sao nhưng vì trước mặt Soạn là ngọn đèn nên chàng chỉ thấy chúng nhấp nháy lờ mờ. Đột nhiên trong sự im lặng đó, Soạn nghe được một thứ giọng chập chững không đều của tiếng hắc tiêu. Một người ở gần đâu đó đang tập dùng nhạc khí này. Kể cũng hiếm người chơi thứ đó ở đây. Mà nhất là Soạn lại đang nghe tiếng hắc tiêu của một kẻ hình như mới tập. Hẳn thời những khúc ngắn trong các bản ngoại quốc. Phần nhiều là những bản

VÙNG YÊN TĨNH

Soạn đã nghe ở các tiệm nước, trong không khí ồn ào và những vết nắng lớn trên vỉa hè. Nhưng lần đó Soạn đã nghe với một cảm giác khác hẳn. Chẳng thấy rõ ràng chân tay chàng run bắn bật như những khúc đuôi gậy của giống thần lùn. Chàng cố kềm chùng lại nhưng vô hiệu. Soạn hoảng kinh một lúc lâu trong những cảm tưởng loảng quảng lộn bầy không biết là những gì trong khi tiếng hắc tiêu non nói thỉnh thoảng như được ai điều đi, nhẹ và thoát. Lần đầu Soạn thấy chàng bị run rẩy chính vì những hơi uồn xuống đó. Những căn lầu đối diện hình như người ta đã ngủ say Soạn cho là không ai nghe tiếng hắc tiêu đang dần dần trở thành một thứ trống trải đứt đoạn một cách một n'ọc kia. Trong một giây rất ngắn Soạn hình dung rất nhiều người ngủ lịm đi trên những tấm vải xốp, kẻ thì cánh tay thông xuống, kẻ thì nghẹo đầu kẻ thì co một chân. Chàng không hiểu chàng hình dung như thế để làm gì. Soạn gượng nhẹ đến bên giường người bạn, ngã lưng xuống. Hẳn vẫn ngủ say sưa không hay biết. Sáng hôm sau, khi dậy rửa mặt, Soạn choáng váng tưởng chừng thiếu máu. Chàng kể cho bạn nghe chuyện đêm qua. Hồn nói: «Tôi biết. Hồn là một người cảm ở số 47 Đêm qua hẳn có thối một khúc nào nghe rất chướng không?». Soạn ngo ngoác, hẳn vỗ vai chàng, tiếp: «Chắc hẳn không có thối. Nếu anh nghe được khúc đó chắc phải run bắn lên». Soạn cho là đã nghe được, nhưng không biết khúc đó tên gì. Chàng phân vân tự hỏi những cảm giác run rẩy hoảng sợ đêm qua của chàng có phải là một thứ đáng sợ sùng không, nhưng chàng nhất định sẽ không nghe lại một lần nào nữa. Từ đó chàng không đến nhà anh bạn về ban đêm và cũng rất ghét những đêm yên tĩnh quá. (Chắc mình đến phải đổi chỗ ở, Soạn nghĩ vậy. Ông Liệu nói đúng. May ra tìm được một chút gì có lợi hơn. Còn cái con đường trước căn nhà hiện nay nữa. Soạn nghĩ (con đường đó thẳng lên một khu bệnh viện rất lớn, lẽ trông nhiều cây có bóng rợp và cảm một tấm bảng: «vùng yên tĩnh») con đường đó đối với Soạn như một thứ trêu chọc nghịch ngợm và quỷ quyết. Lúc nào nhìn ra Soạn cũng thấy những cỗ xe đậu lý lợm một bên lề, hoặc một vài chiếc xe xích lô không người, yên nệm trắng toát. Ngồi ở hàng hiên, cũng vắng vẻ, nhưng Soạn không thấy — ít ra thì cũng ít hơn — nó trêu chọc chàng. Có lẽ vì thế mỗi lần định đi đâu, chàng thường có những ý nghĩ lộn xộn trong khi tay vẫn ngoài lại gãi cổng và chân vẫn bước. Soạn cất tiếng: «Ông Liệu, tôi có vẽ. Nhưng để sẽ lại xem. Đợi nó lành». Ông xấn tay áo lên. Soạn nhìn những đường gân xanh và nhớ tới một khuôn mặt của người đàn bà chàng đã gặp hình như quen quen, khuôn mặt xinh đẹp, bên má nổi một một đường xanh trông thêm vẻ buồn rầu quyến rũ. Ông Liệu nói tiếp: «Còn nếu ông đã đổi chỗ ở, nhớ cho tôi địa chỉ căn nhà đó. Ít ra thì tôi cũng sẽ xin phép người chủ mới vào xem». Soạn nói: «Vâng vâng, nhưng trông ông có vẻ yếu lắm đấy. Nom tay ông». «Không sao đâu. Tại tôi ít ra nắng. Tôi cũng biết thế nên dạo này mỗi sáng tôi bắc ghế ngồi đây cho khỏe» Soạn đứng lên. Ông Liệu biết chàng

dịnh về, không giữ, nhưng nói một câu : « Rồi tôi sẽ cho ông xem một thứ. Bây giờ chưa tiện ». Soạn chào ông. Ông bắt tay chàng : « Ông ở có xa đây không ? Phải, hãy giờ về cho đỡ nắng ». Soạn gật đầu rồi ra cổng. Chàng quay lại nhìn ông trong một phút bàng hoàng gần như kinh ngạc. Soạn cho là sẽ thấy nơi ông Liêu một bộ điệu khác thường nào đó, nhưng không, ông đưa tay lên và nói to : « Đi xe đạp hả ? Tốt lắm. Tốt lắm ». Soạn mỉm cười chào ông hấp tấp đẩy xe nhảy lên. Chàng đi nhanh khỏi quảng đường đó, không muốn nhìn hai bên. Được một lúc, Soạn ngừng lên, đi chậm lại. Bấy, bấy, mình vẫn không có đầu đuôi gì cả. Tại sao lại tưởng đến những chuyện đó chứ. Nếu cứ theo cái đà quái gở này mình sẽ điên lên lúc nào không chừng. Soạn lúc đầu Chàng vẫn luôn luôn bị chinh chàng dồn vào cái thế cùng mà không giải quyết được gì cả. Soạn biết có một người bạn đầu cũng tinh táo, nhưng vì hay vơ vẩn nên cứ tưởng mình điên. Sau hẳn điên thật. Người ta phải trối hẳn lại nơi cột nhà rồi đóng cũi chõ vào nhà thương. Mình cũng muốn thế sao ? Soạn tự hỏi, chàng nghe chàng mỉm cười.

Soạn đến đầu đường lúc nào không hay. Khi chàng nhận ra thì chàng đã đi gần một quãng dài, gần đến khu bệnh viện. Buổi sáng vẫn yên tĩnh tuy có rất nhiều người đến thăm người ốm, xe đậu gần hết chỗ. Soạn lảng lảng đáp không muốn nhìn vào cánh cổng lớn của nhà thương mà chàng biết theo đó có một con đường dốc thật vắng và thật đẹp đổ xuống. Mình vẫn không sao hiểu được cái sức thu hút của khu nhà thương đối với mình, Soạn nghĩ. Nó như một cái gì dẻo dai, bám riết lấy con đường này và tuy đã bảo tránh nó nhưng mình vẫn đi qua bao nhiêu bận như thường. Soạn dẫn chân mấy cái cửa, rẽ vào cổng. Khi ngoài lại cái cái vòng sắt, Soạn thoáng thấy người thợ sửa xe máy đang cầm cùi đọc tờ báo. Hẳn vẫn chưa có khách hàng nào. Tiếng bánh xe lăn trong khoảng sân sỏi lạo sạo nhắc Soạn một điều chàng quên lửng : Chàng đến thăm ông Liêu với bộ quần áo không chỉnh chút nào cả. Soạn chặc lưỡi hai ba cái, cười một mình dắt cái xe lên nhà. Chàng không trông thấy Thuận đâu. Có lẽ nàng bận việc gì đó, Soạn nghĩ. Chàng đến giường nằm xuống. Một vài tia nắng nhỏ đã xuyên qua cửa sổ dọi xiên vào. Soạn đưa mắt nhìn mọi vật bày biện trong cái khoảng mát mẻ của căn nhà. Chàng nhận ra có đôi lúc mọi vật ấy hình như đều to hơn lên ngày thường và cái nào chàng cũng thấy nó to hơn cái kia cả. Chàng nhìn sang giường Thuận, phẳng phiu và sạch sẽ. Soạn hơi ngạc nhiên chỉ thấy một cái gối. Chàng cho là Thuận đã cất bớt đi. Cái giường không sang trọng, nhưng đủ để Soạn thấy nó bóng bẩy và thanh thoát. Một bên là chiếc tủ nhỏ, trên đó mấy tờ báo Soạn không bao giờ xem. Đầu giường treo một bức tranh mẫu (vật này là của Dung xin được đầu đó, trong vẽ một cái cây có ba mẫu và hai con mèo tam thể cùng một người đàn bà mặc áo gấm). Lẽ thì Soạn không biết căn kê vậy, nhưng vì một lần chàng buột miệng hỏi Thuận, nàng ngạc nhiên hỏi lại : « Chú không biết sao ? Treo cả tháng nay rồi mà », Soạn đáp : « Không, tôi không biết, tôi chưa xem » rồi có lẽ Soạn cho là chưa đủ,

VÙNG YÊN TĨNH

chàng nói thêm — một câu nói ngay sau đó chàng cho là vô ích làm chàng hối hận mãi — « Tôi không thích những cái sắc sỡ của anh Dũng, tôi không bao giờ lập tâm nhìn những thứ đó cả ». Nói xong Soạn bỏ đi ngay, không nhìn — đúng là không dám nhìn — vẻ mặt của Thuận. Soạn đoán nàng giận. Bữa cơm trưa Soạn tránh nhìn Thuận. Sau đó chàng lại hối đã không nhìn nàng để xem nàng có giận không. Cuối cùng Soạn quên đi. Câu nói đó Soạn biết chàng không chủ tâm tỏ cho Thuận biết chàng đối với Dũng thế nào, nhưng là để cho dấu một điều khác. Chính điều đó mới là nguyên nhân tại sao chàng không biết đến bức tranh. Một lần, cũng vào buổi trưa, sau bữa cơm, Dũng đi xa chưa về, Soạn lang thang một hồi ở ngoài vườn rồi vào ngủ. Vừa khi chàng đặt lưng xuống, chàng bỗng cảm thấy một cái gì khang khác trong gian nhà. Đồi trưa thật yên lặng. Ở ngoài không một liếng xe cộ nào. Thuận cũng đang nằm chờ giấc với một tờ báo khò lớn. Và nếu không có tờ báo đó có lẽ Soạn đã không thấy được một điều: cái ngón tay của Thuận. Lúc đầu Soạn không chú ý, nhưng sau chàng ngạc nhiên vì thấy nó cử động dầy mãi. Nó đập đập vào mép tờ báo, trắng muốt, thon và đẹp như một cái ngói viết mới. Ngón tay đó đeo một chiếc nhẫn vàng, óng ánh. Soạn nhìn Thuận: nàng mãi miê xem báo đang nằm ngay ngắn và thứ tự, dưới chân là một chiếc gối dài, Thuận gác lên đấy, hai bàn chân bắt vào nhau. Cái ngón tay cứ cử động nhịp nhàng, lặng lẽ, thản nhiên. Và Soạn đột nhiên thấy nó không lặng lẽ lý nào. Ý nghĩ ấy đến nhanh quá làm Soạn sững sốt. Chàng cố gắng quay đi nhưng một chớp tại nhìn nó. Tất cả chỉ có thế. Trong hai mươi phút hay hơn thế nữa, Soạn vẽ lên giữa cái khoảng nắng đều đặn rây nhỏ trong gian phòng những hình ảnh kỳ quái. Càng nhìn những hình ảnh đó Soạn càng hoảng kinh nhưng đồng thời chàng cũng nhận ra một điều: cái ngón tay nhỏ kia không phải chỉ lặng lẽ như nó. Suốt buổi trưa Soạn dính chặt vào chiếc giường, không thể ngồi, dậy tuy chàng đã tự bảo sẽ đứng lên. Cuối cùng Thuận xếp tờ báo lại, úp lên mặt và ngủ. Nàng thở đều đặn bình yên. Buổi tối, Soạn đem câu chuyện đôi tên đi và kể cho một người bạn. Hắn viết văn nhưng có tài lấy tiền trong túi của những góa phụ. Hắn nói: « Vậy sao không thử? chỉ có cách ấy giải nghĩa được. Nhưng anh khó nghĩ vì sao? » Soạn đáp: « Không phải chuyện đó. Tôi muốn nói tôi vừa biết chắc được nó cử động vừa tưởng tôi biết chắc nó cử động. Nhưng bây giờ thì mọi việc đều khác cả vì anh nói « sao không thử », tôi liêu mất những điều biết chắc lúc ấy » Hắn cười lớn: « Đồ lẳng mạn, anh đã không có thử thì thôi chờ dịp khác đi. Tôi chỉ có một điều nói cho anh: tôi không tìm những cái tôi tưởng hay tưởng biết chắc gì cả ». Soạn nói: « Tất nhiên, vì mục đích khác nhau. Và vì người đó là chị dâu tôi » Hắn càng cười to, điệu Soạn: « Thì cứ biết chắc rằng anh tưởng đó là chị dâu tôi » Hắn nói: « Soạn muốn đảm cho hắn một cái, nhưng cười bỏ về. Tại sao mình muốn đảm hắn? Soạn nhìn khoảng trắng trống trải của cái giường tự hỏi. Nó đến sau hay đến

NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG

[illegible]

VÙNG YÊN BÌNH

rồi sao? Thuận đến bên hồ múc nước rửa chân, ống quần vén cao lộ hai khoảng trắng làm Soạn khó chịu, đáp: « Anh ấy không kịp ăn trứng. Tưởng anh ấy về nghỉ vài hôm, ai ngờ lại đi ngay ». Soạn gật gù để nhìn lại chân Thuận, nói: « Thật lạ lùng, thật lạ lùng », thấy nàng ngừng lên, Soạn tiếp: « Bạn bè làm ăn như vậy cũng lạ lùng thật. Hối sáu tuần vừa mới đi đã... » Thuận nói: « Chuyện buôn bán của các ông, ai mà biết được ». Tự dưng Soạn vừa cười vừa hỏi: « Thật không? Thật không? (chàng cau mày lăm lăm tự chửi mình) Thuận đỏ mặt, tưởng Soạn đùa mình và anh, nói: « Để chú tưởng tôi cũng được anh ấy rủ rì bán chuyện buôn bán sao? Còn lâu ». Nói xong, nàng cười nheo nhỏ. Soạn cau mày đưa tay lên trời: Minh văn có đôi lúc thật đều giả khó lường được. Ra mình vẫn bị ám ảnh bởi những điều ấy sao? Thuận không nói gì nữa. Nàng chăm chú kỳ cọ bàn chân. Thật ra Dung cũng đã làm nàng bực mình, nhưng nàng không muốn lộ cho Soạn biết. Thuận hiểu Soạn không mấy ưa Dung. Soạn vừa đi được một lúc thì Dung về. Thuận ngạc nhiên lắm. Dung không có hành lý như mọi ngày. Hai người đứng nhìn nhau một lát và Thuận cất tiếng trước: « Sao anh về trước chuyển này thế? Có ông khách anh dẫn đến đợi vừa đi xong ». Dung hỏi: « Đợi có lâu không? ». « 6 tuần ». Dung đi lên nhà. Thuận theo sau. Nàng nói với chồng: « Chắc anh chưa ăn gì. Anh ngồi đợi em làm chả trứng nhé? ». Dung cất mồi hỏi: « Soạn đâu? Nó đi đã lâu chưa? ». Rồi không đợi trả lời, Dung tiếp: « Nó có ở nhà lúc bạn anh đi chứ? ». Thuận gật với chồng, đi xuống bếp làm trứng. Khi nàng vừa mang lên thì Dung đã đợi nón và đang uống nước. Dung nói: « Thôi để đấy. Anh lại phải đi đây ». Hắn từ biệt Thuận, im lặng ra cổng sau khi đã đưa cho nàng một gói liên nhỏ. Thuận không kịp nói gì nữa cả. Cho đến bây giờ nàng vẫn nghĩ ngợi về câu hỏi của Dung. Soạn đứng ngắm Thuận, những ý nghĩ lộn bầy lại kéo đến. Nàng đang nhớ đến ai? Có thể lắm chứ. Hình dáng người khách chợt hiện ra trong trí óc Soạn làm chàng cau tiết. Soạn cất tiếng: « Sao chị rửa chân kỹ đến vậy? ». Thuận nghe nói, bàng hoàng giật mình. Nàng không nói gì chỉ dội thêm gạo nước rồi đi vào bếp. Dáng Thuận đi thật mềm mại và quyến rũ. Thoảng Soạn nhớ đến cái dáng nằm và ngón tay của nàng hôm ấy và những lời của người bạn. Sao nàng lại có vẻ thẳng thốt như thế? Soạn cười gằn bước vào nhà tắm. Chàng dội nước vò vạt. Nước mát lạnh làm Soạn tỉnh táo. Lúc trông cái áo thun vào đầu ngừng lên Soạn trông thấy mấy thứ đồ mặc của Thuận vắt trên giây thép căng ở một góc. Soạn đứng ngẩn ngơ một lát rồi chép miệng đi ra. Cảm giác bực bội lại đến với Soạn làm chàng khổ sở. Chàng lên nhà vào giường nằm. Gian nhà vẫn trống trơn. Trí óc Soạn bắt đầu chấp choạng bước đến những cảm giác rười rượi trong phòng tắm. Có một lúc Soạn toan vùng dậy đi xuống đó nhưng cuối cùng Soạn vẫn nằm yên. Nhắc nhởm rồi nhắc nhởm rồi. Cái gì vậy chứ? Một thứ lúc lắc kỳ cục. Tôi làm gì đây? không có gì hết. Thật ra Soạn không thấy một chút gì cả. Vậy mình nghĩ đến làm gì? (một hình ảnh: cái thác nước trên đầu một

NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG

vung nằng loang loang). Soạn đưa mắt nhìn chung quanh, thấy buồn ngủ lạ lùng. Chiếc giường rộng của Thuận vẫn phẳng phiu mềm mại, Soạn tưởng thế, trông giống như một vụng biển trắng, những gợn sóng lưỡng lự. Soạn ngủ bình đi được một chốc. Lúc ebàng chợt tỉnh dậy, những cảm giác chập chùng đã biến mất. Soạn trỗi ra khoảng tỉnh táo của chút sức khoẻ buồn nản vừa kiếm được. Chàng nhẹ nhàng đi xuống sân. Nắng đã cao lắm nhưng vẫn còn là buổi sáng. Soạn ngáp lớn ra hồ rửa mặt. Thuận đang ngồi giặt cạnh đó, cái thau óng những bọt xà phòng và những đờ vải đen ở trong. Giấc ngủ ngắn ngủi làm Soạn thấy dễ chịu tuy vẫn cay ở mắt. Thuận thấy Soạn đi xuống, nàng vừa giặt vừa ngừng lên cười trong ánh nắng : « Đã thế mà cũng còn quên mấy cái trong nhà tắm phải lấy vỏ nốt ». Soạn cười không nói gì. Chàng ngó xuống cái thau và hai bàn tay của Thuận vỏ vải đều đặn nhịp nhàng. « Thật vô ích ! Mình nghĩ đến cái gì đây ? » Soạn thốt lên. « Chủ nói gì ? » Soạn không đáp. « Chủ ngủ có một tý mà mắt đỏ ngầu cả lên trông thật dễ sợ ». Dễ sợ ? Soạn nổi giận nhìn khoảng cổ trắng của Thuận và cái cằm nàng bắt lên. Rồi Soạn lặng lẽ ụp cái lon vào hồ nước. Tiếng Thuận : « Nắng buổi sáng hay nhỉ ? ». Soạn vỗ nước lên mặt thở phì phì. Lúc Soạn quay lại, Thuận vẫn đang xát xà phòng, bàn tay trắng của nàng đều đặn nhịp nhàng trên vải đen đầy bọt. Soạn lại đứng sững nhìn cái thau đó. Tiếng Thuận : « Chủ nhìn gì thế ? », và nàng cười yên lặng như pho tượng.

NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG

truyện cuba

CARLOS MONTENEGRO

Carlos Montenegro sinh năm 1900 tại Galicia thuộc quần đảo Antilles, cha mẹ người Cuba, nên ông cũng về làm dân xứ này. Thủa còn trẻ ông làm thủy thủ sông lang thang khắp Mỹ châu từ Địa Nã Đại, Nam Ước, quần đảo Antilles cho đến Nam Mỹ. Năm 19 tuổi, trong một cuộc ăn đá trên hớt tàu, ông dùng dao giết chết địch thủ, bị kết án tù năm 8 tháng tù. Chính ngồi trong tù mà ông đã trở nên văn sĩ. Năm 1920, sau 11 năm trong ngục, một quyển truyện của ông ra đời làm chấn động giới trí thức Mỹ châu nhan đề là "Nhà Tù". Mọi người kêu gọi trả tự do cho ông. Ông đã mở là một thế giới nhà tù với những nhân vật vừa cực cần vừa địa ngục, tuy thô lỗ tàn ác nhưng trong đáy lòng vẫn chứa mầm nhân ái êm đềm. Truyện của ông có giá trị như một tài liệu tâm lý và trí thức, một bằng chứng về nhà tù, đủ khiến ông được khám phục khắp thế giới.

chiếc hôn

Cứ nửa tháng, hai người đàn bà lại đến thăm anh chàng tù nhân: một bà cụ già, bà nội của hắn ta, và một cô gái nhỏ chắc là em gái hắn vì trông giống lắm.

Hắn, người tài nhớt, bệnh tật, nhiều lắm là được mười lăm tuổi. Da trắng bệch, có vẻ lại đẹp, hắn trông còn trắng hơn cái bộ áo chật bó mà người ta bắt hắn mặc để phân biệt với các tù nhân khác trong lao xá: hắn bị lao. Đôi mắt đen lúc nào cũng buồn bã, hai bàn tay ngoằn ngoèo những mạch gân xanh đậm, y như đã chết ngay từ khi chúng bắt đầu phải cử động.

Khi họ đến thăm tù, bà cụ già ngồi dựa vào hắn ta, còn cô gái nhỏ ngồi vào khoảng giữa hai đùi anh, vòng tay qua cổ, hà tiện từng phút một, những phút mà số phận cho phép cô bé được ngồi vuốt ve hắn. Cô bé vuốt ve hắn ta với một vẻ mãn nguyện quá độ. Cầm chiếc lược

của bà nội, cô bé cố gắng chải chuốt những sợi tóc lưa thưa và bất tri của ông anh.

Chao ơi, những sợi tóc của hân! Thật là cả một bài thơ.

Khi vùn bị tống lao, hân phải gội đầu như tất cả mọi người. Về sau, vì lý do hân bị bệnh, hoặc cũng vì một sự cầu cạnh bên ngoài nào đó, hân được phép để tóc dài. Tôi đề ý, vì tò mò—cũng có thể vì cảm tình—ngắm nghía cái cảnh hân yếm diện ra chừng nửa tháng một lần. Tôi biết sự đau đớn của cô bé con khi lần đầu trông thấy cái đầu trọc tếu của ông anh; tôi đề ý thấy, giữa những hạt nước mắt nhỏ ra, nụ cười của cô bé khi xoa tay trên những chân tóc cứng thấy buồn buồn. Rồi sau đó, cô bé lại vui vẻ âm ỉ.

Lần vào thăm sau, cô bé đã có thể chải đầu cho anh. Hãy xem cái lối chải đầu của cô ta! Mỗi lần chải xong, cô ta lại đem xoa rối lên đầu bắt đầu chải lại!

Họ nói chuyện rất ít, nói chuyện rất ít bởi vì giờ phút trôi qua trong những cái ve vuốt. Bỗng tự nhiên cô bé quì gối xuống và muốn hôn lên môi anh; nhưng hân ta cố ngoảnh mặt đi một cách đau đớn. Bà cụ khóc nức, cả hân ta cũng khóc. Cô gái hỏi:

— Tại sao anh không hôn em, anh yêu, hôn em như trước khi anh phải vô trong này?

Hân cầm mũi xoa đỡ miệng ho rũ rượi, cố nén tiếng khóc nức. Bà cụ nói một vài câu gì tôi không nghe rõ, cô gái chịu nhượng một cách buồn rầu, cầm lấy lược, xoa rối tóc anh bằng bàn tay trái, rồi lại cố rẽ cho thẳng đường ngôi và làm ông anh phát đau.

Bữa nọ, khi tôi trông thấy bọn họ quây quần, họ mãi mớ không ngờ đến lúc hết giờ, đến nỗi khi họ phải đứng lên thì đầu tóc của anh chàng còn đang rối bời. Cô bé gái nhìn người gác tù lo lắng nhưng biết là không thể ở đến thêm được, cô ta chịu đựng quay lại nói với anh:

— Anh đừng lo, chủ nhật em còn đến chải lại đầu cho anh.

Tôi không muốn trông thấy họ từ biệt nhau. Có những điều miên không dám chịu đựng, cho dầu mình là tù nhân chăng nữa. Bữa đó, khi tôi quay lại, bà cụ già và cô bé đã đi khỏi; còn hân, hân thở hắt hắt vì xúc động và đau khổ đi về phía phòng thuốc. Qua hai dãy hành lang, hân gặp lão quản, nhìn nhau, rồi hân mỉm cười, cái mỉm cười buồn bã và yếu ớt của một kẻ tưởng mọi người đều muốn thương hại mình. Lão quản hỏi:

— Anh không biết là không được phép đi dạo nếu đầu bù tóc rối như thế kia à?

Và trong khi hân cố gắng xin lỗi, lão quản gọi một người gác:

— Dẫn thằng này đến cho thằng cha lột tóc, bắt cạo trọc nhẵn đi.

Trong khi người ta cắt từng lọn tóc của hân, chắc hẳn hân đang nghĩ đến cô em gái, đến lời hứa của cô bé tuần sau đến thăm sẽ chải lại tóc cho anh. Ngày chủ nhật sau, cô bé lại đến, cầm chiếc lược ở tay đứng xúng lại đau đớn và kinh ngạc cố chạy về phía anh, và kêu lên:

— Louis !... Louis !

Và trong khi bà cụ già xám cả mặt lại, cô bé cầm lấy hai vai anh và hôn vội lên môi.

tròn tù

Nó thật ra, hồi đó tôi rất hay trộm cắp. (Cái gì tôi cũng muốn chiếm cả cho riêng mình) và tôi lấy làm chán nản bởi vì ở dưới đây, mọi người đều như thế cả. Trong nhà tù chúng tôi, mỗi khi có kẻ nào mới đến, có vẻ khá giả một chút, hẳn liền bị chúng tôi bao vây chẳng khác nào một du khách bị các bồi phòng săn đón khi bước tới khách sạn. Với cùng mục đích trục lợi và cũng một vẻ háo hức, mỗi chúng tôi đều cố gắng để cho nạn nhân chỉ biết đến riêng mình. Lòng nham hiểm, giữ được nó rất là nặng nề và lớn lao, cần phải giả vờ thực là đạo đức, thật là dịu dàng hơn cả làm bộ thực thà trước mặt ông chủ. Nhưng khi đã đi khuất vào một góc kín, lòng thêm muốn bóc lột lộ hẳn ra trên những cặp mắt, những cái miệng, những bàn tay nắm chặt một cách thận trọng của chúng tôi. Nét hung tợn của gương mặt càng tăng thêm, vì cái mặt nạ mà chúng tôi bắt buộc phải đeo trong chốc lát ở lúc trước, làm cho nạn nhân run sợ, rồi chúng tôi lột hết quần áo của hắn.

Một buổi trưa kia, chợt nghe tiếng kêu cầu cứu, tôi chạy vội đến nơi họ mới bắt đầu, tôi cố tới gấp để can thiệp, nhưng không phải là để giúp đỡ mà là để cùng bóc lột người bị chặn bắt. Bằng con mắt nhà nghề nhanh nhẹn, tôi nhận thấy bọn đột kích kinh nghiệm của chúng ta, Đôi khi, định mệnh chơi trò đánh lừa bộ mặt của số phận chúng ta. Đó và những vẻ bề ngoài làm thay đổi bộ mặt của số phận chúng ta. Đó chính là trường hợp này đây. Rồi thiên hạ sẽ tin và tôi xin thề bằng danh dự, với tất cả sự lạc quan của nhân loại.

Những kẻ tấn công và người bị nạn đều hiểu nhầm ý định của tôi nên một đảng ủng hộ cho tôi một nhát dao và một đảng là những giọng nước mắt khâm phục cũng biết ơn, những giọt nước mắt thay vì rơi từ má xuống đất lại rớt lên trên vệt thương của tôi, là một thứ thuốc đủ để làm cho vết thương lành lại ngay lúc khác.

Tuy nhiên giọt nước mắt ấy không bị mất uổng, vì xưa nay chẳng ai lại có thể nhanh nhẹn bằng chúng ta trong công việc tự biến đổi vai trò mình thành nạn nhân hay thành anh hùng. Sự giả dối chấp chôn trong con người chúng ta cũng như dầu trên mặt nước, theo nhịp dấy đưa của tình cảm. Chính điều ấy đã xảy ra: đúng khi đã làm chủ tình hình trận đánh, tôi không còn đủ lòng chính trực để cứ việc bóc lột ngay

nạn nhân, một người đàn bà yếu đuối đang ngồi nhìn tôi với đôi mắt khâm phục rồi một lát sau, với lòng khâm phục đó và bộ quần áo vẫn nguyên, bà ta bình an bước đi.

Sau khi tôi nằm dính chặt trên chiếc băng-ca, máu đã chảy mất nhiều, người ta khiêng tôi tới nhà thương, với cơn sốt kinh khủng bốc trong đầu, tôi lần lượt đi qua công trường, nhà thờ, xưởng đúc khí giới, và chiếc cổng có người đàn bà đứng tựa vai, cái nguyên cớ ngày thơ của vụ án cấp, tất cả tạo một sự hỗn loạn trong trí óc tôi đến nỗi tôi không còn phân biệt được đó là một cơn mê sảng hay là sự thật.

Khi tới nhà thương, đằng sau hàng lưới kẽm, cái lý tưởng của tôi biến thành cơn giận-dữ, có tiếng là lỗi khi tôi đi ngang:

— Chao ôi, tình yêu, ranh con tình yêu, mày đã làm tao như thế này nè!

Sự việc xảy ra thật lạ lùng. Nhưng mà kẻ nào có thể phủ nhận tính cách xác thực của những chuyện ngẫu-nhiên kỳ dị nhất ở một nơi mà chính lòng sợ hãi là trạng thái bình thường, cũng như cái nóng hay cái lạnh ở những nơi khác. Cuộc ăn cướp sáng nay mà tôi là một diễn viên, còn là cái gì khác nếu không phải là một cơn mê sảng!

Trong lúc nằm dài trên cáng, miệng há hốc, mắt nhìn dân vào vòm cửa thấp như bàn của nhà thương, tôi lại suy nghĩ tới cái cảnh đó.

Trong một góc sân tôi tâm như phủ đám bụi mịt mù, một toán người đang bàn cãi dữ dội. Sau một chớp yên lặng tôi trông thấy một anh chàng hình dáng kỳ dị, trần trụi và đen thui mà người ta không thể biết chắc hai chân hai tay đã mọc ra từ chỗ nào trên thân thể, đang ôm ngang một người khác; rồi lại một đám bụi mù lên, lần trong đám bụi là một bộ mặt ghê tởm đầy lông lá, đang nhoẻn cười, với một bên vai đen thui và bộ ngực cũng phủ đầy lông, từ nơi đó mọc ra những cái vòi, tay và chân đang ôm riết một thân thể khác. Sau đó lại một anh chàng nữa, rồi tiếp sau đó là một bộ mặt tím nhợt đảo ngược một cách dữ dội, và một cái cổ họng như của quái vật từ đó tiếng kèn thất thanh bị bóp nghẹt lại.

Cơn sốt cho tôi nhìn rõ tất cả khung cảnh đó.

Sau nhất đâm của chiếc « poignard » mà người ta không trông rõ cũng cảm thấy, dòng máu chảy theo, đỏ tươi, tuôn ra không ngừng như dòng sữa đặc chảy từ lỗ thủng độc nhất của chiếc hộp. Cùng một lúc, vượt lên trên tất cả mọi thứ, lòng đạo đức giả của nhân loại, sự mê hoặc của những giọt nước mắt lăn từ gò má xuống mặt đất, trên đó sự phá hoại trở thành một bồn phẫn, một trạng thái bình thường, y như những lòng bác ái cao thượng nhất, việc từ thiện lớn lao nhất mà chúng tôi nhận được cùng với cái sốt phổ mai mà ty vệ sinh tặng cho chúng tôi, trong đó những cơn sâu lúc nhúc bò dưới nắng trưa gay gắt.

Nằm dài trên giường bệnh, miệng vẫn há hốc, tôi nhìn trần nhà trần truồng, trên cái nền đó, người con gái điên cuồng lại tiếp tục la lối.

— Ôi cha! Ái tình!... ranh con cái ái tình...

TRUYỆN CUBA

Trong đầu tôi lúc đó quay lộn những khẩu súng lục, hiện ra câu nói của con mẹ chủ tiệm lăm mồm, nó bảo :

— Nơi đây ta cũng nhận được lòng thương của Chúa !

Tên mẹ da đỏ nằm dài hình như đã chết từ một buổi sáng trời mưa. Hân gầy guộc đến nỗi nước đọng thành vũng trên thân thể, khiến trông hân như một miếng đất sẵn sàng để gieo hạt cỏ marihuana, một thứ cỏ dại dăng, nguồn gốc sinh ra mơ mộng và quên lãng.

Người ta đặt tôi lên bàn mổ, hai bàn tay cứu độ của anh chàng sinh viên khoa mổ sẽ gây vết như đấm đoi, hân dốc hết nửa lọ thuốc lên vết thương đặc máu rồi bắt đầu khâu lại. Nhưng trông hân thật đặc một lên say rượu, hân không còn đứng vững nữa, rồi bỗng thỉnh lình giật dật đường may.

Quay về phía bà phước đẹp một vẻ thanh thoát đang đứng đứng ngồi đọc tập báo tranh ảnh, hân la lớn :

— Xơ Juana, ngày mai chúng ta sẽ may nốt vết thương này.

Rồi hân tiếp, không đợi trả lời :

— Tôi đã may xong một nửa rồi.

Hân lại thử đưa mũi kim lên, nhưng rồi lại liệng nó vào một góc.

Gương mặt dài và gầy, đầm cả mồ hôi, cầm lơ thơ vài sợi râu, trông hân thật giống những người Do Thái tôi đã gặp ở Nữ Ước : móng tay dài và hân thiếu, mũi quặp như mỏ quạ, mắt đen và êm dịu. Hân lặng im tay chống lên bàn mổ, mắt lơ đãng nhìn về phía bà phước và thỉnh thoảng mới đưa tay đuổi những con ruồi bu lên vết thương của tôi để chúng bay tới đậu lên đôi môi như thặng ho lao của hân.

Chúng tôi im lặng như thế một lúc lâu. Ở phòng bên có tiếng rên siết đều đều như nhịp gõ của một chiếc đồng hồ.

Cậu sinh viên nội trú y khoa lão đạo, quơ quào tìm một chỗ dựa, những ngón tay hân thiếu run run chạm nhằm vết thương còn há miệng của tôi.

Đôi môi của di phước mỉm cười nói một câu gì thấp giọng tôi không nghe rõ, rồi bỗng bà đỏ mặt lên y như vừa đánh mất một chân lý.

Di hỏi :

— Sao, xong rồi à ?

— Ngày mai, tôi chắc phải đến mai.

Bây giờ đến lượt cậu sinh viên mỉm cười một vẻ dằn dợn, và tôi cũng với vết thương, nhìn cái vẻ dằn dợn ấy nghĩ tới ngày mai tôi sẽ được lành lặn.

« Ngày mai ».

Trong cái đầu hỗn dộn của tôi, tôi sắp đặt ngay kế hoạch một cuộc vượt ngục. Tôi còn nhớ lời dặn của mấy thằng bạn :

— Bận cạnh đây cậu tiểu, tường rất thấp, thân chết có thể vượt qua đó được.

— Ngày mai ? — di phước sợ hãi — Hân đâu có ngủ đây được ? Và nhờ hân trốn thì sao ?

Cậu sinh viên nhún vai :

— Ăn thua gì đến tôi ?

— Bả ? Có chứ ?

— Thế bộ không có lính sao ? Nếu hẳn định trốn lính có quyền bắn chứ ?... và lại... bị thương thế kia chạy sao được ?

— Được, tùy ý anh, sau nữa...

Một tên da đỏ già nua bỗng vào cắt ngang câu chuyện.

Cậu sinh viên hỏi :

— Thế nào ?

— Được, một lát nữa.

— Có tới trụ thứ ba nè, di phước nói, tìm một người nào để phụ ông khiêng hẳn tới nhà xác. Không phải chỉ có một mình hẳn ở đấy đâu... À, rồi trở lại ngay để khiêng nốt anh chàng này nữa. Cứ để hẳn vào chính cái giường ban này có lẽ đó là giường số 4 đó...

Thế là một lợi điểm đầu tiên cho tôi, chẳng cần biết đến chuyện vết thương chưa lành hay cái giường số 4 gì đó nữa. Tôi biết chắc chắn rằng nếu có lính thì tại chúng cũng đi đánh bạc và tôi sẽ thoát được.

Sơ Juana ngậm nga mấy vần thơ đọc trong tờ báo rách, tên họ lao ngồi trên ghế đầu lắc lư cái đầu theo nhịp câu thơ :

« Khu vườn sinh nẩy sự vinh quang... »

Nghĩ tới cuộc chạy trốn sắp tới, tôi bắt đầu than khóc, không xao xuyến vì cơn mắt khó chịu của bà ta nhìn thẳng vào tôi :

— Người ta bảo lão Darío là một cha say mèm. Cậu sinh viên tuyên bố như thế.

Đêm xuống hẳn. Qua cửa sổ mở, đằng xa người ta thấy một góc biển — trắng như một miếng kềm — mà ngôi nhà thờ đang cất dờ sợ rằng sau này che khuất hoàn toàn. Tôi mệt nhọc và nghĩ rằng khi ngôi nhà thờ dựng lên che hết rồi, những chàng thủy thủ nằm chết trên chiếc bàn này không còn nhìn thấy một chút biển đó để mà tự an ủi nữa.

« Một trăm tên mọi đứng cạnh cầm trăm chiếc kích », bà phước nhẹ nhàng đọc tiếp.

Còn tôi, tôi đọc.

« Từ Thần... theo vách tường song song với dãy phòng chánh, đi về phía cầu tiêu, vách thật là thấp và nhảy qua được dễ dàng... »

Ông già da đỏ khi nãy lại trở vào, chân bước vòng kiềng, tay lòng thông như tay vượn, nghiêng cái mặt nhẵn nhụi màu hung hung xuống, theo sau là một người đàn bà, người bạn đường xứng đáng của hẳn, mặt cau có như khỉ. Họ vác bỗng tôi lên và bắt đầu đi.

Chúng tôi tới một dãy phòng ngủ, họ bỏ tôi nằm đó sau khi cởi hết quần áo ra. Mọi người quay về phía tôi và người giữ cửa căn dặn :

— Mười giờ các di phước sẽ đi xét, mấy người phải ngủ hết nghe chưa ?

Đó là một ông già ghẻ lở, yếu ớt, giữ công việc săn sóc các tù bị bệnh và bị thương. Cũng như hầu hết các lính già, ông ta rất ghiền marihuana và khi tôi nhét cho ông mấy đồng xu, ông cố nài ép mời tôi hút một điếu.

TRUYỆN CUBA

Lát sau, chúng tôi ngồi hút thuốc. Tôi không biết định mệnh có bắt tôi phải hút thuốc chẳng, nhưng tôi vẫn cứ hút vì không cưỡng lại được lòng ham muốn tự nhiên của mình; ý chỉ tôi bây giờ bất lực vì cái khoảng đời đầy ải gần đây mà tôi phải sống. Đời sống đã thu hút cả con người tôi, tôi không còn nhớ gì về dĩ vãng, trí nhớ tôi không thể nào xóa được cái kỷ niệm về tên bị phạt đánh roi da vào lưng.

Tôi hút thuốc, và khói thuốc gợi trong đầu tôi những ý nghĩ thoải mái, tôi hồi tưởng lại cả đến những ngày còn thơ ấu. Nhưng ý nghĩ vượt ngục vẫn lần quần trong đầu ám ảnh như một câu truyện ma chưa kể hết đoạn cuối.

« Bức tường và ở gần chỗ cầu tiêu có thể nhảy qua dễ dàng ».

— Cầu tiêu ở chỗ nào hả ? Tôi hỏi người gác.

— Sao ? muốn đi à ?

— Phải.

— Làm đại ra đây đi, mày đi làm sao được ?

— Được, được mà, nếu có ai làm ơn đỡ tôi một chút.

Tôi ngồi đây làm bộ như không đau đớn gì trong khi vết thương đang tẩy lên.

Cái tên da đỏ trông như vượn đưa tay cho tôi vịn. Đang đi tôi trông thấy một căn phòng còn thấp đèn sáng, tôi nhắm kỹ vị trí của nó, vì tôi vẫn nhớ là mình đang trần như nhộng và có thể vào đó mà xoay lấy một bộ quần áo. Chắc đó chính là phòng của anh chàng họ lao nội trú.

Chúng tôi liền dẫn tôi bức tường thấp cấm đầy mảnh vụn chai bể lấp lánh phản chiếu lại ánh sáng của ngọn đèn đường bên kia.

Khung cảnh yên lặng bao quanh bằng một hàng cây nở hoa. Mặt trăng lơ lửng trên cao, soi bóng tôi gầy trên mặt đất với tấm khăn rộng phủ trên mình trông như một người đàn bà xứ Maure. Và người gác có vẻ lảng đi vì xúc động trước bức tranh đầy màu sắc quê hương đó.

— Vô đi.

Khi quay về, bước tới cửa phòng rồi, tôi khẽ nói với tên gác :

— Này, cho tôi ngồi đây nhé. Trong đó nóng lắm.

Ở cửa nhìn ra xa là ngôi nhà tu kín, chỗ đi phước Juana đang nói chuyện với cậu sinh viên nội trú. Khi trông thấy tôi ngồi trên bậc cửa, đi phước chạy tới, bước hấp tấp và cảm động.

Khi bà ta đến gần, lúc đó mặt tôi đang nhợt nhạt vì ảnh hưởng của khói thuốc marihuana, tôi có bộ mặt nhăn nhó lắm cho câu mà bà ta đáng lẽ phải hỏi : « Ngồi đây làm gì ? » biến thành câu hỏi :

— Anh làm sao thế ?

— Tôi mệt quá thừa đi, ngồi chỗ này trời mát lắm.

— Được, còn những năm phút nữa mới tới 10 giờ, khi nào nghe rung chuông thì đi ngủ ngay nghe không ?

Đi phước vừa quay lưng thì tôi cũng nhồm dậy, và cả hai cùng bước, nhưng tôi đi chiều khác. Tôi quyết định phải bạo động; đi thẳng đến căn phòng mà tôi đoán là của anh chàng nội trú, tôi không kịp nghĩ lại là cái cửa mở bằng nút phía ngoài, nếu đã vào trong rồi thì không thể

mở ra được nữa, tôi cứ đẩy cửa mà bước vào.

Cửa đóng sập lại, thế là nhốt luôn tôi ở trong.

Nhưng không phải chỉ có mình tôi ở trong này, mà năm thành hàng dài giữa những ngọn nến, còn ba xác chết. Ba thằng chết nằm thẳng cẳng rất dài trên cái bàn đá cẩm thạch, giữa hai ngọn nến bập bùng.

Một thằng bị chặt gáy cổ, ngoẹo đầu cắm vào vai mình; hai thằng kia trông như đang cười, mà đúng là chúng đang cười thật, chúng cười đùa những ngọn nến, hay đùa một cái gì, dẫu một người nào đó; hay chính chúng đang cười đùa tôi đây còn gì?

— A! Cái thứ thuốc marihuana nó gây ra làm cái kỳ nhỉ? Mấy xác chết? Không đâu, thưa ông bạn, họ bắt tôi nằm ngủ trên cái giường này đây, ngoài ra toàn là bịa đặt cả...

— Nhưng mà sao đây? Và tiếng cười này nữa! « Và sắp sửa đánh chuông mười giờ rồi »? Và cái cửa đóng? Và con đường chạy qua? Di Phước Juana thằng người vượn? Và ba cái thằng chết này? Đó, năm sát gần đó?

Quờ quàng hai tay ra sau lưng, không quay người lại, tôi bước lùi qua mấy thằng chết nằm đấy, từ từ lần mò tới cái cửa, đụng nhăm cái ổ khóa, cái ống khóa chợt gọi tôi trở về thực tại.

— Những xác chết? Còn gì nữa, bởi vì tôi đang đứng trong nhà xác. Và ban nãy di Juana chẳng bảo: « Thằng này nữa là ba » là gì?

Chúng nằm đó, dáng điệu có ít nhiều đau đớn, nhưng mà chết, hoàn toàn chết, và vô hại, thật vô hại trừ cái mùi thối đang xông lên.

Nếu tôi có đang sợ hãi thì không phải vì mấy cái xác chết này, mà là vì cái cửa sắt ghép hai lần kia, là vì cái ổ khóa có nút mở từ bên ngoài kia, và lại sắp 10 giờ tới nơi rồi! Chúng nó chắc sắp đi lùng tôi đây!

Tôi nhòm ra ngoài. Qua khe cửa tôi nhìn thấy khu vườn trồng cây trở hoa, dãy cầu tiêu, vách tường gần mảnh ve chai màu xanh và ở gần, thật gần cho đến nỗi muốn nhìn tôi phải thụt lui lại. Là cái ổ khóa, với một cái gì cứng và mỏng mỏng là tôi có thể biết cái ổ khóa, mở cửa ra được.

Tìm đâu ra cái đó? Nhà xác trống trơn. Không một tờ giấy vương dưới đất. Trên chiếc bàn cẩm thạch, ba xác chết trần truồng, bên cạnh là hai cây nến cháy. Không còn gì khác.

Bộ để cho chúng bắt lại trong cái ổ chuột này sao?

Toát mồ hôi vì sợ hãi, tôi tức lấy đến mấy cái xác chết, muốn quăng mẹ chúng xuống đất, giầy xéo lên.

— Cần nghiên nữa đi!

Những cái răng nghiền chặt lấy vai của thằng cha gầy đầu cho tôi ý tưởng! Một sắc chết, chính là một cái hộp dụng cụ. Mà đây những ba thằng. Ba cái hộp. Tôi sẽ tìm trong mỗi thằng cái mà tôi đang cần: một miếng xương mỏng để cạy ổ khóa.

Đầu tiên tôi thò tay vào trong những cái miệng, trong cái đồng nước xanh nhòa, những hàm răng đã rụng hết, còn trơ những lỗ thủng. Thật vô dụng! Bàn tay run rẩy của tôi lần rờ xuống đến tay chân những xác

TRUYỆN CUBA

chết chòn vòn, thử tìm lấy một chỗ nào... Bất chợt, một cái móng, một cái móng dài, cong và đen thui, một móng chân của thằng cha bị chặt đầu, tôi búng đây như bắt được cả một kho vàng.

Tôi cố tước nó ra, mà không nổi.

Mười giờ! Sắp mười giờ rồi! Không thể để mất thì giờ được, tôi ghé miệng cắn vào cái móng chân khô đét. Cái móng chân thật lớn. Có thể cắn ra được.

Móng mĩ ư? Marihuana đây ư? Không, không, sự thật đây mà, tôi cắn nó, cắn một cách tỉnh táo mà. Từ từ, chậm chậm, y như một chiếc răng bị nhổ ra khỏi nướu, cái móng chân bật ra. Thật thế chỉ một cử động giản dị, mấy móc, tôi hất cái ổ khóa, cửa bật mở ra và đây lại mặt trăng, mặt trăng lơ lửng trên trời cao chiếu bóng tôi gầy trên mặt đất như đang quì gối.

Không cần răng sức, tôi đu lên trên tường. Những mảnh chai vỡ chỉ là một cản trở con út. Tấm khăn trùm rơi xuống và tôi, hoàn toàn trần truồng, tôi thấy mình đứng trước con đường tối tăm và vắng lặng.

Tôi và con đường!

Chỉ có tôi và con đường!

Và rồi thì, lần đầu tiên kể từ lâu lắm, kể từ nghìn năm rồi lận, từ trong tận cùng của bản thân tôi, hay từ trên cao, trên tít cao kia, trên bầu trời, nơi mà con người không thể nào tới được, một cảm giác hẫng hái mệnh mỏng xa lạ tràn ngập lòng tôi, một cảm giác mới lạ về tình thân trách nhiệm, một sự pha trộn giữa tình yêu và lòng vị kỷ. Cái ao ước được sống làm một người. Tại sao máu trong thân thể tôi đang cạn dần đi, và máu của kẻ khác bắt đầy mặt tôi? Tại sao? Tôi đã làm gì? Có phải tôi đó là những sức mạnh mù quáng đã đuổi theo tôi? Số mệnh ư? Nhưng bây giờ đây là con đường đã bày trước mặt tôi, và căn nhà của tôi, ôi thật là tuyệt diệu! Phải không?... Nhà của tôi, và con đường... Như để đánh dấu cuộc hồi phục của đời tôi, chuông nhà thờ, vang dội, chậm rãi, thiêng liêng, phá tan yên lặng.

Một... hai... ba...

Tôi thấy một niềm khoái lạc kỳ dị được đếm từng tiếng một, tôi vừa sắp nhảy xuống đường, một nỗi hoảng hốt man rợ bỗng ập đến lòng tôi:

— Lại nữa!

Có người nào nắm lấy chân tôi và la lên. Tôi nhảy lùi lại phía sau và cái tiếng kêu nó ngã xuống đất, thõ hững hộc: cái cò của di phước Juana có đáng kể gì dưới bàn tay tôi nữa!

Chúng tôi nhìn nhau trong bóng tối và nỗi yên lặng bao trùm, hai con mắt của bà ta trùng trùng, kính hãi, phản chiếu ánh đèn bên kia đường. Tôi lỏng tay dần ra, cái bản năng đơn sơ đã cho tôi thấy là nếu làm việc này nữa tôi sẽ phải xa nó, cái tự do của tôi. Không còn cái định mệnh nào khác, những dẫn lực mù quáng nào khác những cái mà chúng ta mang sẵn trong người, và phải kiềm chế lại. Hai bàn tay mềm mại bầu lấy cánh tay tôi, hai con mắt hải hùng van lơn, cái miệng kêu gọi

chiếc cổ mảnh mai và đôi vú dãn chắc mà tôi cảm thấy đang thôi thóp cử động dưới sức ép của hai đầu gối tôi, ôi tất cả những thứ đó được tạo ra không phải để tôi hủy hoại, nhưng là để cho tình yêu, cho những cái vuốt ve mơn trớn... cho những chiếc hôn.

Và rung động một cách sâu xa, bằng đôi tay run rẩy, tôi mơn trớn trên gương mặt hiền diệu của người nữ tu, khuôn mặt dịu dàng như trong giấc ngủ, cùng với cái thân thể đang ngất lịm đi dưới chân tôi như là tất cả sức sống đã rời bỏ nàng.

Chết rồi ư?

Tôi lại thấy cái ý muốn chạy trốn nổi dậy và không biết gì nữa, không có gì nhắc lòng sợ hãi, tôi lại nhớ về thực tại, cái ý nghĩa thực tế và bản chất của mọi thứ trên đời này: tôi trần trụi, và tôi cần những quần áo đối với bà la bây giờ là vô dụng, tôi cần cái mũ, cái tấm vải che đầu của bà.

Tôi cởi quần áo của bà ta, và giữa những cây trở hoa, một nửa cái thân thể trắng nõn, có một cái gì quyến rũ mà tôi không biết, nó kích thích tôi.

Với một sự tò mò bản năng, tôi cúi xuống chỗ giữa chiếc nịt ngực, để lộ ra đôi vú quyến rũ, thanh cao, và lại run lên vì dục vọng, tôi cúi đầu xuống từ từ. Đầu tôi chạm tới ngực nàng, tôi nhắm mắt lại: Nàng còn sống chăng?

Tại tôi đặt trên ngực nàng không nghe thấy hơi thở, nhưng cặp môi run run như sóng của tôi mơn trớn trên hai đầu vú còn ướt. Tôi há miệng ra, và trong khi tôi cắn lại, như một niềm hoảng sợ tới từ một nơi nào xa xôi, sự ham muốn xác thịt của tôi tiêu tan trước cái cảm tưởng rằng cái vật mà tôi đang cắn chính là cái ngón chân, cái ngón chân của thằng cha bị chặt cụt đầu, cái ngón to đầy mủ...

Một lát sau tôi vượt qua con đường. Tôi trốn thoát khỏi cái địa ngục của những dục vọng và hãi hùng, tôi chìm trong bóng tối của thành phố.

Và trong đêm hôm đó, giữa đường đón cửa lấy tôi chính là lũ người hồi trưa đã được tôi che chở ngoài ý định ở trong tù.

C. MONTÉNÉGRÔ

(trích dịch qua « La terre vivante của Ed.P.S. »)

HỒ THỊ NGỌC NỮ dịch

chị em, cha con và trẻ thơ

KỊCH BA MÀN

TRẦN DẠ TỬ

NHÂN VẬT

VĨNH	: vai người em, hăm bốn tuổi, đúng phông lãng mọt mọt và tự tin
THỊ SÁU	: vai người làm, chừng bốn mươi, ít đặc điểm.
LIÊN	: vai người chị, hăm tám tuổi, đẹp lộng lẫy, quý phái, vẻ tự tin giống Vĩnh.
ÔNG PHONG	: vai người cha, gần năm mươi, to béo, nhánh nhện, dóm dăng, vẻ trẻ trung lực lông.
HỒNG	: vai người con, trạc tuổi Vĩnh, say mê, vụng về, nhiều mặc cảm.
BÍCH	: vai tình nhân của Vĩnh, khoảng hăm mốt, đẹp buồn bã và hoảng hốt, dấu hiệu sự ngày thơ hồn nhiên vừa mất.

LỜI NGƯỜI VIẾT: Tất cả những nhân vật được phác thảo trên đây đều mang một sắc thái là thời đại họ sống: những ham hố trẻ nãi trong tâm hồn, sự lễ loi thách đố trên khuôn mặt, vẻ giàu có giả tạo ngoài không cần giao tiếp. Về kịch tính, thấy đều được dựng nên bởi ý muốn thí nghiệm một cái nhìn thô sơ nhất trên một ngoại một vấn đề căn bản của xã hội cần giải quyết: vấn đề sự chuyển tiếp những trách nhiệm xã hội giữa hai ba lớp tuổi, những tình tiết đau đớn ngấm ngấm trong nó, cùng với những đòi hỏi đương thời thức cấp bách ở ngoài nó.

Cũng cần chú thích thêm: đây chỉ là một kịch bản mới được phác thảo lần thứ nhất, vì thế, nó chưa thể thích hợp để dùng cho bất cứ một hình thức trình diễn nào.

TRẦN DA TỬ
MÀN THỨ NHẤT

BUỔI SÁNG TRONG PHÒNG KHÁCH

Cảnh một phòng khách sang trọng kiến trúc theo lối nhiệt đới, được mở treo ra từ phía trái, đồ vật trong đó hầu hết có vẻ được bày từ lâu đời: salon, bàn ăn nhỏ, tủ lạnh, tủ kiến, radio. Phòng có nội diện tích rộng, trên trần cao: quạt ba cánh, đèn quả lớn. Từ phía khảm gỗ có thể nhìn lên suối: hai cửa ra vào nằm chéo góc nhau: Một dẫn từ ngoài vào, sát đó là ba chạc sáng thò rừng dùng để treo áo mưa hay mũ. Một dẫn ra hành lang phía vườn cây đồng san, sát đó là khoảng lan can xây thấp được phủ bằng tấm màn chắn màu xám cũ. Lại thật xa vào cuối sân khảm, góc tường chéo nhau: một giá sách treo làm cánh, một tấm tranh lụa. Trên cao là chiếc đồng hồ chuông lớn thứ gỗ mun, một chiếc tròng kỹ rất cũ kê sát tường phía dưới, ngay phía trên tròng kỹ, một tấm gương lớn chạy dài liền trong tường, bên này là cửa thang dẫn lên lầu, chiếc cửa thứ ba nằm khuất phía sau khoảng lang của lầu thang vòng lên, vì thế khảm gỗ không thể trông thấy nó. Đây là bề mặt của căn nhà Liên đang sống một mình với chị Sáu người làm, thứ nhà lớn, gọi ra thường trực cho những người bước vào một không khí dĩ vãng: một dĩ vãng gồm có những cái chết và dấu hiệu suy sụp, dường cố gắng thay đổi.

Màn mở lên ở đây vào một sáng sớm ngày chủ nhật, khi mưa sắp tới, sân khảm nằm trống trơn: đèn trên trần đang sáng, mảnh ngò ra vườn cây chưa cuốn: cuối phòng một ghế dựa được đặt trên tròng kỹ, phía trên, cửa đồng hồ còn đang mở, chìa khóa gác cổng cầm ở giữa, dấu hiệu việc lên gác vừa bị bỏ dở. Đầu phòng, nơi chạc sáng sát cửa ngoài: một chiếc mũ phớt đàn ông thò móc liền nằm lơ lửng trên đó. Giữa phòng, sát bộ salon, trên chiếc ghế thấp phủ nhung thẫm, một náy nghe nhạc còn mở nắp, cạnh đó là li đĩa nhạc chưa xếp lại. Trên mặt tủ lạnh một đặc bình lớn chưa cắm hoa. Tất cả những thứ ấy ra dấu gian phòng đang được thu dọn lại chơi lại.

1

Gian phòng nằm trống trải như thế chừng một phút thì Vĩnh vào từ cửa ngoài, tiếng khoa động trên nền đá (tiếng chị Sáu từ phía ngoài hành lang: Ai, ai đó? thưa ông cô tôi vẫn chưa dậy. Vĩnh: Hỏi ai thế chị Sáu, tôi đây mà). Vĩnh đi thẳng vào phía cuối phòng đứng khom người soi mặt trước tấm gương. Sau lưng Vĩnh, tấm màn đang được cuốn lên dần dần, chị Sáu hiện ra phía ngoài hành lang, bước gác mảnh vào lan can: À, cậu Vĩnh, vậy mà tôi cứ tưởng ai. Vĩnh vẫn không quay lại: chị tưởng ai? Chị Sáu: Một ông khách mời tôi đây đêm lần. Vĩnh: Lại một ông khách mới! Hân vừa ở đây ra? Chị Sáu: Ông ấy ra trước cậu chừng 5 phút, làm tôi lên cái dây đồng hồ không xong. Vĩnh: Sao chị không kể thầy hân, nói chưa tới giờ tiếp khách? Chị Sáu: Khách của cô

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRẺ THƠ

Liên đầu thế được? Vĩnh: Chị sợ họ tới thế lặn? Chị Sáu: Nhờ cậu tắt đèn cái đèn, tôi phải đi lau nhà. Vĩnh đi vào một góc khuất, đèn tắt, ngáy bắt đầu, trong ánh sáng nhờ nhờ ếm địa dương sinh động, Vĩnh hiện ra chậm chạp và mệt mỏi đi tới nghỉ xuống chiếc ghế bành quay lưng vào phía trong, nhìn ra phía vườn và cửa ngoài (Vĩnh trông thấy chiếc mũ đàn ông trên chạc sừng, chị Sáu vào, tới mở rộng cửa ngoài, ánh sáng lảng chút ít) Vĩnh nhắm thuốc, dáng bất động hình như đang lắng nghe một tiếng reo mơ hồ. Trong lúc chị Sáu liếp tục dọn phòng: lên đây đồng hồ, lau nhà vân vân. Vô kịch này được bắt đầu từ đó.

VĨNH : Này, chị Sáu, cái mũ của hân ta bỏ quên đó sao?

CHỊ SÁU : Đâu có, mũ ông Phong đấy chứ.

VĨNH : Ông Phong? Ông ấy bỏ quên à? Lại nhĩ?

CHỊ SÁU : Bộ cậu không biết ông Phong sao, ông ấy ở đây từ chiều qua

VĨNH : À, à, biết chứ (một giây). Thế chị tưởng tôi không biết gì thật sao?

CHỊ SÁU : Tôi nghĩ cậu biết hết!

VĨNH : Tôi làm sao biết hết được bằng chị, bây giờ tôi đâu phải là người sống trong căn nhà này.

CHỊ SÁU : Tại cậu không muốn.

VĨNH : Tôi muốn cũng không được, chị dư biết điều ấy từ lâu mà.

CHỊ SÁU : Tại cậu cố tình nghĩ thế, rồi cố tình lang thang thì có.

Thực ra, căn nhà này dù sao vẫn là thuộc về cậu. Tôi sống ở đây hai mươi mấy năm rồi, từ dạo còn ông bà, tôi biết điều ấy lắm. Bây giờ, chỉ còn hai cô cháu trong căn nhà

VĨNH : mệnh mông này, đôi lúc nghĩ tới cậu cứ đi mãi tôi phải khóc. Chắc cô Liên cũng thế.

VĨNH : Thôi, đừng nhắc tới ông bà, bây giờ tôi đâu còn nhớ nữa mà chị phải dỗ dành. Mà, chị cũng đừng hoài hơi khóc

CHỊ SÁU : thương tôi làm gì cho mệt, chị Liên đâu có nghĩ như thế. Cậu tưởng vậy chứ sống như thế này có họa là thành mới

VĨNH : khỏi nhờ tới gia đình ruột thịt.

CHỊ SÁU : Nếu thế hóa ra tôi đã là thành từ lâu rồi.

VĨNH : Cậu ăn nói bậy bạ.

CHỊ SÁU : (cười lớn): Tại sao vậy?

VĨNH : Tại chính cậu đang ngồi trên chiếc ghế mà trước đây năm

CHỊ SÁU : năm ông bà đã từng ngồi, bây giờ ông bà vừa nghe thấy

VĨNH : cậu nói ra lời ấy.

CHỊ SÁU : Chị yên tâm đừng đi, ba mẹ tôi không còn mặt mũi nào ở

VĨNH : lại trong căn nhà này nữa đâu, (chậm liếp điều thuốc khác)

CHỊ SÁU : cũng giống như tôi vậy.

VĨNH : (Giàn phóng đã gọn gàng dần dần, chiếc ghế đầu trên tràng kỷ đã được

CHỊ SÁU : bỏ xuống, chị Sáu đang cầm một bó hoa huệ trắng vào đọc bình).

CHỊ SÁU : Cậu Vĩnh, cậu nữ nói thế sao?

VĨNH : Chị tưởng tôi sung sướng hạnh diện lắm khi phải nói ra thế
(Chiếc đồng hồ đã lên g ả) trong từ lán, bây giờ đang reo chuông, tiếng
chuông thành thót giữa sự yên lặng của hai người, Vĩnh đứng lên, đi tới
tỷ tay trên lan can, trông ra vườn, không khí rung rung).

CHỊ SÁU : Tại sao lần này cậu về nhà sớm vậy?

VĨNH : Đồng hồ tôi về từ đêm qua.

CHỊ SÁU : Cậu đương bị mất ngủ.

VĨNH : Và đói nữa, đói lắm. Chị làm sao có gì cho tôi ăn

CHỊ SÁU : Có ngay giờ, đã sắp đến giờ điếm lăm, để tôi dọn cậu dùng
trước hay đợi vài phút nữa cùng ăn với cô Liên một
thế.

VĨNH : Chị cho tôi ăn trước (đi tới mở tủ lạnh, lấy một chai rượu
rót ra ly, dùng cửa tủ). Mà chắc ông Phong cũng sắp dậy,
thời chị dọn ra ngoài vườn cho tôi. (Vĩnh cầm ly rượu, đi
ra phía n, odi, tới lấy chiếc mũ treo trên cặp sừng xuống nhấc
nhấc rồi lấy rồi n óa vai cầm theo), khi họ dậy, chị kêu có
tôi ở ngoài vườn (bớt Vĩnh và ly rượu và chiếc mũ theo tới
ra vườn cây, Đồng hiện ra ở cửa ngoài, gõ gõ vào cánh cửa
đương tr ở, chị Sáu quay đầu lại).

CHỊ SÁU : Thưa ông, cô tôi vẫn chưa dậy, xin mời ông vô nhà đợi,
hoặc giả có gì xin nhắn lại.

ĐỒNG : Vạy khi cô dậy chị nói dùm tôi sẽ trở lại vào khoảng 9 giờ.

CHỊ SÁU : Thưa ông, chín giờ sáng hôm nay?

ĐỒNG : Phải, chín giờ (mở phòng). Ilanh như vừa có ai tới đây
trước tôi.

CHỊ SÁU : Dạ, vừa có cậu Vĩnh tới, cũng đương đợi cô tôi ở vườn
sau. Thưa, ông chắc biết cậu Vĩnh?

ĐỒNG : Ông Vĩnh à, không, không, tôi không biết rõ lắm.

CHỊ SÁU : Hay xin mời ông ra vườn sau cùng đợi cô tôi với cậu Vĩnh
một thế.

ĐỒNG : (lúng lúng) Thôi, thôi. Chị cứ nhớ thưa với cô chín giờ tôi
trở lại. Nhớ dùm chín giờ. Đây giờ tôi phải đi. Chào chị
nhé.

CHỊ SÁU : Dạ, chào ông. (Sán khẩu bớt Đồng, chị Sáu mang bình hoa
tới đặt trên bàn ăn, sửa lại với cảnh hoa bị gẫy, lấy bớt ít
nhánh úa ra cầm riêng trên tay). Cậu Vĩnh, cậu Vĩnh ơi.

TIẾNG VĨNH : Chuyện gì thế chị Sáu?

CHỊ SÁU : Cậu nhìn thấy hân chứ?

TIẾNG VĨNH : Hân nào vậy?

CHỊ SÁU : Ông khách mời của cô, đã tới đây sáng hôm nay trước
cậu 5 phút. Hầu lại vừa đến nữa, tôi đã cố tình nói to và
mời hân vào để cậu nhìn thấy mà.

TIẾNG VĨNH : Tại sao cần phải nhìn thấy hân? Tại sao vậy?

CHỊ SÁU : Tại hân đặc biệt lắm. Rồi cậu coi.

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRÈ THƠ

TIENG VINH : Chị nói thật hay đùa đó chị Sáu, ở căn nhà này lâu lắm rồi làm sao còn có nỗi nhớ cái gì đặc biệt.

(Vinh hiện ra dần dần, chiếc mũ của ông Phong trên đầu, ly rượu cạn trên tay).

CHỊ SÁU : Bộ cậu Vinh không tin lời tôi nữa sao.

VINH : Tôi vẫn tin chị như hồi nhỏ (đi lời mở tủ lạnh, rót rượu nữa và đứng cúi một lát). Nay, chị Sáu hẳn còn nhớ dạo ở Dalat mình bị đựng xe hòm vào trường đón chị Liên ra chứ.

CHỊ SÁU : Đó, lần ấy tôi đã chẳng báo trước với cậu rằng sao cũng sắp có chuyện phải xảy ra là gì, cái linh linh của tôi bao giờ cũng đúng hết.

VINH : Mà tôi thì chưa bao giờ chịu nghe lời chị cả, nhất là lần ấy, cứ nhất định cho xe đi như bay. À, mà không hiểu tại sao lần ấy tôi không chết?

(Vinh rót ly rượu khác, chị Sáu sửa soạn bàn ăn)

CHỊ SÁU : Lần ấy cậu không nghe lời tôi cần thận vì nóng gặp cô Liên.

VINH : Còn tại sao tôi không chết. Chắc tại có chị ở bên cạnh.

CHỊ SÁU : (cầm đống) Tôi đâu ăn thua gì, lần ấy cậu không sao cả là tại số, còn như bây giờ, không có tôi cậu vẫn sống như thường, đâu có sao.

VINH : Chị Sáu không biết đấy, bây giờ tôi đương định sẽ chết.

CHỊ SÁU : Cậu chỉ ưa nói gỗ, làm sao định chết được, số cậu sống lâu lắm.

(Vinh lời ngồi trên ghế), mà cậu cũng còn ham sống lắm.

VINH : Số tôi sống lâu thật ư chị Sáu? À, mà sao chị biết tôi ham sống, có phải vì tôi trở về đây sáng nay quá sớm, có phải vì thế không? (một lát) Mà chị nói chắc đúng, vậy tôi vẫn phải sống nữa, phải sống nữa (tiếng cười) phiền quá tạ.

CHỊ SÁU : Cậu ăn nói hay nhỉ?

VINH : Chắc vì tôi mệt quá, suốt đêm qua không ngủ.

CHỊ SÁU : Chắc tại cậu đói quá nữa. Thôi, bây giờ cậu lên lầu nghỉ đi, tôi sẽ mang thức ăn lên cậu dùng riêng trên đó rồi ngủ cho lại sức. Lâu lắm rồi cậu không nằm ngủ trong căn phòng của cậu.

VINH : Tôi cũng cần ngủ nữa, chị nói điều gì cũng đúng cả (đứng dậy) À, mà thôi, tôi vào nơi của mẹ tôi nằm vậy, tôi không muốn đi qua phòng chị Liên.

CHỊ SÁU : Phòng của bà khóa cửa không dùng tôi đã lâu, để tôi vào mở khóa cho cậu.

(Hai người đi vào bằng cánh cửa nằm khuất phía sau lưng cầu thang, chị Sáu cầm theo đóm lá hoa kẻo úa, Vinh vẫn mang chiếc mũ của ông Phong trên đầu, và ly rượu đã cạn đó).

Trên tay, khi đi ngang bàn ăn, Vinh đặt cái ly không xuống đó).

VINH : Khi chị Liên dậy, đừng nói có tôi ở đây, tôi cần ngủ cái đủ.
CHỊ SÁU : Cạn uống nhiều rượu quá.

2

Ngày hôm giờ đã bắt đầu hoàn toàn, nơi ngưỡng cửa ra vườn đã hắt rõ nắng nắng, chiếc đồng hồ lên lại đồ chuông, cửa ngói vẫn mở rộng, đó là lớp thứ hai của màn kịch, ông Phong hiện ra trên cầu thang, quần áo từ chỉnh, theo sau là Liên vẻ đẹp chưa trong đêm. Hai người cũng xuống và tới giữa sân khấu, ông Phong tới mở máy thu thanh: bản thông tin thứ hai trong ngày báo tin trận bão lớn ngoài Trung.

PHONG : Mưa chỉ còn đủ thì giờ để ăn điểm tâm qua loa với em thôi, bảo cho dùng gấp đi.

LIÊN : Sáng chủ nhật mà, can gì vội thế.

PHONG : Mưa phải gấp thẳng Hùng để tính vụ lo cho chuyện bão ngoài đó (ngồi vào bàn ăn), thôi mình bắt đầu đi.

LIÊN : Thế còn việc em nhớ?

PHONG : Việc của em chỉ là cơn bão nhỏ, mọi nói ra vài tiếng là xong, em đừng lo mà mệt.

LIÊN : Vậy em có thể yên tâm để lên ngủ tiếp (tới ngồi trước mặt Phong). Mà chuyện ấy chắc làm phiền anh chứ?

PHONG : Ăn thua gì đâu, nó chưa xứng với giấc ngủ của em.

LIÊN : Nhưng cũng đủ để làm lo phiền lắm.

PHONG : Phải (cười, đùa) phiền lắm vì đó là chuyện nhỏ, chưa đủ để mưa được ăn với em bữa điểm tâm sáng nay. Mà thôi, mình bắt đầu đi chứ.

LIÊN : Chị Sáu, chị Sáu ơi, (chị Sáu ra từ cửa sau lưng cầu thang) lo cho tụi này ăn chứ.

CHỊ SÁU : Dạ, đã sẵn cả rồi, để tôi mang lên ngay (chuông báo khách bỗng reo vang). Chắc hẳn lại một ông khách. Để tôi dọn ăn đã (vào).

LIÊN : Khách gì mà chưa sáng đã làm ầm lên vậy.

CHỊ SÁU : (dọn thức ăn) Thưa chắc là ông khách chiều hôm qua trở lại, hồi này ông ấy đã tới đây hai lần (ra hẳn).

PHONG : Em sống như bà hằng, gần hết giờ làm ăn của mẹ mà vẫn còn cho là chưa sáng. À, mà ông khách quý hóa nào vậy?

LIÊN : Một ông tướng trẻ tuổi cứ nhất định đòi cưới mình làm vợ (đứng dậy, tới tủ lạnh rót rượu),

PHONG : Thảo nào hẳn tới em chăm chỉ như người đi đòi nợ. (đứng lên, theo Liên) Này, món nợ ấy nặng không mẹ trả cho.

LIÊN : Tôi không đủ sức trả hộ đâu, nợ tình mà (cầm chai rượu) đem qua mẹ làm gì mà gần hết chai rượu rồi.

PHONG : Thưa sức mà (chuông lay qua vai Liên, lả lơi, không chú ý

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRÊ THƠ

lời nói, đứng quay mặt ra cửa ngoài, Vĩnh hiện ra ở dưới chân cầu thang, đầu vẫn đội mũ, miệng ngậm thuốc, trông rảnh rỗi với đường đi vào cửa thang). Đó, em coi, mợ vẫn thừa sức mà.

LIÊN : Phải để cho em tiếp khách cái đã (lặt ly rượu vào tay Phong cả hai về chỗ ngồi đã) phải lo chuyện chồng con chứ.

PHONG : Vậy, ông chồng lương lai của em này làm gì.

LIÊN : Học trò. Sắp ra làm lớn.

PHONG : Mợ không thích thằng nhãi đó.

LIÊN : Tại sao sợ chúng.

PHONG : (cười lớn) Em cần bao nhiêu tiền mợ sẽ biếu không cho em vài xâu, dùng vào việc quê nhà.

LIÊN : Thứ của loa.

PHONG : Không, phải nói của chúng mình mới đúng.

LIÊN : Nhưng không thể dùng chung một ông chồng, mà em thì cần có một ông chồng có địa vị.

PHONG : (lại cười lớn) Thôi hay để mợ gả cho em thằng con cả của mợ vậy. Nó cũng có thể sẽ ra làm lớn, nếu em muốn.

Đẹp trai hơn mợ nhiều.

(Chị Sáu ở ngoài vào, mang theo mấy tờ nhật báo, đưa cho Phong và cầm ly rượu không của Vĩnh bỏ lại lúc nãy lên).

CHỊ SÁU : Tưởng ông khách của cô, hóa ra là thằng nhỏ đưa báo, không biết ai thả con Tò ra làm nó không dám vào.

PHONG : (đ. lẩn lượt lảng tờ báo, đưa cho Liên) Này, em coi, mợ làm ăn (đ. lo). Nhà thầu khoán Trần Đình Phong, vị hội trưởng thứ hai của Hội... một đoàn thể chính trị nhiều uy tín và cuộc thực hiện kế hoạch cứu trợ đồng bào miền Trung. (tho) Tụi chó chết, viết bài báo không xong. Cho mợ xin điều thuốc (vẫn coi liếp).

LIÊN : Chị Sáu, lên phòng lấy dùm tôi bao thuốc.

PHONG : (lẩm lẩm cười rồi bỗng ngạc nhiên, giận dữ) Đồ khốn nạn này, này em coi, không hiểu ai nói với chúng nó về vụ cái đồn điền của thằng lão. Hồng, hồng quá, anh phải đi gấp lắm.

(Phong đứng lên trong khi chị Sáu đã đi tới chân cầu thang, đứng lại đó vì trông thấy Vĩnh và vì Phong đứng dậy, trong phòng bây giờ khảm giả chỉ còn trông thấy rõ 2 người, Phong sửa lại cả vạt, tới hôn Liên với vâng).

LIÊN : (giữ Phong trong tay) Thế hồi nào có thể gặp loa lại, còn chuyện nhờ loa nữa.

PHONG : Được, được yên chí (rời Liên, đi lại phía cửa, ngừng lại trước giá mũ, ngạc nhiên) quái, cái mũ mợ nhớ để đây mà? Nó đi đâu?

TRẦN DẠ TỪ

- LIÊN : Chị Sáu, từ sáng đã có ai vào đây chưa nhỉ?
CHỊ SÁU : Không, không ai cả. À, mà có ông khách ấy vào phòng (lên cầu thang).
LIÊN : Chắc đêm qua toa để ngoài xe rồi, ra coi lại xem.
PHONG : Chẳng lẽ mua lại quên. (đùa) Vây, phải coi chừng ông chồng em. À, mà thôi, tối nay em đi mua ở Night Club, sẽ bàn lại với em cả về chuyện thằng con trai mua nữa. 10 giờ nhé. Ô voa.

(Phong ra, tiếng giầy ngoài hiên rồi bánh xe trên lối sỏi. Chiếc đồng hồ trên tường lại đổ chuông. Saa đó, sản khẩu thật gần tinh, Liên rút bàn ăn, tắt máy thu thanh rồi sang ngồi bên salon, quay mặt ra phía cửa ngoài vườn, cho rơi một đĩa nhạc loại nhẹ rồi dựa đầu vào ghế vì mỗi một, nhắm mắt vì ánh nắng ngoài vườn, gác hai chân lên bàn. Bấy giờ Vĩnh từ trong đi ra, vẫn mang mũ của Phong trên đầu, thuốc lá nơi miệng và chiếc lg không của chị Sáu đưa cho lúc nãy trên tay Liên lắng nghe tiếng giầy đàn ông tiến tới gần sau lưng nhưng không quay lại, khi Vĩnh đứng trước mặt, nàng không ngạc nhiên).

3

- LIÊN : Hỡi thắp cho tao một điếu thuốc. Mày về bao giờ?
VĨNH : Từ sáng sớm, lúc chị còn ngủ (rút bao thuốc và điếu đặt trên bàn, ngồi xuống. Bao thuốc chỉ còn đúng một điếu, Liên đánh điếu chĩa thuốc rồi vào cái bao lại, Vĩnh đã chiếc ly trên bàn, Liên ném cái vỏ thuốc vào đ.). Tôi sợ hôm nay không gặp chị nên phải trở về sớm. Đêm qua tôi có lại đón chị ở Night Club nhưng không gặp.
LIÊN : Mày nói ý không muốn trở về căn nhà này.
VĨNH : Phải.
LIÊN : Vây tại sao bây giờ còn ngồi đây? Coi bộ mày đương cần đến tao lắm mà, phải thế không?
VĨNH : Phải.
(đĩa nhạc đã hết vòng, Vĩnh với tay tắt máy)
LIÊN : Từ sáng đến giờ mày làm gì?
VĨNH : Tôi ở trong phòng mẹ, vì không đành đi qua cái cửa phòng của chị.
LIÊN : Vây tại sao không nằm trong đó mà ngủ hay là khóc, mày biết thừa ban ngày không bao giờ cả tao dám rời khỏi căn nhà này, khi nào gặp chả được, còn ra đây làm gì?
VĨNH : Tôi muốn mang cái mũ khố nạn này (lấy chiếc mũ của Phong trên đầu né xuống bàn) trả cho ông bố chồng của chị

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRẺ THƠ

- LIÊN : Vậy tại sao không mang trả cho hẳn, tao thấy mày lấp ló sau cái lưng cầu thang từ nãy mà. Sợ à ?
- VĨNH : Phải, (Vĩnh búng mẩu thuốc cạo góc nhà) tôi sợ dùm cho chị và ông khách của chị.
- LIÊN : Coi bộ bây giờ mày anh hùng lắm rồi, có lẽ tao không phải phát tiền mỗi tháng cho mày ăn chơi nữa, nhưng coi bộ hình như mày vẫn cần kia mà (mặt lơ), có biết những tờ bạc mày cầm mỗi tháng của ai không, mày thừa hiểu là tao lấy từ cái thùng già ngu xuẩn vừa ở đây rồi chứ. Vậy tại sao bây giờ mày vẫn còn cần đến cái thứ nhơ nhớp mà mày khinh rẻ ấy.
- VĨNH : Chị đừng lầm tôi về đây chỉ vì mấy ngàn bạc, thằng Vĩnh nó cũng đã chán ngấy cái lối cầm tiền vặt của chị từ lâu rồi. Mấy ngàn bạc ấy, tôi chỉ lấy về để trả nợ không bao giờ để trong túi một đồng quá một ngày.
- LIÊN : Phải, tao biết đời nào mày dám ăn đàng hoàng bằng tiền ấy vì mày chê nó bẩn. Đã biết bẩn, tại sao vẫn còn cần? Mày muốn gì hơn nữa mà còn trở về đây.
- VĨNH : Tôi về căn nhà này lần cuối cùng để xin chị một món tiền cuối cùng. Không bao giờ tôi làm phiền chị nữa.
- LIÊN : (dụi mắt điều gì đó) Bao nhiêu?
- VĨNH : Một trăm ngàn, món tiền ấy không lớn so với những thứ chị đang có.
- LIÊN : Một trăm ngàn, (cười lớn) mày biết mày sẽ lỗ và ngượng mặt khi hỏi điều ấy mà, tao kiếm đâu cho ra món tiền đó lúc này.
- VĨNH : Tôi biết chị sắp sửa lấy lại cái sổ trả của ba ở Blao.
- LIÊN : Việc ấy dính dáng gì đến mày?
- VĨNH : Tôi hiểu chị không muốn tôi dính dáng gì đến những thứ ấy, và tôi, tôi cũng vậy. Vì thế, tôi yêu cầu chị giúp tôi lần này, lần cuối cùng.
- LIÊN : Giúp mày một trăm ngàn?
- VĨNH : Phải, tôi cần món tiền đó.
- LIÊN : Mày muốn tao lấy chúng ở đâu?
- VĨNH : Ở chỗ chị vẫn lấy, trong khoảng tiền chị dùng để chuộc lại cái sổ trả của ba chẳng hạn.
- LIÊN : Mày nói như thế không thấy ngượng với tao?
- VĨNH : Tại sao ời phải ngượng với chị?
- LIÊN : Lỡ tao trả lời mày là không thể lấy trong món tiền ấy ra được. Tao có những việc riêng cần thiết không kém gì của mày. Thì sẽ ra sao nữa?
- VĨNH : (lặng một phút) Tôi sẽ yêu cầu chị bán lại căn nhà này, (chị Sơn đã xuống, đứng dưới chân cầu thang).
- LIÊN : Mày không điên đấy chứ, Vĩnh.
- VĨNH : Không, tôi còn tỉnh táo lắm.

- LIÊN : Mày không ngượng với ba mẹ sao?
- VĨNH : Tôi chẳng có gì đáng ngượng cả (một phút) ai cũng biết gia đình mình tan nát, ai cũng biết tất cả những tài sản của mình bị tịch biên, và rồi ai cũng biết chị đã làm tất cả những gì để lấy lại căn nhà này. Nhưng không phải vì thế mà chị được quyền dành lấy nó cho riêng lòng kiêu ngạo của chị. Bây giờ, tôi cần đến nó và có quyền yêu cầu chị bán nó.
- LIÊN : Mày dám nói ra những câu như thế trong căn nhà này à?
- VĨNH : Tại sao tôi không dám, căn nhà này mất đi không tại tôi, tôi cũng chưa làm một cái gì để nó phải xấu hổ và xấu hổ với nó.
- LIÊN : Tao cấm mày lảng nhục tới ba mẹ.
- VĨNH : Chị khỏi cấm, vì nếu có kẻ làm nhục nhã cho ba mẹ, kẻ đó không phải tôi mà lại chính là chị. Chị cứ nhớ lại tất cả những việc chị đã làm để chuộc lại căn nhà này và ngay chính ở đây, chị sẽ hiểu điều ấy.
- LIÊN : Thế còn mày, những việc mày đã làm?
- VĨNH : Tôi chỉ nói ra những sự thực, ba như thế, mẹ như thế, chị như thế thì tất nhiên, tôi; tôi cũng phải như thế. Bởi vậy, tôi không bao giờ oán trách ai, tôi cũng không bao giờ oán trách ngay cả chính tôi nữa.
- LIÊN : Mày cũng không nghĩ đến những đứa họ hàng khốn nạn đã nhốt bọ vào mặt gia đình này khi nó bị sa sút?
- VĨNH : Phải, tôi không hề oán họ.
- LIÊN : Nhưng tao, tao không muốn như mày và không thể như mày, tao phải cho chúng nó biết rằng tất cả những gì của ba mẹ thì bây giờ chúng vẫn thuộc về gia đình này, cho dù tao có là một con điếm thực thụ đi chăng nữa, tao vẫn khinh chúng nó. Còn mày, mày có thể khinh tao lắm, dù hàng tháng mày vẫn sống bằng chính những món tiền do bản tao kiếm ra.
- VĨNH : Tôi không còn đủ sức để khinh chị. Mỗi người chúng ta đều phải tự lo cho thân mình. Chị thì cứ sống theo cái dĩ vãng kiêu ngạo mà chị chọn, còn tôi, tôi phải rũ bỏ chúng. Tôi phải bắt đầu lại. Vì thế, tôi phải làm phiền chị...
- LIÊN : Chị Sáu, chị Sáu, cho tôi xin thuốc.
- (Chị Sáu từ phía chân cầu thang đi ra, mang bao thuốc cho Liên, và Vĩnh, cả hai người cầm thuốc, Vĩnh đứng dậy cầm ly tới tửu lượng rót rượu).
- CHỊ SÁU : Để tôi dọn bữa sáng lên đây cho cậu Vĩnh dùng.
- VĨNH : Xin chị dọn lên dùm mau một chút, tôi ăn từ sáng, chín giờ rồi còn gì.
- (Chiếc đồng hồ lại đồ chuông, chị Sáu ra phía cửa hành lang tiếp theo đó là chuông khách reo vang một phút rồi Đồng

CHỊ EM, CHA CON VÀ TRÈ THƠ

bước vào từ cửa ngoài, Liên đứng dậy ra chào, quay lại nói với Vĩnh: Đêm nay, mày đợi tao ở Night Club, quay lại Đồng: À, anh Đồng, chờ mãi)

ĐỒNG : (vung về bắt tay Vĩnh) Chắc tôi tới làm phiền ông lắm.

VĨNH : Không, tôi biết ông tới đây từ sáng. Xin cứ tự nhiên ở lại đây với Liên, tôi sắp đi, xin mời ngồi (Đồng ngồi, Vĩnh lấy chiếc mũ ông Phong đội lên đầu, lấy bao thuốc chị Sáu vừa mang ra mời Đồng một điếu rồi bỏ túi, quay sang Liên) Xin cố giúp tôi, đêm nay tôi sẽ đợi (ra cửa). Nói dùm chị Sáu tôi xin lỗi, chắc hầu sáng mai sao cũng còn trở lại. (Vĩnh đã ra phía cửa lớn, gian phòng bỗng giờ sáng rực rỡ những nắng, Đồng đứng ngời trước mặt Liên, mê nắng và vung về).

LIÊN : Hình như buổi sáng anh đã tới đây hai lần tìm tôi.

ĐỒNG : Vâng, hai lần.

LIÊN : Thật tôi có lỗi với anh quá.

ĐỒNG : Đầu đáng gì, tôi đến tìm Liên để xin được nói liếp và hỏi ý kiến Liên về câu chuyện hôm trước mình bỏ dở.

LIÊN : Anh đã dùng sáng chưa à?

ĐỒNG : Cảm ơn Liên, tôi ăn từ tinh sương.

LIÊN : Vậy để xin mời anh lên phòng tôi, mình nói chuyện tiện hơn. (gọi vào) Chị Sáu, chị Sáu ơi.

CHỊ SÁU : (từ trong ra) Tôi xong ngay giờ đây (trông thấy Đồng). Xin chào ông (Đồng: không dám, xin chào chị) Kia, thế cậu Vĩnh đâu rồi.

LIÊN : Chị không phải dọn ăn nữa, mang dùm tôi chai rượu lên phòng (quay sang Đồng). Xin mời anh lên trước. (Cả hai người đứng dậy, đi về phía cầu thang) À, mà chị nhớ buông màn xuống đi, trời nắng rồi còn gì. (Bấy giờ, Liên và Đồng đã rời sân khấu, sân khấu thì trống và sáng, chị Sáu thu xếp mấy chiếc ly trên bàn, đi ra hành lang, đứng quay mặt về phía sân khấu, bỗng chị nổi trên nắng thật rõ, rồi lấm mấm được bóng xuống thật mạnh, che lấp đi, vì căn phòng xăm tối. Cảnh này chấm dứt màn thứ nhất).

(còn liếp)

TRẦN DA TỬ

KỶ SAU MÀN THỨ HAI : Đêm ở Night-Club.

nghĩ đến một viễn ảnh văn hóa

LÝ HOÀNG PHONG

Giữa những lo âu hằng ngày trong cuộc tranh đấu để gìn giữ sinh mạng dân tộc chúng ta, trước sức công hãm mỗi ngày mỗi nặng nề, gào gào của những lực lượng phức tạp, mâu thuẫn để trị vì trên những vùng đất đai của Châu Á nô lệ này, hằng ngày nhìn vào đời sống của dân tộc mình và những dân tộc chung quanh, hằng ngày sống giữa những gia đình, đi giữa những đám đông, hằng ngày sống giữa bao nhiêu phần tử của cái xã hội đang phải chống chọi lại những áp lực mạnh mẽ để có thể sống tự do với thế giới, hằng ngày chúng ta không khỏi đặt ra một thắc mắc lớn, một dấu hỏi lớn: tất cả mọi người đã thật sẵn sàng để chiến đấu chưa, và cái gì có thể cấu kết họ lại với nhau trong cuộc chiến đấu để đứng xung đột lẫn nhau, đứng ngã vào lòng địch, đứng mắc mưu kế đối phương, cái gì có thể đem đến cho họ một tin tưởng sâu xa, một hy vọng cao cả để cùng chiến đấu cho tương lai?

Bình tĩnh nhìn vào thực trạng xã hội chúng ta, nhìn vào những đám thanh niên chen chúc nhau trên những con đường của thành phố hay ngồi trong lớp học, nhìn những nhà kinh doanh, những người trí thức trên những chiếc xe hơi hoặc nơi bàn giấy, những người lính nơi đồn trại hay trong rừng sâu, những người dân quê quây quần với nhau trong những làng mạc sầm uất hay nơi những thôn trại quanh quẩn, tôi thấy rằng câu trả lời phải là: chưa, chúng ta chưa sẵn sàng để chiến đấu vì chúng ta đang thiếu thốn cái sức mạnh gắn liền chúng ta với nhau trong cuộc chiến đấu!

Vậy thì cái sức mạnh gắn liền chúng ta với nhau ấy là gì?

— Là một ý thức chung, một tinh thần chung. Ý thức, tinh thần ấy ở đâu. — Ở trong văn hóa của chúng ta. Chúng ta thiếu sức mạnh tinh thần vì văn hóa cũ của chúng ta đã sụp đổ, văn hóa mới chưa sinh thành. Một cách rõ ràng hơn, tôi muốn nói là chúng ta thiếu một ý-thức-hệ văn hóa mới, chúng ta thiếu những viễn ảnh của một lý tưởng văn hóa dân tộc,

NGHĨ ĐẾN MỘT VIỆN ANH VĂN HÓA

cần kíp hơn chúng thiếu một sinh hoạt văn hóa thích hợp cho hiện tại xã hội.

Có thật thế không? Để tìm hiểu, trước hết hãy quan sát thực trạng xã hội chúng ta. Chúng ta sẽ thấy rằng xã hội chúng ta là một xã hội phân hóa rất phức tạp, chịu rất nhiều ảnh hưởng văn minh khác nhau. Có thể nói rằng phần lớn trí thức ngày nay của chúng ta có một ý thức văn hóa theo Tây phương, một phần khác hướng về một lý tưởng văn hóa theo Thiên chúa giáo, một số rất ít thức giả muốn giữ lấy tinh thần văn hóa dân tộc, ngoài ra đại đa số nhân dân thì sinh hoạt theo tinh thần văn hóa cổ truyền, và có thể nói một số lớn thanh niên ngày nay gần như không có một ý thức văn hóa nào rõ rệt, họ mang một tâm hồn hoang mang không phương hướng.

Trước hết hãy nói đến văn hóa cũ của chúng ta. Ngày xưa, dân tộc chúng ta đã hấp thụ và xây dựng được một nền văn hóa có những ngày rực rỡ, vinh quang. Nếu chúng ta không bị xâm lược phương Bắc đồng hóa hay tiêu diệt chính là vì chúng ta đã có được một mái nhà văn hóa vững chãi nó chính là cơ sở tinh thần, cái kỷ luật và cái trật tự để đoàn kết dân tộc chiến đấu với kẻ thù và xây dựng quốc gia. Đó là nền văn hóa của tam giáo Nho, Lão, Phật, ba nền đạo giáo lâu đời đã hòa đồng với nhau như ba giòng sông lớn, cùng đi về biển cả. Ba nền đạo giáo ấy đã bổ túc cho nhau để đem đến cho xã hội Việt-Nam một đạo sống sinh động, toàn diện, tổng hợp, vừa gia nhập vừa giải thoát, một đạo sống điều hòa được đời sống cá nhân với gia đình, xã hội và vũ trụ, một đạo sống hòa hợp với đời sống thể xác và đời sống tinh thần, hòa hợp đời sống thế gian và đời sống thiêng liêng, nói tóm lại ba nền đạo giáo cũ đã đem đến cho chúng ta một quan niệm về con người về xã hội và vũ trụ vừa thực tiễn vừa sâu xa.

Tinh thần văn hóa ấy thật ra phải là một tinh thần cao siêu và mạnh mẽ (bởi vì nếu nó yếu hèn thì làm sao dân tộc ta có thể tồn tại đến ngày nay) nhưng trong hoàn cảnh của dân tộc chúng ta, dù chúng ta đã đặt được một nền tảng văn hóa, nền văn hóa đó vẫn chưa sinh thành toàn vẹn được bởi vì chúng ta còn phải dùng sức lực để chống trả xâm lăng, những áp lực, những tư tưởng ngoại lai muốn đồng hóa dân tộc, bên ngoài, học Nho, học Lão, học Phật... không như Chu-dung-thần, những phần tử đó làm yếu hèn, sai lạc tinh thần đạo lý cổ truyền, những lầm lạc đó lan ra quần chúng mỗi ngày mỗi lớn lao xâm nhập vào đất nước ta thì văn hóa của ta không còn sức chống đỡ nữa. Dần dà văn hóa của ta chỉ còn là một cái vỏ hình thức mỏng manh, giả tạo bởi vì nó đã mất hết tinh thần và sinh khí. Có thể nói cuộc thất bại Phan-Bội-Châu và cuộc thất bại Yên-Páy đã đánh dấu sự phôi sản của

nền văn hóa cũ sau đó là sự phồn thịnh của nền văn hóa theo Tây phương trên đất nước chúng ta.

Nền văn hóa theo Tây phương đó là gì? Là nền văn hóa bao gồm tinh thần văn hóa La-Hy và tinh thần Thiên chúa giáo. Nhưng trên thực tế văn hóa La Hy và tinh thần Thiên chúa giáo không còn nắm phần chủ động nền văn hóa Tây phương nữa. Chủ động nền văn hóa Tây phương có thể nói là chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa khoa học duy vật, chủ nghĩa tư bản để quốc trực lợi, chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa cộng sản mác xít. Đại đa số thành phần tư sản trí thức xã hội chúng ta đã học hỏi hấp thụ và sùng theo văn hóa Tây phương đó của thế lực thống trị, trong lúc đại đa số nhân dân thôn quê vẫn ở lì trong một cái vỏ văn hóa cũ mỗi ngày mỗi sa đọa. Một dân tộc có một văn hóa Á-đông trong nhiều thế kỷ khước lấy một bộ áo văn hóa Âu Tây trong gần một thế kỷ. Và chúng trở thành một dân tộc lai, lai Âu, lai Á, lai Tây, lai Tàu. Tình trạng văn hóa hỗn tạp đó đưa đến một sự phân chia tinh thần giữa thành phần trí thức thành thị và đại đa số nhân dân thôn quê, đưa xã hội đến sự vô tự chủ, sự vô định tinh thần, sự bất an tâm hồn sự phân tán của ý thức.

Như chúng tôi đã nói đến ở trước, trong sáu năm kiến thiết xứ sở này, cho đến ngày nay, thực trạng xã hội chúng ta vẫn bày ra cái cảnh tượng phân tán, chia rẽ ngày trước. Nghĩa là xã hội chúng ta vẫn có một phần lớn tư sản trí thức ở thành thị hấp thụ văn hóa Âu Mỹ đang nằm trong thành phần lãnh đạo đại đa số nhân dân sinh hoạt theo tinh thần văn hóa cổ truyền, do đó, cái hố phân chia giữa trí thức và nhân dân. Xã hội chúng ta vẫn còn bị chi phối nặng nề bởi những ảnh hưởng tai hại của văn hóa Tây phương như chủ nghĩa khoa học duy vật, chủ nghĩa tư bản trực lợi và hưởng lạc, chủ nghĩa cá nhân ích kỷ và chủ nghĩa tự do phóng nhiệm. Nhưng ngày nay ta đã độc lập, ta không còn bị nô lệ bởi một sự thống trị nào, ta đã đoạt được tự do và dân chủ, ta đã có thể nắm quyền chủ động để xây dựng văn hóa của ta.

Hiện thời, chúng ta đang bước qua một giai đoạn tranh đấu mới. Trong lúc nước Lào đang khắc khoải rầy chềnh và cả miền Đông Nam Á đang báo động trước sự lấn công của cộng sản, chúng ta đang đứng trước một cuộc thử thách quyết định số phận của dân tộc. Ngoài một giải pháp chính trị và quân sự cần kíp còn phải gây một uy thế tinh thần để tiến tới, chúng ta cần phải phát huy một ý thức mới để xây dựng văn hóa của chúng ta, một ý thức sáng suốt có thể liên kết chặt chẽ dân tộc chúng ta trong cuộc chiến đấu chống lại ý thức hệ cộng sản.

Vậy ý thức mới ấy là ý thức gì. Nói một cách khác, chúng ta phải xây dựng văn hóa của chúng ta trên một ý thức mới như thế nào? Một giải đáp dung dị và hợp lý có lẽ là như thế này. Chúng ta phải xây dựng

NGHĨ ĐẾN MỘT VIỆN ANH VĂN HÓA

văn hóa của chúng ta trên một ý thức dung hợp, dung hợp những tinh hoa của văn hóa cổ truyền với những tinh hoa của văn hóa Tây phương, bởi vì chúng ta không thể từ bỏ văn hóa cũ là văn hóa truyền thống của ta mà cũng không thể từ bỏ văn hóa Tây phương đã gây ảnh hưởng hàng thế kỷ trong xã hội ta. Tuy nhiên một nền văn hóa dung hợp Đông Tây như thế nếu có thành hình được một cách mỹ mãn trên đất nước này cũng phải cần một thời gian lâu dài mới có thể đúc kết và sáng tạo ra được, đó phải là sự nghiệp chung của nhân dân, của những nhà tư tưởng, những nhà làm văn hóa, làm văn học nghệ thuật xây dựng nên.

Đến đây, có người sẽ nói rằng: hiện tại, vấn đề văn hóa có thật cần thiết không? Ngày nay chúng ta đã có chế độ dân chủ, lý tưởng tự do, chúng ta đã đi bầu phiếu và đã có hiến pháp, chừng ấy chưa đủ để đem đến cho chúng ta tinh thần chiến đấu hay sao?

Lý luận như thế là lý luận trên bề mặt. Sự thật, chính thể mới là hình thức, văn hóa mới chính là tinh thần.

Một chính thể dân chủ mạnh hay yếu là do nơi văn hóa nước ấy có sinh lực hay không. Sinh lực có hay không là do ở đạo đức tôn giáo tín ngưỡng. Đạo đức, tôn giáo, tín ngưỡng suy đồi thì không một chế độ dân chủ nào mạnh được. Rousseau khi xây dựng lý tưởng dân chủ với sách « Dân Ước » đã nghĩ đến điều ấy: đạo lý là cơ sở cần thiết cho một chế độ dân chủ. Và nhiều nhà tư tưởng cũng đã đưa ra nhận xét này: nếu nền dân chủ Tây phương đã được xây dựng và lãnh đạo bằng tinh thần Thiên chúa giáo thì lịch sử đã đi theo một chiều hướng khác.

Những chế độ độc tài phát xít, cộng sản đã là phản đề dĩ nhiên của những chế độ dân chủ yếu hèn, thiếu một đạo lý lãnh đạo. Sự sống nằm trong những lề luật nhân quả nhất định. Sự yếu hèn đi kèm với sự nô lệ, một chế độ sa đọa kêu gọi một chế độ độc tài. Vì vậy một chế độ dân chủ muốn tồn tại phải được xây dựng trên một nền tảng văn hóa có sinh khí, có mãnh lực.

Nhìn vào chế độ cộng sản, chúng ta có thể trông thấy một sự kiện tương phản đáng chú ý sau đây. Dù trên lý thuyết trừu tượng của chủ nghĩa mác xít, người cộng sản phủ nhận vai trò tối thượng của tinh thần trên vật chất nhưng trong thực tế hành động, chính là họ đã đề cao vai trò của tinh thần để chiến thắng hoàn cảnh vật chất, dù rằng trên lý thuyết họ muốn xây dựng một nền văn hóa mới, phủ nhận nền văn hóa cũ mà họ cho là của phong kiến, tư sản, nhưng trên thực tế họ vẫn đề cao những giá trị đạo đức, tinh thần của văn hóa cũ, họ vẫn lợi dụng những tinh hoa của những tôn giáo mà họ cảm thấy là chưa thể đánh đổ được. Tình trạng mâu thuẫn ấy đã xảy ra vì cái mà cộng sản gọi là văn hóa mới của họ chỉ có ngọn mà không có gốc, cái gốc

họ đã phải khai thác ở nơi văn hóa cũ. Vì vậy có thể nói trên căn bản cộng sản không thể có văn hóa cũng như họ không thể có văn học, nghệ thuật chân chính, cuối cùng lại văn hóa của họ cũng chỉ có thể là một thứ văn hóa của chính trị. Văn hóa đối với họ không còn là cứu cánh mà chỉ là phương tiện. Trái lại đối với một chế độ dân chủ sáng suốt thì chính trị chỉ là phương tiện mà văn hóa mới thật là cứu cánh của xã hội và tự do, dân chủ chỉ là mảnh đất tốt, điều kiện tối để cho văn hóa có thể phát huy toàn vẹn, sung mãn.

Chúng tôi đã bày tỏ tình cách quan trọng của văn hóa trong một chế độ dân chủ, và chúng tôi cũng đã nói đến cái ý thức dung hợp của chúng ta để xây dựng văn hóa tương lai. Nhưng trong giai đoạn cấp bách bây giờ để chiến đấu với ý thức hệ cộng sản, chúng tôi tin tưởng rằng chúng ta cần phải phát động một phong trào văn hóa mới đặt căn bản trên những đạo lý truyền thống của dân tộc, một phong trào văn hóa có thể đem đến cho chúng ta một tinh thần chiến đấu mạnh mẽ, cái tinh thần cao cả, mãnh liệt đã làm nên những chiến thắng xam lược vẻ vang ngày trước.

Chúng ta có thể nghĩ đến những tổ chức sinh hoạt văn hóa với những hoạt động xã hội được tổ chức chu đáo của những đoàn thể tôn giáo từ thôn quê đến thành thị với một lý tưởng tranh đấu thích hợp, những tổ chức ấy được thành lập sẽ gây một lực lượng tinh thần lớn lao, kết hợp được giới trí thức thành thị và nhân dân ở thôn quê, gắn bó với nhau những phần tử trong xã hội, lực lượng tinh thần ấy là hậu thuẫn cần thiết cho cuộc chiến đấu hôm nay.

Mọi người đều biết rằng động lực chiến đấu thực sự của chúng ta bây giờ không phải chỉ là những ý niệm tự do, dân chủ, động lực chiến đấu thực sự của chúng ta chính là tin ngưỡng. Một người dân quê, một người binh nhì — lực lượng căn bản của cuộc chiến đấu hôm nay — không hy sinh tính mạng để chống lại cộng sản vì một mơ triết lý cao siêu mà những người trí thức ở thành phố, thành phần lãnh đạo của họ học được trong các trường trung học và đại học, nhưng họ có thể chiến đấu và chịu chết vì một thánh giá của Chúa Jésus, vì đức tin ở Phật Thích Ca, vì một lý hương, một bát nhang trên bàn thờ tổ tiên, vì trong bản chất cuộc chiến đấu chống Cộng sản là một cuộc chiến tranh văn hóa.

Nhưng phải nói ngay rằng chúng ta sẽ không làm lại một sự phục hồi những hình thức cũ mà chính là chúng ta sẽ phục sinh lại những tinh túy của tinh thần. Chúng ta sẽ làm cái công việc ươm trồng những hạt giống cũ trên một mảnh đất mới mẻ, mảnh đất của dân chủ, tự do. Chúng ta sẽ không chỉ làm một cuộc trưng bày trên lý thuyết, trái lại chúng ta sẽ làm một cuộc thực hiện trong cuộc sống ngoài xã hội, trong gia đình, nơi học đường, trong quân ngũ, nơi nghị trường. Chúng ta sẽ kịch liệt

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

giải pháp dung hòa mà các anh đã lao tâm khổ tứ lắm mới chắt bóp gạn lọc đến mức tối thiểu của nhu cầu :

Giải pháp thứ nhất : Dân nhạc gồm 40 người (kể cả nhạc trưởng).

Xin nhắc : những dàn nhạc lớn thế giới gồm từ 100 đến 150 người, và nhỏ nhất cũng phải đủ 50 người mới duy trì được quân bình âm thanh — *équilibre sonore*.

Dàn nhạc trong giải pháp thứ nhất gồm có :

- | | | |
|-------------------------|---|---|
| Cordes | { | — 6 Violons I |
| | | — 6 Violons II |
| | | — 4 alto |
| | | — 3 cello |
| | | — 3 contrebasses |
| Bois | { | — 2 flûtes |
| | | — 2 hautbois |
| | | — 2 clarinettes |
| | | — 1 basson |
| | | — 1 clarinette basse (để tăng cường cho basson) |
| Culvres | { | — 2 trompettes |
| | | — 2 cors d'harmonie |
| | | — 2 trombones |
| Instrument à percussion | { | — 1 timbale |
| | | — 1 grosse caisse (gồm các instruments à percussion khác) |
- và 1 piano thay cho harpe.

Lẽ ra tối thiểu phải 10 violons I và 10 violon II nhưng đây đành nhờ tác dụng của micro phóng lớn âm thanh mà rút xuống có sáu violons mỗi thứ.

Piano thay thế cho Harpe cũng vạy bất đắc dĩ chẳng khác gì *clarinette basse* thay cho basson. Tiếng piano thì mạnh nhưng không danh bằng, trong bằng tiếng harpe. Những *traits* lên xuống *arpèges*, những chỗ cần *effet* diễn tả những đợt rừng mình của ngàn nước làm sao piano thay thế nổi cho harpe ?

Nhạc trưởng sẽ lĩnh lương tháng 8.000\$, các nhạc sĩ khác trên dưới 4.000\$. Như vậy giải pháp dung hòa thứ nhất sẽ xin thêm ngân sách quốc gia chừng hai triệu một năm.

Vạn bất đắc dĩ mà ngân sách quốc gia vẫn không chịu thì dàn nhạc trên phải cắt giảm một lần nữa rút xuống mức tối thiểu là 30 người (kể cả nhạc trưởng) :

- | | | |
|--------|---|----------------------|
| Cordes | { | — 4 premiers violons |
| | | — 4 secondes violons |
| | | — 3 alto |
| | | — 2 cello |
| | | — 2 contrebasses |

ĐOÀN QUỐC SỸ

- | | | |
|---------|---|----------------------|
| Bois | { | — 2 flûtes |
| | | — 1 clarinette |
| | | — 1 hautbois |
| | | — 1 basson |
| | | — 1 clarinette basse |
| Culvres | { | — 2 trompettes |
| | | — 2 trombones |
| | | — 2 cors d'harmonie |

Instruments à percussion (— 1 timbale
và — 1 piano

Như vậy ngân sách quốc gia chỉ phải cung cấp thêm cho chừng 1 triệu rưỡi một năm.

Thực là một sự đau lòng khi thấy các nhà yêu nghệ thuật của chúng ta phải bù đầu chất bộp gạo lộc cho đến mức tối thiểu như vậy. Với những lý lẽ sẽ trình bày dưới đây tôi nhấn mạnh ngay ở đây rằng: chúng ta nhất định phải có một dàn nhạc đại hợp tấu cho ra hồn nghĩa là gồm tối thiểu 50 người. Với số lương khế ước trên (nhạc trưởng là 8.000\$ một tháng, nhạc sĩ 4000\$ một tháng) ngân sách quốc gia chỉ phải đài thọ một số tiền là hai triệu rưỡi một năm.

Hai triệu rưỡi một năm! Tôi thiết nghĩ ngân sách quốc gia chỉ cần nghiêm khắc trong việc chi tiêu các ngân khoản khác một chút cũng dư để có số tiền thừa nhỏ mọn trên mà cung cấp cho một nhu yếu không thể không có được nữa.

NHỮNG LÝ LỀ CỦA CHÚNG TÔI

— Năm 1938 khi ban đại hợp tấu Đại Hàn sang đây, qua sự giao thiệp thân mật: các nhạc sĩ Việt nam được biết các nhạc sĩ Đại Hàn đã được « công chức hóa » mỗi người lương tháng tính sang tiền Việt nam chừng 7000\$ một tháng. Qua câu chuyện thân mật với nhạc trưởng Soelner thì lương nhạc sĩ Đức tính sang tiền Việt nam khoảng từ 10.000\$, đến 18.000\$ chưa kể thâm niên. (Những nhạc sĩ tài ba lão thành được hưởng thêm khoản tiền thâm niên là lẽ dĩ nhiên). Xét ra chúng ta không thể không công chức hóa các nhạc sĩ trong dàn nhạc đại hợp tấu bằng cách chấp nhận họ vào khế ước để họ chỉ còn việc chịu theo kỷ luật, hàng ngày chuyên tập luyện khỏi lo vấn đề sinh kế.

— Tại các nước lớn Âu Mỹ, mỗi thủ đô hoặc một thành phố lớn của họ đều có từ trên dưới mười dàn nhạc đại hợp tấu chính thức do ngân sách đài thọ không kể những dàn nhạc nhỏ khác của tư nhân, của các đoàn thể, các trường trung học, đại học.. Riêng về nước Nhật tại Tokyo hiện cũng có tám dàn nhạc đại hợp tấu. Nước Nhật thành lập ban nhạc đại hợp tấu từ 1928. Họ mời hẳn nhạc trưởng tài ba ngoại quốc tới huấn luyện, đồng thời cử nhạc sinh đi ngoại quốc du học. Các bandes

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

symphoniques của đài phát thanh Tokyo gửi đến đài phát thanh Saigon để trao đổi văn hóa đều có kèm theo bản tiểu sử của từng dân nhạc của họ (thành lập từ năm nào, thành phần ra sao, ai là nhạc trưởng, đã đi công diễn những đâu...) Truyền thống học hỏi đến nơi đến chốn đó của người Nhật thực hiện ở mọi ngành kỹ thuật, nghệ thuật, văn học chứ chẳng riêng gì ngành nhạc. Cho đến nay với sự giúp đỡ tận tình của các nước bạn tự do chúng ta không thể nhúc nhích để noi theo lấy muôn một gương người Nhật bản ?

— Đài phát thanh các nước bạn : Mỹ, Đức, Canada, Nhật, Đài Loan, Triều Tiên... đều đã gửi *bandes symphoniques* đến đài phát thanh nhà, đáp lễ lại họ chúng ta quanh quẩn chỉ có vài *bandes* cổ nhạc. Đã đành cổ nhạc biểu lộ cá tính dân tộc là điều rất đáng quý nhưng chỉ cổ nhạc không thôi đâu có đủ ?

— Như trên đã kể, có biết bao nhiêu ban nhạc bạn đến Saigon biểu diễn tài nghệ, đáp lễ toàn thể nói chung và Đại Hân nói riêng chúng ta đã có gì ? Một con số không lớn !

MỘT VÀI QUAN NIỆM THIỀN CẬN SAI LẦM CẦN ĐƯỢC ĐẢ THIÔNG

— Không phải dân nhạc đại hợp tấu chỉ để tấu những hòa khúc lớn của Tây phương. Đây chỉ là một dân nhạc giàu có âm thanh diễn tả phong phú, thể thôi. Trong những cuộc viễn du của dân nhạc Nhật (khi họ sang Âu Mỹ) sau khi đã trình diễn nhạc cổ điển Tây phương, kế đó họ trình diễn nhạc Nhật kể cả cổ nhạc với những nét độc đáo của dân tộc Nhật.

Dân nhạc đại hợp tấu chính là « kích thích tố » thúc đẩy ngành tân nhạc nước nhà sớm phát triển về phẩm chất không chỉ về lượng mà rom rác như bây giờ. Các nhà soạn nhạc đã biết thận trọng càng thêm thận trọng khi tác phẩm của họ được dân nhạc đại hợp tấu trình diễn. Do đấy nâng cao dần trình độ thưởng ngoạn của dân chúng.

— Bảo là quốc gia trong lúc này đang cần những việc thiết thực hơn, dân nhạc đại hợp tấu là một xa xỉ phẩm. Xin hỏi lại : Thế nào là thiết thực ?

Âm nhạc là một ngôn ngữ đại đồng (*langue universelle*) với trình độ thưởng ngoạn của các dân tộc ngày nay, dân nhạc đại hợp tấu biểu hiện một khía cạnh văn hóa của dân tộc. Thanh danh của giới trí thức Việt Nam về trình độ thưởng ngoạn nghệ thuật sẽ ra sao dưới con mắt quan sát của người ngoại quốc khi họ thấy giới này không một thái độ thiết tha, không một cử chỉ cố gắng ủng hộ hoặc tinh thần hoặc vật chất về sự thành lập tiếng nói rộng lớn của ngành ngôn ngữ đại đồng đó ?

— Giới nhạc sĩ Phi Luật Tân sẽ nghĩ sao khi thấy chúng ta phải mời

ĐOÀN QUỐC SỸ

thêm ba nhạc sĩ của họ để tăng cường cho một hiện diện tối thiểu ?
(Không kể sự tốn kém mà ta phải đài thọ. Thực chẳng khác gì « hà tiện mà ăn cháo hoa, đồng hành đồng mũ cũng ra ba đồng »)

SỰ LỢI ÍCH KHI DÀN NHẠC ĐƯỢC THÀNH LẬP

Ngược lại nếu dàn nhạc được thành lập (tối thiểu 50 người, càng nhiều càng hay) :

— Các nhạc sĩ sẽ yên tâm học hỏi tập dượt chuyên cần theo kỷ luật, tài nghệ sẽ vượt bậc trông thấy.

— Chúng ta sẽ có dịp trao đổi văn hóa với các đài phát thanh bạn giữ thể diện cho tiếng nói Cộng Hòa Việt Nam.

— Phát triển và thúc đẩy các nhà soạn nhạc Việt Nam về phẩm cũng như về lượng, đồng thời nâng cao trình độ thưởng ngoạn của dân chúng.

— Ngoài phần sự tại đài phát thanh, dàn nhạc còn trình diễn trong những buổi tiếp tân, giúp vui trong những buổi tổ chức giải trí lành mạnh (dàn nhạc đã là của chính phủ rồi mà) v.v...

Để kết luận chúng tôi dùng ngay câu chuyện sớt rẻo gần đây. Năm 1960 nhạc trưởng Soelner tới. Ông thực là điển hình cho hạng người chỉ biết tận tụy vì nghệ thuật. Dưới sự chỉ dẫn đến nơi đến chốn của ông thoát là những hiệu thuốc đắng — thật đắng như trên đã nói — cho các nhạc sĩ Việt Nam. Qua đi một thời gian ngắn, sự cố gắng và sự sáng ý của các nhạc sĩ nhà đã hoàn toàn chinh phục được lòng cảm mến của vị nhạc trưởng già khả kính trên. Bữa tiệc chia tay tạm biệt ngày nào chứng tỏ bao cảm tình nồng hậu.

Giờ đây ông Soelner đã trở lại, ông linh lương của chính phủ Tây Đức để huấn luyện dàn nhạc đại hợp tấu — (vẫn còn ở giai đoạn tái tử) — của ta. Ông hết sức lạc quan về sự tiến bộ của dàn nhạc nhà và hứa sau chuyến lập dượt này có thể mang dàn nhạc nhà sang Đài Loan công diễn. Ông nói « Dàn nhạc Việt Nam nếu được tập luyện như thế này hai năm liền sẽ không thua bất cứ một dàn nhạc Á châu nào ». Một nhạc trưởng ngoại quốc tin tưởng và khích lệ các nhạc sĩ nhà như vậy, còn chính ta ?

Tôi đây chúng tôi đã nói hết lời.

Và đợi tiếng vang của giới thẩm quyền.

Ông giám đốc đài phát thanh — (Người có thiện chí !)

Ngân sách Quốc gia (?)

ĐOÀN QUỐC SỸ

PHÒNG TRIỂN LÃM MÙA XUÂN 1961

Hôm nay, nói chuyện về phòng triển lãm mùa xuân 1961 có lẽ hơi muộn. Nhiều người đã nói đến rồi. Nhưng thử không nói như mấy người khác, lúc là không đề cập tới cá nhân họa sĩ trong cuộc họp mặt này, mà nói tới mấy vấn đề tổng quát. Tuy thế, công việc phải tổ nhị lắm.

Trước hết tôi muốn nói tới kỹ thuật của chúng ta, của các bạn ở trong phòng tranh này. Nhận xét riêng, nhưng tôi chắc chắn là đúng, là tất cả mọi người cùng mơ mộng và lãng quên thực tế: kỹ thuật. Thực tế đó bắt buộc chúng ta phải làm việc có khoa học hơn, luận lý hơn, bởi vì chúng ta chưa thể làm gì được hết trước khi chúng ta học được nghề, vẽ cũng là một nghề, một nghề đòi hỏi nhiều thông minh, nhiều trí thức nhiều công phu. Nhưng thường chúng ta đều có ở mỗi người một tâm hồn nghệ sĩ hết, nên chúng ta không thể chịu nổi cái bó buộc của lý trí, cái thực tế nặng nề của kỹ thuật. Chúng ta đã làm việc vô kỷ luật để thỏa một chút bông bột của tâm hồn phóng khoáng, tính chất thường có ở những người nghệ sĩ. Rốt cuộc, chúng ta có gì, ngoài một chút tài năng hiển hiện một cách nông cạn (nếu là kẻ có tài thật sự) hoặc những thứ bừa bãi dơ dáy, hoặc những thứ tro trơ, khô cằn.

Chúng ta, do một truyền thống, thường sống nhiều ở nội tâm hơn ngoại giới, thường mơ mộng hơn thực hiện, do đó kém tính thần khoa học. Người Âu-châu thừa thãi cái tính thần khoa học đó nhưng một Picasso, một Chagall, một Modigliani v.v... trước khi thành Picasso, Chagall, Modig như ý nghĩa, đã là những người học nghề, những người thợ hết. Kết quả của sự học đó là nắm vững được chất sơn của mình, nắm vững được đường nét của mình do đó có một bút pháp riêng biệt, do đó bản sắc của mình sáng tỏ. Về sự học nghề, tôi cũng nên nói thêm, là không phải ở những trường học với những cấp bậc; ở đó người ta cũng học nghề, nhưng để sau này làm công. Còn chúng ta, chúng ta học ở những bậc thầy, học những kinh-nghiệm của họ (ở xứ muỗi cắn này, không có bảo tàng viện nghệ thuật đúng nghĩa vậy sách vở thay thế vào đó), để sau này làm chủ cả một bản chất cá nhân, làm chủ cả một hòa hợp của tạo vật, làm chủ được cả một sáng tạo mới mẻ. Đó là cái hạnh phúc lớn nhất của con người. Chúng ta còn phải cố gắng nhiều, với tính thần trách nhiệm, trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với chuyên vận chung của xã hội. Chưa phải lúc để là bậc thầy, chỉ là lúc để là học trò. Tôi mong các bạn cùng cảm thông, cùng hiểu mình, cùng hiểu chỗ đứng của mình với nền hội họa thế giới.

Phần thứ hai tôi muốn đề cập tới nhân phòng tranh mùa xuân này là sự phê bình nghệ thuật. Đó là phương pháp để cầu tiến. Cộng sản chúng nó kiểm thảo. Chúng ta không làm kiểu đó, chúng ta nhận xét, chiêm niệm, khám phá, bác bỏ và đề nghị. Nhưng phần đông mấy nhà

phê bình ở đây làm việc có vẻ « ngoại giao » lấy cớ, vô trách nhiệm. Tôi muốn những nhà trí thức có thẩm quyền về việc đó — phê bình nghệ thuật — lên tiếng để có những phê phán đứng đắn, trước là bênh vực quyền lợi của họa-sĩ, sau là nâng cao nghệ thuật (sáng tác) và trình độ thưởng ngoạn. Chúng tôi — tạp chí Văn Nghệ — sẵn lòng tiếp nhận thái độ có trách nhiệm đó của bất cứ người nào cũng như chúng tôi sẽ cố gắng — cho đến tận lực — làm cho tiếng nói của giới phê bình ở đây mang đầy đủ nguyên chất: đứng đắn, hữu trách và trí thức, trên quan điểm của một ý thức tỉnh giấc cửa quây đê chỗi lên một ánh sáng mới.

Sau hết, chúng tôi nói đến chuyện giải thưởng. Giải thưởng của văn hóa vụ năm nay là một huy chương vàng, hai huy chương bạc và ba huy chương đồng. Nhưng xét lại, giải thưởng như vậy, ngoài mục đích khuyến khích đáng quý, nó không giúp ích được gì cho họa sĩ hết, có khi còn tăng thêm lòng kiêu ngạo, một tật xấu rất nguy hiểm cho những người trẻ tuổi. Chúng tôi muốn đề nghị với văn hóa vụ một giải thưởng thực tế hơn, lợi ích hơn. Chúng tôi muốn nói đến những số tiền nhỏ, những học bổng nhỏ để tích cực gây phương tiện cho những họa sĩ phần đông phải tranh đấu gay go với miếng ăn, bù đắp tối mắt không còn đầy đủ phong độ trong khi sáng tác nữa. Trong sinh hoạt lợi hại còn đầy đủ phong độ trong khi sáng tác nữa. Trong sinh hoạt lợi hại hiện tại, không khí như sắp quang đăng hơn. Chắc chắn là không lâu lắm, chúng ta cũng sẽ thực hiện được điều gì quan trọng hơn. Song song với sự sáng tác của các họa sĩ, song song với sự phê phán, khám phá của những nhà phê bình đứng đắn, những người nghĩ ra phòng triển lãm mùa Xuân (một hiện tượng quan trọng của lịch sử nghệ thuật ở đây) nghĩ ra những huy chương vàng, bạc... tại sao không nghĩ tới những số tiền thưởng, những học bổng du học ngoại quốc?...

Trời đã đổi mùa. Trời mưa, miền Nam bắt đầu gieo mạ, cấy, cấy. Chúng ta thử làm người nông phu một chuyến.

ANH OANH

ĐỌC : ĐƯỜNG XA CHI MẤY
TRUYỆN DÀI CỦA LAN ĐÌNH
NHÀ XUẤT BẢN : NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

Nhà xuất bản Nguyễn-Đình-Vượng vừa cho phát hành một cuốn sách mới — đó là quyển Đường xa chi mấy, tập truyện dài đầu tay của Lan-Đình, một tác giả trẻ tuổi.

Hình thức cuốn sách gần hai trăm trang, tương đối phần ấn loát của nhà xuất bản đã có đôi chút sáng sủa và tiến bộ kể cả bìa và ruột, tuy nhiên người ta vẫn thấy một cái gì cầu thả, tác trách đối với cuốn sách được in ra. Sau đây tôi nói về D. X. C. M và Lan-Đình.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Điều đầu tiên tôi phải thừa nhận ngay là khi tôi giới thiệu Đường xa chỉ mây và tác giả của nó không phải vì tác phẩm này đã được trao tặng một giải thưởng văn chương với bảy ngàn đồng bạc đầu, vì giá trị của những giải thưởng — được mệnh danh là giải thưởng văn chương thật nó chẳng văn chương chút nào. Tôi nhắc đến D. X. C. M vì đó là một cuốn truyện được in ra trong lúc không có truyện, và sau nữa Lan Đình là một người viết trẻ đang cần phải học hỏi, đang cần được nâng đỡ khuyến khích trên con đường dài đằng đẵng của nghệ thuật mà những ai trong chúng đã chọn lựa.

Đường xa chỉ mây là chuyện một chàng thanh niên tên là Khôi, sống với một gia đình gồm mẹ, chị, một đứa cháu mà bố nó đã chết, mẹ nó đi lấy chồng, bên đó là sự liên lạc với một gia đình thứ hai—gồm bố mẹ còn có một cô con gái vừa xinh vừa hiền để trở thành người yêu của Khôi. Cuốn truyện bắt đầu lúc Khôi còn nhỏ đi học trải qua nạn đói rồi chiến tranh 1945, những tản cư, hồi cư, luân lạc lúc chia cách, lúc đoàn tụ, khi ở tù... sau cùng Khôi phải đi động viên. Cuốn truyện dứt ở chỗ Khôi xuống tàu đó. Thời gian của cuốn truyện được dựng lên là một quãng lịch sử đau thương mà hầu hết chúng ta đã sống, một bầu không khí về xã hội về lịch sử. Cuốn truyện muốn bày tỏ tâm trạng và đời sống của một thanh niên trong quãng loạn lạc đó.

Trong ít năm nay nhiều cuốn truyện đã ra đời dùng thời gian và khung cảnh của những năm trước đây, nhưng thực ra chưa có một cuốn nào tiêu biểu xứng đáng cả. Điều này tôi vẫn lấy làm khó chịu, cả một thời gian như thế, bao nhiêu điều cần phải được nói ra, viết ra. Bao nhiêu vinh nhục, uất ức đau khổ, bất mãn, dồn nén. Bao nhiêu phản tỉnh dưng cảm, hối tiếc cùng ân hận, cùng đó một quãng những đau khổ của thời đại chúng ta, như thế là làm sao?

Trở lại cuốn truyện của Lan-Đình, như tôi đã nói, nó muốn trình bày tâm trạng của thanh niên với thời đại, suốt gần 200 trang giấy, với gần ấy nhân vật bao nhiêu khung cảnh, biến cố, nhưng tất cả những cái đó dưới mắt Lan-Đình nó cũng như bất cứ một điều nào, Lan-Đình hiện hành đến độ quê mùa nông cạn, điều này không phải chỉ ở nơi cái vẽ mà Lan Đình dùng nơi kỹ thuật đầu: một giọng đều đều kể lể những sự việc, nó còn nằm ngay ở những nhân vật hơi hợt, bình lặng không đúng chỗ.

Sống trong một thời đại mà nhân vật phải chịu đựng bao nhiêu biến cố, sự thoát xác của cả một xã hội, nào cộng sản, nào đế quốc nào thực dân, nhưng nhân vật Lan Đình đã chọn nơi yên ổn hèn mọn, phải chăng có sự chọn lựa này để Lan Đình đủ sức diễn tả?

Có người đã nói với tôi: Chỉ nên viết khi nào mình đối diện với một tác giả, một ý thức mà từ đó mọi điều tin tưởng bỗng nhiên sụp đổ xô mình vào một tình trạng khủng khiếp, nghĩa là thấy cần phải nói ra, khi đó hãy bắt đầu. Điều trên đây là đề nhủ thầm với những người sắp viết vẫn thấy sự cần thiết cầm bút của mình hay không. Cũng từ đó để nói đến sự thất bại của Lan Đình, sự thất bại của một người trẻ

không đáng ngại, vì là những thất bại cần thiết để làm những thành công lớn lao, nhưng chúng ta cũng cần phải suy nghĩ lại. Có người cho rằng Lan Đình đã chứng mực, vừa phải với những điều ông đã sống. Thực ra không phải, mà phải bảo rằng Lan Đình chưa sống sâu sắc, chỉ mới tản cư, chỉ vào tù, chỉ yêu... ở cái bề mặt mà chưa sống với nó, cho nên Lan Đình không thể nào diễn tả được. Nói đến sự chứng mực, vừa phải đối với Lan Đình thì thật đáng tức cười. Trong số những người viết văn có bản sắc ở đây—Võ Phiến là người viết chứng mực và vừa phải—nhưng đối ngay với Võ Phiến, một người lớn tuổi cũng đã làm cho tác giả này nghèo nàn, chậm chạp đi nhiều lắm, như vậy đối với Lan Đình còn nguy hại hơn nếu ông vẫn như thế mãi.

Tuổi trẻ có một đời sống sôi nổi, thành thực nhiều khi bừa bãi và tàn nhẫn, nhưng đó lại là sự cần thiết cho ngay những tác giả trẻ, người ta tìm kiếm bất ngờ, đột cảm, cùng những thiếu sót tất nhiên, để còn hy vọng tiến tới, như vậy tôi có thể nói: sự chứng mực, vừa phải nếu có thực ở Lan Đình thì điều đó cũng chẳng cần thiết gì mà còn nguy hại nữa.

Lan Đình trong mấy năm gần đây đã khá quen thuộc bởi sự đều đặn của Lan Đình trên nhiều tạp chí, từ những tờ báo quân đội, tới những tờ báo mà khuynh hướng trái ngược hẳn nhau, chủ nào người ta cũng thấy, và tự Lan Đình không có một bản sắc chính, một khuynh riêng, có lẽ bởi điều này làm ông chậm chạp không tiến lên được.

Đường xa chỉ mấy đã đến tay chúng ta, một tác phẩm của Lan Đình, từ đó người ta chưa thấy gì ở Lan Đình, dù ông có thiện chí, nó chưa giới thiệu được gì cho chúng ta có thể tin tưởng. Chúng ta chỉ có thể tin tưởng khi nào Lan Đình từ bỏ những gì Lan Đình đã có, để làm mới lại Lan Đình. Với ý muốn của một người ít tuổi muốn làm mới, làm thay đổi không khí tiểu thuyết hiện nay, tôi viết những giòng thành thực chủ quan này về Lan Đình, từ đó, con mắt người lạ có thể coi là [sai lạc thiếu sót.

BA ĐÊM KỊCH, MỘT BÀI HỌC

Cũng trên tạp chí Văn Nghệ này, trong phần thời sự văn nghệ, chúng tôi đã có dịp nhắc đến ban kịch Thời Đại qua vở chúng nó Ba tháng của Nguyễn Đức Trọng tức Mỹ Tín, được mang lên sân khấu của thành đường trường quốc gia âm nhạc. Khi nhắc đến, chúng tôi chỉ coi đó như một thiện chí ngoài ra không có gì đáng kể.

Sau đêm kịch đó với những dư luận, ý kiến trực tiếp hay gián tiếp, chúng tôi tưởng rằng ban kịch Thời Đại đã nhìn thấy sự thất bại của mình. Tôi không muốn nhắc đến vở kịch này nữa, bởi vì nói cho đúng: nó hỏng ngay từ kịch bản, từ đạo diễn, từ diễn viên, dàn cảnh..., nghĩa là hỏng hoàn toàn. Vở kịch sau đó tôi tưởng đã nằm trong mồ yên mà đẹp để cho mọi người nhất là giới văn nghệ thấy rõ thiện chí của ban kịch Thời

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Đại, như thế chắc hẳn cảm tình sẽ còn giữ mãi, vì thất bại là chuyện thường cho những bước đầu, nhưng chúng tôi không thể không viết thêm về nó — về vở kịch khi nó lại muốn sống. Ban kịch Thời Đại đã đem trình diễn lại nó liền ba đêm tại rạp olympic ở Saigon. Sự việc này khiến chúng ta đặt ra câu hỏi: Phải chăng ban kịch Thời Đại đã coi rẻ giới thưởng ngoạn ở đây, và khinh nhờn với khán giả, coi khán giả như một lũ ngu si không biết gì về kịch để các ông làm thế nào nên thế. Và câu trả lời đã đến đó, với ba đêm kịch rạp olympic vắng tanh, dù các ông đã cho quảng cáo vào đó hàng lò những ca sĩ ăn khách vẫn không lừa được tính cách thương mại của nó. Và chuyện lỗ vốn hàng chín mươi vạn là một lẽ rất giản dị không ai thương sót.

Như thế có một câu hỏi được đặt ra: Tại sao có sự thất bại thảm thương như thế? Chúng ta đã nghe một vài lần tên ông Nguyễn Đức Trọng, tức Mỹ Tín, chủ nhân một hiệu đàn và sách lớn ở Saigon, nhưng ông lại ham mê sân khấu. Chỉ cần nhìn vào việc làm của ông cũng thấy: ông vừa tổ chức, vừa viết kịch, vừa đạo diễn, vừa diễn viên chính — đó là những việc rõ nhất, biết đâu ông còn giữ cả trăm việc khác. Từ việc nhỏ đó người ta cũng có thể nhìn thấy một phần thất bại. Tôi không có ý hạ giá rằng một người không thể làm được từng ấy công việc đâu, nhưng một người làm một việc còn có khuyết điểm nữa là nhiều. Trong khi đó, ở kịch thì những vai trò: soạn giả, đạo diễn, diễn viên chính lại cần thiết những người riêng rẽ mới mong khá được: kịch phẩm phong phú thêm, diễn viên sống hơn. Có người cho ông Mỹ Tín ồm ồm như thế vì chúng ta thiếu nhân tài để càng đáng nên ông không thể giao cho ai được. Nếu như vậy thật thì cũng chẳng oan gì cho cái xứ nhược tiểu này. Đã như thế vở kịch lại không được sửa soạn đáng hoàng, sau lần diễn thử, rồi lần sau sửa đổi việc tập rượt gấp rút quá — như vậy làm sao có thể khá được — điều này chính anh Lê Văn đã nói với tôi, tại sao lại làm việc một cách kỳ cục như thế, phải chăng đây chỉ coi là một việc nhất thời khoe danh, khinh thường, mà không nghĩ đến tính cách lâu dài của nó?

Về phần bài trí thì thật khủng khiếp — Tôi chắc đây là một người vẽ quảng cáo làm phong kịch, người ta bắt chấp màu sắc, ánh sáng, đường nét mà chỉ nghĩ đến việc bôi màu ra cho vui mắt thế thôi.

Sự thất bại của ban kịch Thời đại về giá trị của nó cũng như vấn đề thương mại là một bài học cho mọi người chúng ta. Nó là một bài học đích đáng cho những ai tưởng rằng làm nghệ thuật dễ, ai cũng làm được, nứt mắt ra đã là thiên tài. Không phải như thế, nó còn trăm nghìn yếu tố ở quanh đó. Sau thất bại này, giới thưởng ngoạn sẽ còn khinh rẻ kịch, bởi vì họ đã bị xem « kịch giả » — và đó là một điều bất chúng ta suy nghĩ và làm việc.

Kịch, công trình nghệ thuật tập thể đó đang kêu gọi những người viết văn, làm thơ, làm hội họa, làm âm nhạc phải quan tâm đến, bởi công việc đó là của chúng ta. Phải có những người đó mới có kịch. Đã đến lúc chúng ta phải gạt bỏ mọi lý hiểm, mọi ngàn cách,

P.T.N.

chúng ta phải cõi mở và rộng lượng bao dung để gặp mặt nhau, chúng ta phải cộng lại những sức lực hèn mọn của mình để làm kịch—cũng như trăm ngàn công tác khẩn thiết cho văn học nghệ thuật chúng ta. Có như thế chúng ta mới có thể làm sáng sửa được không khí hiện nay. Không thể ngồi yên được nữa, tôi viết giòng khẩn thiết này kêu gọi mọi người: Hãy làm sống kịch, làm sống văn học nghệ thuật cho thời đại chúng ta.

P.T.N.

cáo lỗi

Vi lý do kỹ thuật ngoài ý muốn của chúng tôi các bài: Lược khảo phong trào thơ siêu thực Pháp của Lê Huy Oanh, Nói thêm về nỗi khốn khổ của văn học nghệ thuật hiện nay của Dương Nghiễm Mậu... và loạt bài: Nhân thành lập Viện Văn Hóa phải gác lại số tới, xin cáo lỗi bạn đọc.

VĂN NGHỆ

PHIẾU MUA BÁO

Tên..... địa chỉ.....

Bằng lòng mua..... tháng..... năm..... tạp chí Văn-Nghệ

kể từ số..... tháng..... đến số..... tháng.....

Tôi gửi kèm theo đây ngân phiếu (hoặc số tiền).....

ngày..... tháng..... năm 19.....

người mua hý

Tiền bạc và ngân phiếu xin để bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Giả báo: mỗi số 10đ. — 3 tháng 10đ. — 6 tháng 80đ. — 1 năm 100đ. —

công sử giả 20đ. — Báo gửi đi ngoại quốc bằng đường hàng không tính

thêm tiền cước phí, hiện tòa soạn còn một ít báo từ số 1. reformed by LuíTao Chau

thờ hỏi mua nơi tòa soạn.

Tối thăm xưởng vẽ của anh

Tối thăm anh Ngọc Dũng vào buổi chiều trà xếp bầy trên ghế mây với mấy ông bạn không biết ở đâu. Còn Dũng thì có vẽ thì anh chắt ních những tranh trên tường, được Anh sắp bày tranh tại Phòng triển lãm thư tháng 6 này. Và đó cũng là lý do tôi đến thăm người hăm mộ hội họa.

Kề thì ở xứ này, được tối thăm một xưởng là một điều thích lớn. Hơn nữa được anh mời một lượt, trong khi ngoài trời mưa, tối xuống, thì mà có một điều phổ thông rất khốn nạn là Duy Thanh — cũng ở trong hẻm hóc, không khoái trí trước mấy chục tác phẩm hội họa tường treo mấy bài thơ của chính anh ha lạng và người ta đọc thấy cái hồn thơ có dung, tĩnh vật, phong cảnh và nhất là phổ. vị đặc biệt, làm nhớ mấy cái Nocturne của Schubert. Anh có cho tôi coi vài dessin sẽ Thích lắm. Nét vẽ của Ngọc Dũng rất tài h. Một chân dung làm nhớ tới cô Oanh, đã nhưng ngại quá. Cuộc triển lãm này c nhiều hào hứng lắm vì nó được chuẩn bị k nay. Thấy Ngọc Dũng vẫn giữ cái bút ph. Ở đây, chúng ta chỉ trông mong được nh. Dũng, được có một tâm hồn như Ngọc. nghề nghiệp như Ngọc Dũng. Cuối cùn thưởng. Tôi có đề ý đến một thanh mã t còn gặp được bức ảnh gần như khóa t không làm tôi kinh ngạc bằng thanh mã t nhà của họa sĩ mà có thứ kỳ cục đó. An bảo : có công dụng lắm. Trước có người mã tấu dọa : nếu muốn chặt cây đó thì Về, tôi ngẫm nghĩ : thanh mã tấu, cây g chân dung, tĩnh vật, phổ, bao nhiêu đó con người của anh : thô bạo, thơ mộng

giá 15đ

nhà in Lê Văn Thoan 34 đường cô Bắc S

reformed by Le Tung Chau